

Mục lục

Lời người dịch	6
Lời người dịch	8
Thơ bốn câu.....	10
Lý Thường Kiệt.....	10
Đỗ Pháp Thuận.....	11
Ngô Chân Lưu.....	12
Lâm Khu.....	13
Dương Không Lộ.....	14
Lý Càn Đức.....	15
Đoàn Văn Khâm	16
Kiều Trí Huyền.....	17
Từ Lộ.....	18
Hoàng Viên Học.....	20
Kiều Phù.....	21
Âu Đạo Huê.....	23
Hứa Đại Xã.....	25
Nguyễn Quảng Nghiêm	26
Trần Cảnh	27
Trần Tung.....	34
Trần Hoảng.....	42
Trần Khâm.....	50

Trần Thị Kiến	64
Trần Quang Triều	65
Đông Kiên Cương.....	68
Lý Đạo Tái.....	70
Mạc Ký.....	85
Trương Hán Siêu	86
Nguyễn Sưởng.....	88
TRẦN Mạnh	89
Trần Hiệu Khả.....	92
Phạm Ngộ.....	93
Phạm Mại	94
Nguyễn Tử Thành	95
Nguyễn Úc.....	100
Chu Văn An.....	105
Phạm Sư Mạnh.....	109
Lê Quát.....	113
Trần Nguyên Đán.....	116
Trần Phủ	122
Trần Đình Thâm.....	124
Trần Công Cẩn.....	125
Chu Đường Anh.....	126
Vũ Thế Trung.....	127
Trần Quan	128
Lê Liêm.....	129
Tạ Thiên Huân.....	130
Trần Ngạc.....	133
Nguyễn Phi Khanh.....	134
Nguyễn Trãi.....	147
Nguyễn Bình Khiêm	156

Nguyễn Năng Nhượng.....	159
Đặng Đề.....	162
Lưu Đình Chất.....	165
Phạm Quý Thích	166
Nguyễn Đình Sách	181
Nguyễn quý đức.....	183
Đặng Đình Tường.....	184
Ngô Thì Úc	190
Lê Cảnh Tuân.....	191
Lê Thánh Tông.....	194
Nguyễn Trung Ngạn	220
Đỗ Cận	223
Phùng Khắc Khoan	224
Nguyễn Tiên Sách	230
Nguyễn Công Hãng.....	232
Khuyết danh	233
Lê Quang Viện.....	234
Đoàn Nguyễn Tuấn	235
Ngô Thì Nhậm	237
Nguyễn Hành.....	245
Trịnh Hoài Đức.....	262
Nguyễn Du.....	263
Nguyễn Khuyến.....	276
Phan Huy Chú	278
Phan Thanh Giản.....	281
Bùi Di.....	282
Cao Bá Quát.....	283
Nguyễn Thượng Hiền.....	288
Thơ tám câu	292

Đoàn Văn Khâm	292
Lý Ngọc Kiều.....	294
Vạn Trì Bát	295
Trần Cảnh	296
Trần Tung	304
Trần Hoảng.....	312
Trần Quang Khải	315
Hồ Quý Ly.....	321
Phạm Nhân Khanh	322
Trần Thuần Du.....	329
Đặng Dung.....	331
Lê Cảnh Tuân.....	332
Phạm Nhữ Dực	338
Nguyễn Nhân An.....	350
Nguyễn Năng Nhượng.....	352
Đặng Đề.....	353
Lê Thánh Tông.....	356
Nguyễn Tử Thành	381
Nguyễn Úc.....	384
Chu Văn An.....	390
Phạm Sư Mạnh.....	396
Trần Nguyên Đán.....	408
Trần Phù	431
Nguyễn Quý Ưng.....	433
Doãn Ân Phủ.....	434
Nguyễn Phi Khanh.....	435
Nguyễn Trãi	467
Nguyễn Bình Khiêm	510
Phùng Khắc Khoan	543

Trần Lô.....	567
Vũ Cán.....	568
Nguyễn Thiên.....	572
Lê Bá Ly.....	574
Bùi Bá Chiên.....	575
Đào Nghiễm.....	576
Giáp Hải.....	581
Vũ Cản.....	586
Nguyễn Thực.....	597
Nguyễn Danh Thế.....	598
Nguyễn Đăng.....	599
Phạm Quý Thích.....	600

Lời người dịch

(Lần in đầu 1998, NXB Văn Học)

Tôi thuộc lớp người hậu sinh, Tây học, mấy chục năm qua chỉ chuyên dịch văn thơ phương Tây, mãi gần đây mới bắt đầu đọc nhiều và thâm thúy dần cái đẹp, cái sâu lắng của thơ cổ phương Đông, đặc biệt là thơ chữ Hán Lý Trần của Việt Nam và thơ Đường Tống của Trung Quốc. Đó là một sự thiệt thòi và là lỗ hổng lớn về kiến thức của tôi. Dầu không biết chữ Hán và sự hiểu biết về vốn cổ cũng hạn chế, càng đọc, tôi càng nung nấu ý nghĩ phải làm một cái gì đó lớn hơn sự thưởng thức đơn thuần của người đọc đối với mảng thơ tuyệt vời này. Tập thơ các bạn đang cầm trên tay là kết quả của ý định đó.

Thơ chữ Hán Việt Nam và thơ Đường Tống Trung Quốc là di sản chung của mọi người, mọi thời đại. Xin hãy xem công trình lao động này của tôi - dầu còn nhiều điều chưa thỏa đáng, thậm chí có thể khó chấp nhận - như tấm lòng, tiếng nói và cách đọc hiểu của một thế hệ đối với di sản đó. Vì không biết ngôn ngữ nguyên bản, tất nhiên tôi phải dựa vào bản dịch nghĩa và dịch thơ của người khác. Tôi đối chiếu nhiều bản khác nhau, từ đó chọn cho mình một cách hiểu và diễn đạt riêng. Nói chung, những người dịch trước tôi đều cố gắng trung thành tối đa với câu chữ nguyên bản. Đó là một quan điểm đúng và cần thiết của nghề dịch, tuy nhiên, cái giá không tránh khỏi là nhiều khi bản dịch chưa đạt được sự trong sáng và chất thơ mong muốn. Tôi có thể làm tương tự và chắc cũng khó tránh nhược điểm đó. Do vậy, tôi quyết định đi theo một hướng khác, là tập trung truyền đạt tứ thơ, hình ảnh và ấn tượng. Nghĩa là trong trường hợp cần thiết, sẵn sàng bỏ không dịch hoặc thay

đổi một số từ và ý phụ. Nói nôm na, tôi hầu như không dịch mà viết lại. Vì thế mà tôi mạo phép, bắt chước cái nhà thơ cổ, xin được đặt tên cho tập thơ này là "Cổ thi tác dịch". Để so sánh, tôi in kèm theo bản phiên âm của từng bài. Có lẽ đây là một thử nghiệm sẽ gây tranh cãi, vậy tôi có mấy lời chân thành mào trước, mong được bạn đọc lượng thứ.

Cũng nhằm mục đích so sánh nhưng ở góc độ lớn hơn, tôi in kèm ở phần phụ lục cuốn sách này những bài thơ bốn câu của Oma Khayam và Baba Takhi, hai tác giả lớn của một nền thơ khác, cũng phương Đông và không xa mấy về thời gian so với thơ Lý Trần Việt Nam và Đường Tống Trung Quốc được giới thiệu trong tập này, là nền thơ cổ Ba Tư.

Cuối cùng, tôi chân thành cảm ơn tác giả các công trình nghiên cứu, các bản dịch nghĩa và dịch thơ mà tôi tham khảo trong quá trình làm việc, cũng như các chuyên gia văn học, ngôn ngữ và bạn bè đã nhiệt tình giúp đỡ tôi. Tập thơ này chỉ gồm những bài tuyệt cú bốn câu. Sau này, nếu điều kiện cho phép, tôi sẽ "tác dịch" các tập tiếp theo, gồm những bài Đường luật tám câu của cả hai nước Việt Nam và Trung Quốc.

Hà Nội 30.9.1997

Thái Bá Tân

Lời người dịch

(cho lần in thứ hai)

Đây là bản in thứ hai cuốn "Cổ thi tác dịch" năm 1998, có sửa chữa, bổ sung một số bài tứ tuyệt và thất ngôn bát cú của các tác giả cổ điển Việt Nam. Ngoài ra, để bạn đọc có cái nhìn tổng quát hơn, lần này tôi cũng đưa vào đây các phân thơ bốn câu của Oma Khayyam và Ba ba Takhi, cũng như thơ năm câu từ tập Manhiôxu, Nhật Bản, và thơ sáu câu Triều Tiên đã in trong tập Thơ cổ phương đông cách đây không lâu.

Gần đây tôi quyết định chia tay với thơ, cả thơ viết lẫn thơ dịch, để tập trung sáng tác văn xuôi, trước mắt là truyện ngắn. Do vậy, những dự định to lớn về dịch đều phải bỏ giữa chừng. Tôi mới chỉ làm xong gần nửa công việc của cuốn "Cổ thi tác dịch" tập hai, dự định khoảng 1000 bài thơ tám câu các tác giả cổ điển Việt Nam. Sau đó sẽ đến tập 1000 bài tám câu Đường Tống. Thơ tứ tuyệt cũng muốn được bổ sung và in lại. Tuy nhiên, bây giờ tất cả chỉ còn trong ý định. Mong ước thì nhiều mà sức lại có hạn, đành phải dành cho những ý định khác cũng không kém phần thôi thúc.

Vậy đây là "chuyên tàu vét" các tác phẩm dịch của tôi về thơ cổ Việt Nam và Trung Quốc, gồm những gì đã in ở tập trước và bản dịch mới thơ tám câu (và một ít thơ bốn câu) của các nhà thơ cổ điển Việt Nam. Vì số trang có hạn, bản in lần này không có phần phiên âm tiếng Hán. Một số bài cũ được chữa lại đôi chút, chủ yếu về niêm luật và vần điệu. Cũng do dang dở, việc tuyển

chọn tác giả, tác phẩm chưa tiêu biểu, phần chú thích sơ sài và tùy tiện, nhiều chỗ còn sót. Mong được lượng thứ.

Nhân dịp này, xin lần nữa cảm ơn bạn đọc gần xa vì những tình cảm và sự khích lệ đã dành cho tôi suốt mấy chục năm qua với tư cách một người dịch.

Hà Nội, ngày 13.4.2001

Thái Bá Tân

Thơ bốn câu

LÝ THƯỜNG KIỆT

Tác giả: (1019-1105) vị anh hùng dân tộc, tên thật là Ngô Tuấn, Thường Kiệt là tên tự, sau được ban quốc tính họ Lý, thành Lý Thường Kiệt; quê ở Thăng Long; có tài thao lược, giỏi văn thơ; có công lớn trong việc xây dựng đất nước, đánh Tống, bình Chiêm.

1

Núi sông nước Nam

*Vua Nam cai trị nước Nam này,
Sách trời ghi rõ thế xưa nay.
Cớ sao ngoại giặc liều xâm phạm,
Ta quyết không dung lũ chúng này!*

ĐỖ PHÁP THUẬN

Tác giả: (915-990), không rõ tên thật và quê quán, là nhà thơ thế hệ thứ 10 dòng thiền Nam Phương, có kiến thức uyên bác, giỏi thơ văn, tích cực tham gia phò nhà Tiền Lê, được vua Lê Đại Hành phong làm Pháp sư.

2

Tra lời nhà vua(1) hỏi về ngôi nước

Ngôi nước như rồng cuộn,
Vua vô vi(2), anh minh.
Đất nước hết loạn lạc,
Nơi nơi hưởng thái bình.

NGÔ CHÂN LƯU

Tác giả: tức Khuông Việt (933-1011), người Cát Lợi, huyện Thường Lạc, nay là Tĩnh Gia, Thanh Hóa, lúc nhỏ học đạo, lớn lên đi tu. Do nổi tiếng tinh thông Thiền học nên được Đinh Tiên Hoàng ban cho hiệu là Khuông Việt đại sư.

3

Lý do có lửa

,

*Trong gỗ luôn có lửa,
Vẫn thế bao đời nay.
Nếu gỗ không có lửa,
Sao cháy được thế này?*

LÂM KHU

Tác giả: tức Huệ Sinh (?-1063), người làng Đông Phù Liệt, huyện Long Đàm, nay thuộc ngoại thành Hà Nội, 19 tuổi đi tu. Ông từng trụ trì nhiều nơi, được vua Lý Thái Tông yêu mến, phong đến chức Tả nhai đô tăng thống.

4***Tra lời Lý Thái Tông khi được hỏi về tâm nguyện***

’
’
*Vạn vật không mà có,
Có mà lại như không.
Khi hiểu được điều đó,
Người và Phật tương đồng.*

DƯƠNG KHÔNG LỘ

Tác giả: Không rõ năm sinh, chỉ biết mất 1119, người hương Hải Thanh, nay thuộc tỉnh Hà Nam, tổ tiên vốn làm nghề chài lưới, sau ông bỏ đi tu. Ông chuyên nghiên cứu về Thiền Tông và Mật Tông, cùng Thiền sư Giác Hải thường du ngoạn những nơi danh lam thắng cảnh.

5

Cái nhà của dân chài

,

*Sông xanh muôn dặm, trời muôn dặm,
Một xóm dâu gai, một xóm mây.
Ông chài ngủ quên, trưa tỉnh dậy,
Tuyết phủ trên ghe một lớp dày.*

LÝ CÀN ĐỨC

Tác giả: Túc Lý Nhân Tông (1066-1128), là con trưởng của Lý Thánh Tông và ý Lan Phu nhân, lên ngôi năm 7 tuổi, làm vua 56 năm, được xem là ông vua nhân ái và có tài.

6

Khen thiên sư Giác Hải và đạo nhân Thông Huyền

Giác Hải lòng như biển,
Thông Huyền đạo rất huyền.
Thần thông và biến hóa,
Một Phật, một thần tiên.

ĐOÀN VĂN KHÂM

Tác giả: Không rõ năm sinh, năm mất, thân thế sự nghiệp cũng không rõ, chỉ biết làm tới Thượng thư bộ Công dưới triều Lý Nhân Tông (1072-1128).

7

Tặng thiền sư Quang Trí

,

*Chông gậy lên cao, rũ bụi trần,
Đẻ ngắm mây trời ngắm sắc xuân.
Rất muốn mà không theo được Phật,
Vì áo quan trường trót vương chân.*

KIỀU TRÍ HUYỀN

Tác giả: Không rõ năm sinh, năm mất, chỉ biết sống cùng thời và là bạn của Từ Đạo Hạnh. Bản thân ông cũng là một thiền sư.

8

Tra lời Từ Đạo Hạnh khi được hỏi về chân tâm

*Cái thiên, cái đẹp, cả lời ca
Đều từ tay mắt Phật mà ra.
Cả vũ trụ này đâu cũng Phật,
Sao làm, cứ tưởng Phật đâu xa?*

TỪ LỘ

Tác giả: tức Từ Đạo Hạnh, không rõ nơi, năm sinh, mất 1117. Ông là nhà sư thế hệ thứ 12 dòng thiền Nam Phương, tu ở chùa Thiên Phúc trên núi Phật Tích, châu Quốc Oai, nay là huyện Quốc Oai, Hà Tây.

9

Có và không

*Có, từ hạt bụi nhỏ,
Không, cái gì cũng không.
Như hình trăng dưới nước,
Có, mà thực tình không.*

10

Lời nhắn nhủ học trò trước khi chết

,

*Thu về, không báo nhận cùng bay,
Cớ sao quyen luyện cõi đời này?
Môn đệ đừng buồn ta sắp mất:
Thầy xưa chết để hóa thầy nay.*

HOÀNG VIÊN HỌC

Tác giả: (1072-1136), người đất Như Nguyệt, có lẽ nay là Bắc Giang, tu ở chùa Đại An, thuộc huyện Tế Giang xưa, có nhiều học trò theo học.

11

Nghe tiếng chuông

*Lục thúc(1) làm ta vướng sự đời,
Cái dốt không cho thấy mặt trời.
Chuông chùa duy nhất làm ta tỉnh,
Xua cái vô minh(2), cả cái lời.*

KIỀU PHÙ

Tác giả: tức Bảo Giám, không rõ năm sinh, mất 1173, người huyện Trung Thủy, đời Lý Anh Tông, làm quan đến chức Hậu xá nhân, năm 30 tuổi từ quan, đến tu ở chùa Bảo Phúc, nay thuộc tỉnh Hòa Bình, sau ông trụ trì chùa này.

12

Cam hoài

,

*Mấy ai thành Phật nhờ đi tu,
Khi trí thông minh bị hãm tù.
Phải thấy huyền vi trong ngọc sáng,
Như thấy vàng dương giữa khói mù.*

13

Cam hoài

,

*Trí tuệ như trăng sáng giữa trời,
Bao trùm thiên hạ, chiếu muôn nơi.
Muốn tìm được nó, đừng phân biệt
Cả rừng phong hoặc lá phong rơi.*

ÂU ĐẠO HUỆ

Tác giả: Không rõ năm sinh, mất 1173, người Chân Hộ, đất Như Nguyệt, là nhà sư có tiếng đời Lý. Năm 15 tuổi theo học thiền sư Ngô Pháp Hoa ở chùa Phổ Ninh, sau đến trụ trì tại chùa Quang Minh, núi Thiên Phúc, huyện Tiên Du, trở thành người đứng đầu thế hệ thứ 9 dòng thiền Quan Bích, có lúc có hơn mười nghìn học trò.

14

Sắc thân và diệu thể(1)

*Đất, nước, lửa, gió, thức
Vốn dĩ đều là không.
Khác mây tan và hợp,
Lòng Phật sáng vô song.*

KHUYẾT DANH

15

Ngẫm sự đời

*Gió lùa, trăng lạnh, nước mênh mông,
áo ấm đêm khuya vẫn buốt lòng.
Thời gian thắm thoát trôi, già lão
Mà việc không thành, ai biết không?*

HỨA ĐẠI XÃ

Tác giả: (1119-1180) quê ở Thăng Long, lúc nhỏ theo học thiền sư Đạo Huệ, được vua Lý Anh Tông rất tin dùng.

16

Ngựa đá

*Ngựa đá răng thật dữ,
Lại hí suốt đêm ngày.
Đường lăm người qua lại,
Người cười vẫn ngồi ngây.*

NGUYỄN QUẢNG NGHIÊM

Tác giả: (1121-1190) người đất Đan Phượng, là nhà sư thuộc thế hệ thứ 11 dòng thiền Quan Bích, trụ trì các chùa Phúc Thánh và Tịnh Quả.

17

Đừng theo bước Như Lai

*Chỉ người thoát tục sống vô vi,
Mới bàn sống chết, chuyện từ bi.
Thời trẻ không nên theo đức Phật,
Làm trai phải có chí nam nhi.*

19
Văn răn ham sắc

*Da phấn, tóc thơm với má đào,
Mà nhìn, ai cũng thấy nao nao.
Thực chất chỉ toàn xương và thịt,
Giết người đau đớn chẳng cần dao.*

20

Văn răn nói càn

*Khoa môi, múa mép, giả ân cần,
Cúi đầu xu nịnh để xin ăn.
Mang tiếng tiểu nhân, đời diễu cợt,
Cuối cùng cũng chuốc vạ vào thân.*

21

Văn răn kẻ uống rượu

,

*Chẳng qua bã gạo ủ lên men,
Mà biến người ngay thành kẻ hèn.
Nhà tan nước mất đều do rượu,
Phá cả tôn nghiêm chôn cửa thiên.*

22

Kệ dâng hương

*Chiên đàn(1) vun xới nơi vườn Tuệ,(2)
Hương thơm trầm thủy chôn rùng Thiên.
Dao từ bi vót hình cây nhọn,
Đốt lò hương nhỏ, kính dâng lên.*

23

Kệ dâng hoa

*Đất Tâm rộng mở, cõi nhân gian,
Muôn màu hoa nở, nước bình an.
Xin dâng lên Phật hoa trăm đóa,
Gió ác nghìn thu chẳng héo tàn.*

24

Đường tới kinh đô(1)

Dọc đường, cột ngựa, có nhiều cây,
Đường tới kinh đô qua lối này.
Đêm vắng, người thưa, trăng chiếu lạnh,
Trên đường những đốm sáng lung lay.

TRẦN TUNG

Tác giả: tức Tuệ Trung Thượng Sĩ (1230-1291), con trai Trần Liễu, anh ruột Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn, trực tiếp cầm quân chống quân Nguyên. Ông tu Phật mà không hề xuất gia, từng theo học thiền sư Tiêu Dao. Ông rất ham mê văn thơ, các sáng tác được tập hợp trong bộ "Thượng Sĩ Ngữ lục".

25

Thăm đại sư Tăng Điền

*Cũng thế rừng xanh với gác lầu,
Đẻ sông, chỗ nào chẳng giống nhau.
Người đời thấy núi cao và đẹp,
Mấy người nghe tiếng vượn khe sâu?*

26

Gọi bao mọi người

,

*Thế gian ưa dối, không ưa thật,
Nhưng thật dối gì, đều bụi đất.
Muôn sang tới được bờ bên kia,(1)
Hãy hỏi trẻ con chơi trước mặt.*

27

Chợt hứng làm thơ

*Thanh thảo ngồi yên chính giữa nhà,
Nhìn Côn Luân khói gợn xa xa.
Lúc mệt, thành thơ, tâm tự tắt,
Không thiên, không Phật, chỉ mình ta.*

28

Cây tùng dưới khe

*Cao, thẳng, cây tùng mọc dưới khe,
ở nơi vắng vẻ, núi bao che.
Chưa làm rường cột, không gì lạ,
Cổ đại, dây leo mọc bốn bề.*

29

Cái tâm

*Cái tâm không tướng, chẳng hình hài,
Thấy nó mắt thường dễ mấy ai?
Muôn biết cái tâm cho thật rõ,
Từ chiều cứ ngủ đến canh hai.*

30

Thơ đề ơ chùa

,

*Vừa đến cổng chùa, vội phóng tay
Đơn sơ nguyệt ngoạc mấy câu này.
Kể đã khá lâu, không cầm bút,
Ba giới Như Lai(1) cũng chẳng hay.*

31

Gọi bao những người tu Tây Phương(1)

Phật ở trong lòng mỗi chúng ta,
Bốn phương thân pháp(2) chỉ bao la.
Trong veo bể Phật, đêm thu lắng,
Trời đêm đơn độc mảnh trăng tà.

32

Vui thú giang hồ

*Con thuyền nhỏ nhỏ lướt trên sông,
Ghêch lái buông chèo, chõ uốn cong.
Chợt nghe tiếng nhạn kêu đâu đó,
Gió thu như đã thổi qua lòng.*

TRẦN HOẢNG

Tác giả: tức Trần Thánh Tông (1240-1290), con trưởng Trần Thái Tông. Trong 21 năm ở ngôi, Thánh Tông đã biết sử dụng nhân tài, chăm lo việc nước. Cùng với con là Trần Nhân Tông, ông trực tiếp tham gia lãnh đạo nhân dân đánh quân Nguyên Mông lần thứ hai và ba. Ông yêu thích văn thơ, viết nhiều, nhưng nay chỉ lưu lại được rất ít.

33

Chơi phu An Bang(1)

,

*Sáng chơi cùng mây núi,
Tôi eo biển đầy sao.
Đang nghỉ, chợt cao hứng,
Đầu bút chữ tuôn trào.*

34

Đề động Huyền Thiên(1)

*Hương khói đèn Ngọc đế,
Huyền Thiên chìm trong mây.
Tiếng cầu kinh khe khẽ,
Hoa rụng vì chim bay.*

35

Họa thơ Thượng sĩ Tuệ Trung(1)

*Sáng suốt hay không vốn ở ta,
Dụi mắt nhìn lâu thấy ác tà.
Nhưng thấy mà coi như chẳng thấy,
Thì điều ác ấy tự lánh xa.*

36

Ngày xuân t trong vườn ngự, nhớ người cũ

*Vắng người, lối nhỏ phủ rêu xanh,
Cửa cung hờ khép, liễu buông màn.
Trong vườn rực rỡ hoa muôn sắc,
Cho ai hoa đẹp thể trên cành?*

37

Canh mùa hè

’

*Vệt rừng mưa tạnh biếc xa xa,
Ngày rụng bóng dài lên gác hoa.
Dịu dịu hương sen thơm sát cửa,
Đôi tiếng ve kêu rộn bóng tà.*

38

Tự nói về mình

*Nhàn rồi, vô công sáng lại chiều,
Gảy đàn không điệu, lắng thông reo.
Bất chợt trong lòng ngân tiếng nhạc,
Chỉ gió trên cành, nghe họa theo.*

39

Tự nói về mình

*Lòng ta không cạn cũng không đầy,
Phật không, người không, gió hây hây.
Cảnh thu sâu thăm, trời sâu thăm,
Mây vờn quanh núi, núi vờn mây.*

TRẦN KHÂM

Tác giả: tức Trần Nhân Tông (1258-1308), con cả vua Trần Thánh Tông, làm vua từ 1279 đến 1293, là một trong những ông vua yêu nước và anh hùng của dân tộc, có công lớn trong việc đánh bại quân Nguyên Mông, xây dựng đất nước. Ông là một nhà văn hóa, nhà thơ lớn thế kỷ 13, ông còn sáng lập dòng Thiên Trúc Lâm ở Việt Nam.

40***Buổi sớm mùa xuân***

*Sáng dậy vén rèm cửa,
Xuân đã đứng cạnh nhà.
Đôi bướm nhỏ cánh trắng
Chấp chới bay tìm hoa.*

41

Đề chùa làng Hương Cổ Châu(1)

*Không biết trước số trời,
Nhưng tình trong mắt người.
Cung ma nếu quản chặt,
Cõi Phật xuân muôn đời.*

42

Trên hồ Động Thiên(1)

*Động Thiên cảnh tiêu điều:
Hoa héo, cỏ cây xiêu.
May trời thương, thỉnh thoảng
Ban cho tiếng chuông chiều.*

43

Tiền sứ bắc Lý Trọng Tân và Tiêu Phương Nhai

*Tiền đưa quyền luyện cạnh Linh Trì,
Gió xuân không giữ được người đi.
Không biết sao lành hai sứ bắc
Thêm được mấy ngày chiếu Nam di?*

44

Canh xuân

’

*Chim kêu trong khóm liễu sau nhà,
Bóng chiều mây rụng xuống thềm hoa.
Khách quý đến chơi không hỏi chuyện,
Chỉ cùng chủ đứng ngắm mây xa.*

45

Đêm mười một tháng Hai

*Rượu quý rửa hồn, hương ngát ngây,
Giường rộng, chiếu trúc, giấc xuân say.
Bên song hoa nở, trời như nước,
Ngoài hiên trăng sáng tựa ban ngày.*

46

Xuân muộn

*Ngày xưa chưa hiểu "có" và "không", (1)
Xuân sang cứ phải vấn vương lòng.
Nay giữa sân chùa, trên nệm cỏ,
Dừng dừng ngắm rụng cánh hoa hồng.*

47

Ngắm canh chiều ở Thi ên Trường

’ ’
*Xóm nhỏ chìm trong khói ráng hồng,
Cảnh chiều nửa có, nửa như không.
Trẻ giục trâu về, vui thổi sáo,
Cò trắng từng đôi đậu xuống đồng.*

48
Trăng

*Đèn soi song cửa, sách đây giường,
Đêm lạnh, bên ngoài sân ướt sương.
Tiếng chày nện vải làm thức giấc,
Trăng vằng cảnh hoa, mù vấn vương.*

49

Chiều thu ở Vũ Lâm(1)

,

*Bóng cầu in ngược, chạm đầy hoa,
Mép nước lung linh vệt nắng tà.
Lá đỏ, núi xanh, dòng suối lạnh,
Lững lờ mây ụt, tiếng chuông xa.*

50

Canh chiều ở Châu Lạ ng(1)

*Chùa cổ mờ mờ trong khói mây,
Chuông điểm, dây thuyền buộc gốc cây.
Núi lặng, nước trong, nghiêng cánh nhọn,
Lá đỏ, mây buồn vương vấn bay.*

51

Thơ đề ơ nhà thuy tạ Phô Minh(2)

’ ’
*Nhà trên mặt nước, thoảng mùi hương,
Chùa đóng, cây đa đứng vệ đường.
Hồ nước mới dâng không lạnh lẫm,
Theo tiếng ve sâu, thu vãn vương.*

52

Mạn húng ơ Sơn Phòng

,

*Ai trói mà cần người giải thoát,
Không phạm, nên chẳng viện thần tiên.
Ngựa mỗi, chân chồn, nay có tuổi
Thanh đạm trong am, mảnh chiếu thiền.*

53

Thanh nhàn

*Sống nơi yên tĩnh, thanh thơi lòng,
Xạc xào gió thổi giữa cành thông.
Chiều trải dưới cây, kinh một quyển,
Thanh nhàn hai chữ có hơn không?*

TRẦN THÌ KIẾN

Tác giả: Không rõ năm sinh, năm mất, người thuộc huyện Đông Triều ngày nay, là môn khách của Trần Quốc Tuấn, từng giữ nhiều chức quan trọng dưới triều Trần Nhân Tông, nổi tiếng thanh liêm, chính trực.

54

Đề tặng thiền sư Phổ Minh ở chùa An Lăng

*Đại ẩn là người không ở núi,
Đích thực chân tu, tu tại nhà.
Nay gặp đạo Thiên như tỉnh mộng,
Trách gì Hàn Dũ(1) chuyện ngày qua.*

TRẦN QUANG TRIỀU

Tác giả: (1286-1325), còn có tên là Nguyên Đạo và Nguyên Thụ, hiệu là Cúc Đường Chủ Nhân và Vô Sơn Ông, người phủ Thiên Trường, nay thuộc tỉnh Hà Nam Ninh, là cháu nội Trần Quốc Tuấn, được trọng dụng, từng cầm quân đánh giặc, giữ nhiều chức quan trọng, cuối cùng về ở ẩn tại am Bích Động gần chùa Quỳnh Lâm, nay ở huyện Đông Triều, Quảng Ninh.

55

Ông già câu cá

*Triều dâng, sóng biếc, gió hây hây,
Mái chèo khua lạnh thấm vào mây.
Bao năm coi nhẹ môi vàng bạc,
Giờ mong nắng nặng môi câu này.*

56

Trường An(2) hoài cổ

*Sông núi vẫn còn, nước đổi thay,
Nắng xé trên gò, thông vướn mây.
Các đế vương xưa nay dưới cỏ,
Mưa chiều hiu hắt, bướm ong bay.*

57

***Thơ đề trên quạt vẽ phong cảnh
do Liêu Nguyên Long tặng(1)***

Bút nào vẽ hết nước nam ta.

Tân An(2) ao cũ, cỏ la đà

Bao năm vẫn mọc cùng trăng gió.

Từ bờ trúc vọng tiếng đa đa.

ĐỒNG KIÊN CƯƠNG

Tác giả: tức Pháp Loa (1284-1330) người châu Nam Sách, lộ Lạng Giang, nay là huyện Nam Sách, tỉnh Hải Hưng. Đi tu từ nhỏ, rất uyên thâm về giáo lý đạo Thiên, sau trở thành vị tổ thứ hai của dòng thiền Trúc Lâm, được vua Trần Nhân Tông đổi tên là Pháp Loa.

58

Vào cõi tục, tiếc non xanh

*Soi nước sông thu rặng núi gầy,
Đỉnh núi chọc trời, vương vấn mây.
Ngước mắt tầng cao trông chóng mặt,
Như mọi con đường đổ tới đây.*

59

Thị tịch(3)

*Bốn chục năm trời như giấc mơ,
Rũ sạch bụi trần mọi dây tơ.
Ta sống an nhàn - Đừng gạn hỏi,
Bên kia(4) trăng gió rộng vô bờ.*

LÝ ĐẠO TÁI

Tác giả: tức Huyền Quang (1251-1334), thiền sư và là nhà thơ nổi tiếng thời Trần, người châu Nam Sách, Hà Nam Ninh, năm 20 tuổi đỗ thi hương và sau đó đỗ đầu thi hội, được bổ dụng vào Viện Nội hàn, nhưng ông nhất mực xin từ quan đi tu, sau trở thành vị tổ thứ ba của dòng Thiền Trúc Lâm, rất được Trần Nhân Tông yêu mến.

60

Tức canh ngày xuân(1)

*Người đẹp ngồi thêu dài gấm dày,
Dưới cành hoa đỏ cánh chim bay.
Thương biết bao nhiêu xuân ý ấy,
Khi nàng tư lự chột ngừng tay.*

61

Ngu trưa

,

*Sau mưa khe núi sạch, ban ngày
Ngủ một giấc dài dưới bóng cây.
Tỉnh dậy nhìn đời đầy bụi bặm,
Mà tưởng như mình đang lúc say.*

62

Trong t huyên

*Một lá thuyền con, một khách chèo,
Ra khỏi mé rừng, gió đuổi theo.
Hoàng hôn, nước lớn con chim trắng,
Hòa lẫn sông trong với nắng chiều.*

63

Nhà đá

*Nửa gian nhà đá lẫn trong mây,
áo ấm mùa đông cũng đủ dày.
Sách kinh trên án, sư trên chiếu,
Mặt trời đã quá mấy tầm cây.*

64

Họa bài thơ đề trên vách chùa Bao Khánh

*Cỏ vàng, khói nhạt, sóng lặn tăn,
Quán bắc, lâu nam nắng tắt dần.
Tiệc thơ không hứng, xuân không chủ,
Mấy bụi hoa buồn trước gió xuân.*

65

Trước bếp lò, tức canh

*Hương tắt từ lâu, củi đã tàn,
Tay cầm ống thổi, quạt hoa nan.
Trẻ con hỏi chữ, vu vơ đáp.
Ai chê ta biếng, quá an nhàn?*

66

Ngu ngày

,

*Tự mình cày cấy ruộng ông cha,
Cây cao bóng rợp mát quanh nhà.
Con chim ngoài cửa thoi không hót,
Đánh một giấc dài bên khóm hoa.*

67

Nhà trong núi

*Xao xuyên hương thu chạm bức rèm,
Nhà gôi rừng cây tựa gôi mềm.
Lòng ta yên tĩnh như sông núi,
Sao để ngoài vườn khóc suốt đêm?*

68
Chơi thuyền

*Gặp gió, thuyền con lướt giữa dòng,
Sông xanh, núi biếc, trời mênh mông.
Tiếng sáo làng chài sau bãi sậy,
Vô ý, trăng chiều rơi đáy sông.*

69

Đề núi non bộ của thí chu(1) ở Động Hiên

’ ’ ’
Cũng núi nhấp nhô, cũng cỏ cây,
Trăng lồng, khói lạnh, cánh hoa bay.
Bây giờ tục lụy thôi vương vấn,
Giác ngủ an nhàn trong gió mây.

70

***Gửi những người trẻ tuổi
đang tập tễnh muốn làm quan***

*Giàu sang khó bắt giống như mây,
Thời gian như nước, ngày qua ngày.
Sao không về ẩn nơi rừng núi,
Rừng thông là chiếu, gôi là mây?*

71

Đề chùa Đạm Thủy(2)

*Bên chùa cây cỏ tốt, xanh tươi,
Chiều xế, trời quang, vắng bóng người.
Nhân tiện đi ngang vào Đạm Thủy,
Giúp chùa chuông mõ, nhật hoa rơi.*

72

Thu sớm

*Đêm thu hơi mát lọt qua màn,
Cây xào xạc chạm mái nhà tranh.
Quên mất trong nhà hương đã lụi,
Ngoài vườn trăng kệt tán cây xanh.*

73

Hoa cúc

*Quên cả chính mình, quên vãn vương,
Ngồi lặng đìu hiu, lạnh mép giường.
Không lịch, trong rừng nhìn cúc nở,
Giật mình mới biết đã Trùng Dương.(1)*

74

Hoa cúc

*Người ở trên lầu, hoa dưới sân,
Thấp hương, phiền muộn tự tan dần.
Hoa người tương hợp, so hoa khác,
Hoa cúc trội hơn gấp bội phần.*

MẠC KÝ

Tác giả: Quê Đông Triều, Quảng Ninh, không rõ năm sinh, năm mất, chỉ biết xuất thân là võ tướng nhưng rất thích ngâm vịnh thơ văn. Khoảng năm 1333 - 1334 được cử đi tiến sứ Trung Quốc là Hoàng Thường. Đây là bài thơ duy nhất của ông còn lưu được.

75***Thơ ngâm tiến sứ***

*Bờ sông mai nở, nước trong veo,
Thuyền đi chênh chéch, gió mưa theo.
Tiễn khách - ba người lên phía bắc,
Quay lại bờ nam một mái chèo.*

TRƯƠNG HÁN SIÊU

Tác giả: Không rõ năm sinh, mất 1354, tự là Thăng Phủ, hiệu Độn Tẩu, người huyện Yên Ninh, lộ Trường Yên, nay là Yên Khánh, Hà Nam Ninh; là môn khách của Trần Quốc Tuấn; năm 1308 được vua Trần Anh Tông cho làm chức Hàn lâm học sĩ, sau đó ông được giữ nhiều chức vụ quan trọng; tính tình trung thực, học vấn sâu rộng, có tư tưởng tôn Nho bài Phật.

76

Vịnh hoa cúc

*Suốt cả mùa thu mưa, lấm mây,
Cúc trắng khắp nơi vẫn nở đầy.
May được trời cho hoa chịu rét,
Để vui với lão yếu già này.*

77

Vịnh hoa cúc

*Năm ngoái ngày này đón khách xa,
Hoa nhiều, rượu ít, thẹn cho ta.
Quả thật ở đời nhiều trái khoáy:
Hôm nay có rượu lại không hoa.*

NGUYỄN SỬNG

Tác giả: Không rõ quê quán, năm sinh và năm mất, hiệu là Thích Liêu, sống cùng thời với Trần Quang Triều (1286-1325). Qua thơ, có thể thấy ông từng làm quan dưới triều Trần. Còn lưu lại được 16 bài thơ.

78

Trên sông

*Cây đứng nghiêng nghiêng chỗ uốn cong,
Hoa mọc ven bờ, ngược dưới sông.
Buổi sáng thuyền đi, mưa lát phát,
Chiều ngắm chim bay giữa ráng hồng.*

TRẦN MẠNH

Tác giả: tức là vua Trần Minh Tông (1300-1357), con thứ tư của vua Trần Anh Tông, cháu ngoại Trần Bình Trọng. Trong 15 năm làm vua (1314-1329) và những năm làm thượng hoàng sau đó, ông có nhiều chính sách củng cố thêm cơ nghiệp nhà Trần, giữ vững đất nước, thúc đẩy nông nghiệp, đề cao Nho học. Bản thân ông không xuất gia đi tu như nhiều vua trước. Hiện còn lưu được 25 bài thơ của ông.

79

Tặng Trần Bang Cẩn bức chân dung kèm theo bài thơ

*Đàng hoàng, tướng mạo rất oai phong,
Cốt cách như tùng giữa gió đông.
Mọi nét phong lưu đều vẽ được,
Trừ riêng cái đẹp của tâm lòng.*

80

Chùa Cam Lộ

*Màu xanh cây lá trải bao la,
Bên núi vàng dương rọi tới nhà.
Chim kêu da diết càng hiu quạnh,
Một ngõ thôn buồn lác đác hoa.*

81

Mưa đêm

*Đèn mờ hiu hắt đợi ban mai,
Mưa trên tàu chuối tiễn đêm dài.
Biết mình ba chục năm lầm lỗi,
Buồn nghe mưa gió thổi bên ngoài.*

TRẦN HIỆU KHẢ

Tác giả: Không rõ quê quán, năm sinh và năm mất, chỉ biết làm quan dưới triều Trần Minh Tông (1314-1329), chức không to nhưng được gần vua, nổi tiếng lắm mưu mẹo và thích bông đùa, chỉ lưu lại được bài thơ bốn câu này.

82

Tức sự

*Uyên Minh(1) thích say, ta không say.
Đồ Nam(2) ngủ nhiều, ta chẳng vậy,
Chỉ đánh một giấc đến tối ngày,
Mọi việc đều quên khi tỉnh dậy.*

PHẠM NGỘ

Tác giả: Năm sinh, năm mất không rõ, hiệu Liêu Khê, người huyện Giáp Sơn, phủ Tân Hưng, nay thuộc tỉnh Hải Hưng. Ông tính tình ngay thẳng, làm quan nổi tiếng thanh liêm. Hiện còn lưu lại được tám bài thơ.

83

Canh đêm trên sông

,

*Trăng thu lạnh lẽo, khói như sương,
Chim kêu ai oán suốt đêm trường.
Sông như dải lụa, long lanh sáng,
Tiếng sáo làng chài nghe vẫn vương.*

PHẠM MẠI

Tác giả: Không rõ năm sinh, năm mất, anh ruột Phạm Ngộ, quê Giáp Sơn, phủ Tân Hưng, nay thuộc tỉnh Hải Hưng. Tính ông vốn thẳng thắn nên trong đời làm quan nhiều phen bị giáng chức. Ông từng đi sứ nhà Minh với Nguyễn Trung Ngạn. Hiện còn lưu lại được 5 bài thơ.

84

*Nhân lúc rồi, dùng thơ sáu chữ đề vào
bức tranh nho trên tấm trướng thuy mạc*

*Cây đỏ bên dòng suối chảy,
Núi xanh treo mặt trời hồng.
Muôn lên thuyền, về ở ẩn,
Mà chẳng biết nên hay không.*

NGUYỄN TỬ THÀNH

Tác giả: Không rõ quê quán, năm sinh, năm mất và sự nghiệp. Chỉ biết ông người đời Trần, hiệu Tùng Hiên. Hiện còn lưu được 11 bài thơ của ông.

85

Ngày t hu ngẫu hứng

*Muôn thôn lá úa, rụng rơi đây,
Một mình, gió lạnh thổi tóc bay.
Năm tháng trôi qua không giữ được,
Đúng sai tự biết ở lòng này.*

86

Nhà ở nơi hoang vắng

”

*Loang lổ thêm rêu vệt nước nhòa,
Ngoài vườn xanh tốt bụi đình toa.(1)
Ngủ dậy, ngày dài lười, rồi việc,
Buồn nhìn tơ nhện vương cành hoa.*

87

Vườn xưa

*Gió tây thổi tóc dính vào hoa.
Chúc quan nho nhỏ phải xa nhà,
Day dứt muốn về... Thu lại đẹp,
Nụ non sương ướt đẫm đêm qua.*

88

Chiều xuân dạo bên suối

*Suối vắng, rừng hoang, đã hết đông,
Hoa hở xung quanh những chám hồng.
Vui chân đi mãi, quên trời tối,
Đầu suối trắng tròn trên tán thông.*

89
Tiệc xuân

*Oanh thưa tiếng hót, bướm ngừng bay,
Thần hoa có ý bỏ nơi này.
Hoa chẳng còn xen vào giấc ngủ,
Theo mưa, xuân hết chín mươi ngày.*

NGUYỄN ỨC

Tác giả: Không rõ năm sinh, năm mất và quê quán ở đâu, chỉ biết dưới triều Trần Minh Tông ông từng làm quan ở Viện Hàn lâm. Hiện còn lưu lại được 20 bài thơ.

90

Hoa đồ mi(1)

*Vài ba bông nhỏ nở trên giàn,
Trong lúc vườn xuân đã héo tàn.
Suốt đời chẳng thấy hoa mai nở,
Một mình lẽ đẽo với thời gian.*

91

***Đậu thuyền bên đình úng Phong(2)
ngẫu hứng đề thơ***

*Buộc thuyền bên bến, cạnh đình làng.
Cung lâu triều trước thành gò hoang.
Mùa xuân không biết trò hưng phế,
Vẫn tươi, làm rôi nắng hoe vàng.*

92

Chậu hoa lan trước nhà

*Từng được Khuất Nguyên(3) luôn ngợi ca,
Trồng lan chín khoảnh trước sân nhà,
Trời có ý thương nơi vắng vẻ
Để lại mùi thơm với bạn già*

93

Tiền người đi phương Bắc

*Ngoái nhìn thành cổ phía xa xa,
Dừng ngựa tiền người, rượu rót ra.
Kẻ ở người đi rơi nước mắt,
Bẻ liễu(1) bên sông giữa nắng tà.*

94

Đề tranh "Cố bộ hạc đồ"(2)

*Đống đá bên đường, mây bụi lau,
Con hạc dùng dằng mãi lúc lâu.
Nguy hiểm lưới giăng ngay trước mặt,
Lại ngoài đề phòng ở phía sau.*

CHU VĂN AN

Tác giả: Không rõ năm sinh, mất 1370, hiệu là Tiểu Ẩn, tên chữ là Linh Triệt, người huyện Thanh Đàm, nay là Thanh Trì, Hà Nội. Sau khi thi đậu thái sinh học, ông không làm quan, mà chỉ ở nhà dạy học, học trò rất đông, trong đó có Phạm Sư Mạnh và Lê Bá Quát. Đến năm Khai Thái đời Trần Minh Tông, ông mới nhậm chức Quốc Tử Giám tư nghiệp. Hiện nay chỉ lưu lại được 12 bài thơ.

95

Tạp hứng ở Linh Sơn(3)

*Núi rừng như cảnh vẽ bình phong:
Bờ khe lơ lửng mặt trời hồng,
Lối đi cỏ mọc, người thưa thớt,
Thỉnh thoảng chim kêu trong tán thông.*

96

Tạm nghỉ ở núi thôn Nam(4)

*Như áng mây chiều, lòng thành thơi,
Gió mát xua tan hết sự đời.
Cõi trần, cõi phật xa vời vợi,
Ngoài thêm chim hót, cánh hoa rơi.*

97

Kính họa t hơ vua

*Hạc múa ngoài sân, mây sát thêm,
Cầm hoa như chén, uống sương đêm.
Gió xuân thổi nhẹ rung đàn đá,
Đạo dưới hoa đào, lòng tĩnh êm.*

98

Sông Thanh Lương (1)

*Hoàng hôn, vệt nắng vắt qua đồi,
Thuyền chài trên bến đứng từng đôi.
Ngắm mãi Thanh Lương không biết chán,
Triều dâng, ráng lạnh, áng mây trôi.*

PHẠM SỰ MẠNH

Tác giả: Chưa rõ năm sinh, năm mất, chỉ biết tên chữ là Nghĩa Phu, người làng Hiệp Thạch, huyện Hiệp Sơn, nay thuộc tỉnh Hải Hưng, đỗ Thái học sinh vào đời Trần Minh Tông (1314-1329), từng giữ nhiều chức quan, nổi tiếng giỏi văn chương và đạo đức. Hiện lưu được 30 bài thơ.

99***Trên t huyền, tức sự làm thơ***

*Ba vua thay đổi vẫn làm quan,
Những mong lên núi sống an nhàn.
Đốt hương ngòi ngắm trăng sông Nhị,
Quê nhà chợt nhớ, nghĩ lan man.*

100

Đi ngang qua mộ An Phu Nguyễn Sĩ Cố(1)

*Hàng nghìn mẫu trúc rộng bao la,
Trước mộ An Phủ ngẫm xót xa.
Trong núi ngôi nhà xưa uống rượu,
Nay ngựa dừng chân giữa bóng tà.*

101

Đề chùa Cam Lộ(2)

*Tia nắng bình minh gõ cửa thiên,
Bóng chùa dưới nước hiện dần lên.
Thơ cũ Mục Lãng nay đọc lại,(3)
Gió vờn sương trắng lẫn tóc đen.*

102

Lầu trên hồ ở chùa Đông Sơn(4)

*Chùa cổ hồ xưa cỏ mọc dày,
Trúc thông kín núi, gió mưa bay.*

*Người già trong xóm giờ còn kể:
Thái sư(5) nam tiến ghé vào đây.*

LÊ QUÁT

Tác giả: Không rõ năm sinh, năm mất, tự là Bá Quát, người huyện Đông Sơn, Thanh Hóa, từng làm tới Thượng thư Hữu bật nhập nội hành khiển. Học trò xuất sắc của Chu Văn An; còn lưu được 7 bài thơ.

103***Tiền Phạm Sư Mạnh đi sứ phương Bắc***

*Vượt mười hai ải, mấy dặm ngàn,
Mong người và ngựa được bình an.
Sứ Bắc, bác đi, tôi ở lại,
Kẻ được công danh, kẻ được nhàn.*

104
Nỗi lòng

*Việc nhiều mà ồm, hóa ra nhàn,
Được ngồi yên tĩnh ngắm nhân gian.
Song Mai(1) gió thổi, màu hoa cúc
ánh vàng lên tận mép lan can.*

105

Nỗi lòng

*Đã mấy năm nay chán sự đời,
Nhớ nhà, buồn đọc Thúc Vi(2) chơi.
Trời lạnh, giạt mình, năm sắp hết,
Trong mưa gió thổi, cánh lan rơi.*

TRẦN NGUYỄN ĐÁN

Tác giả: (1325-1390), hiệu là Băng Hồ, quê lộ Thiên Trường, nay là Hà Nam Ninh, là cháu tằng tôn của Trần Quang Khải, và là ngoại tổ Nguyễn Trãi. Được bổ nhiệm làm quan rất sớm, tới chức Tư đồ phụ chính. Cuối đời về ở ẩn tại núi Côn Sơn. Hiện còn lưu được 51 bài thơ.

106***Kính họa vần thơ******"Hoàng mai tức sự" của nhà vua***

*Năm tháng trôi qua, tóc bạc dần,
Tùng trúc ngoài vườn diễu đạo nhân.
Tể tướng bây giờ không quá bận,
Nhìn bóng cây đang nhích lại gần.*

107

Thơ làm vào tháng Sáu năm Nhâm Dần (1362)

*Hè hạn, bây giờ thu ngập úng,
Lúa khô, mạ thối, khổ muôn phần.
Đọc nghìn cuốn sách mà vô dụng,
Bạc đầu còn nợ nỗi thương dân.*

108

Thơ làm vào tháng Giêng, năm Mậu Thân (1368)

*Ba phần tóc bạc, chôn nhân gian,
Sự đời đang rồi, khó an nhàn.
Chỉ tiếc không như Tiên Nhược Thủy,(1)
Tuổi đời bốn chục đã từ quan.*

109

Thơ làm trong đêm, đi thuyền về

Đất Biện phương đông, bắc - đất Yên,(1)

Dân thường bị giết, đói triền miên.

Mượn ánh đèn chài xem sách cổ,

Làm sao yên giấc ngủ trên thuyền?

110

Thơ làm lúc đêm khuya

*Đêm thu, gió lạnh thổi ngoài sân,
Hiu hắt đèn khuya lụi tắt dần.
Đôi chút ngâm nga lòng tĩnh lại,
Ngủ đi là hết nợ duyên trần.*

111

Đêm không ngủ

*Trong phủ thu buồn, chậm khắc canh,
Vườn cũ cây tùng vẫn biếc xanh.
Bao việc đang chờ, toàn việc gấp,
Thà bệnh còn hơn lúc bệnh lành.*

TRẦN PHỦ

Tác giả: Túc Trần Nghệ Tông, (1322 - 1395), con thứ ba của Trần Minh Tông; làm vua từ 1370 đến 1372, trước đó từng giữ nhiều chức quan trọng trong triều. Còn lưu lại được 5 bài thơ.

112

Tiền sứ phương Bắc Ngưu Lượng(1)

*Lão tướng An Nam thơ chẳng hay,
Bình trà đãi khách lúc chia tay.
Sông Lô, núi Tản, kia xanh biếc
Cùng tiễn khách về theo gió mây.*

113

Ngắm nhìn am Liễu Nhi ên ở Đông Sơn(2)

*Buộc tạm con thuyền bên gốc thông,
Ngôi chùa yên tĩnh gôi bờ sông.
Hãy gắng leo lên nhìn cảnh cũ,
Ai biết sau này còn sức không.*

TRẦN ĐÌNH THÂM

Tác giả: Không rõ năm sinh, năm mất, hiệu là Hủ phố, người huyện Đông Triều, Quảng Ninh ngày nay, làm quan đến chức Giám Tu Quốc sử, từng đi sứ sang Trung Quốc. Khi Hồ Quý Ly lên làm vua, ông giả điếc không ra làm quan. Hiện còn lại 2 bài thơ.

114***Thơ đề bức tranh tiên biệt trên sông mùa thu***

*Trời tạnh, càng xanh cây bên sông,
Không ngừng sóng vỗ, nước càng trong.
Cái buồn xa nhau không nói hết,
Đành để trôi theo nước giữa dòng.*

TRẦN CÔNG CẢN

Tác giả: Không rõ năm sinh, năm mất, người làng Phúc Đa, xã Thí Trú, huyện Đông Triều, Quảng Ninh ngày nay, là em ruột Trần Đình Thâm. Lưu được một bài thơ và một bài phú.

115

Ngày xuân chơi chùa t rên núi

*Chiếc gậy đưa ta đến cửa thiền,
Đón người, hoa cỏ ngược nhìn lên.
Cỏ thơm, núi đẹp như tranh vẽ,
Cảnh chùa, cõi Phật thật bình yên.*

CHU ĐƯỜNG ANH

Tác giả: Không rõ năm sinh, năm mất, hiệu là Liêu Thủy. Không rõ cả quê quán, chỉ biết ông từng làm chức Chuyển vận sứ vào cuối đời Trần... Tác phẩm còn lại gồm 2 bài thơ.

116

Thơ đề t tranh Đường Minh Hoàng tắm cho ngựa

*Ngọc Hoa con ngựa được vua yêu,
Tắm, dặt vào cung giữa nắng chiều.
Giá vua thương người như thương ngựa,
Chắc dân đã đỡ khổ hơn nhiều.*

VŨ THỂ TRUNG

Tác giả: Không rõ ngày sinh, ngày mất và quê quán, chỉ biết ông làm quan cuối đời Trần. Còn lại 4 bài thơ.

117

Hoa lan trong núi

*Hoa nở bên khe, mồm đá cao,
Hương thơm bay đến tận bờ rào.
Xuân đầy mây núi, mưa vừa tạnh,
Đốt quả thông già, đọc Ly Tao.*

TRẦN QUAN

Tác giả: Không rõ năm sinh, năm mất và quê quán, chỉ biết ông từng làm tới chức An Phủ sứ cuối đời Trần. Hiện chỉ còn một bài thơ duy nhất này.

118

Đề nơi quan xá

*Hoàng Long, Chích Thợ(1) chìm trong sương,
Như khói mây chiều nhẹ vấn vương.
Rõi việc, lên thuyền xuôi ra biển,
Phía trước con chim trắng dẫn đường.*

LÊ LIÊM

Tác giả: Hiệu là Mai Hiên, sống vào cuối đời Trần, chưa rõ ngày sinh, ngày mất và quê quán. Chỉ còn lại bài thơ này.

119

Động Vũ Lâm(2)

*Gió mưa nhè nhẹ, cỏ xanh đồng,
Hoa buồn soi bóng xuống dòng sông.
Người xưa đã khuất, giờ thong thả,
Nơi đây ta dạo thành thoi lòng.*

TẠ THIÊN HUÂN

Tác giả: Hiệu là Thoái Viên, làm quan vào cuối đời Trần, tới chức Tả tham tư chính sự. Còn lưu được 14 bài thơ.

120

Qua bến đò Phù Đổng(1)

*Vung roi, ngựa sắt hý trên không,
Chuyện xưa theo nước chảy xuôi dòng.
Trăng sáng dửng dưng cùng thế cuộc,
Buồn buồn dẫn lối khách sang sông.*

121
Tức sự

*Chông gậy hàng ngày dạo Thoái Viên.
Trong vườn hoa cỏ vẫn y nguyên.
Mỗi độ xuân sang n hư trẻ lại,
Cuối đời thêm gắn với thiên nhiên.*

122
Hoa lan

*Một mình ngắm nguyệt xế lan can,
Rồi dạo quanh vườn, cạnh khóm lan.
Đang lúc ngắm hoa, thơ chợt đến,
Nhu hương, từ bút cú tuôn tràn.*

TRẦN NGẠC

Tác giả: Con của Trần Nghệ Tông, không rõ năm sinh, mất năm 1391, được phong chức Thái úy Trang Định Vương, bị Hồ Quý Ly sai người hãm hại.

123

Tặng Tư đồ Trần Nguyên Đán

*Tôi thì tài hèn sức mọn,
Bác cũng không giỏi nhất đời.
Đều cùng già nua, ốm yếu,
Sao không về quê nghỉ ngơi?*

NGUYỄN PHI KHANH

Tác giả: (1356-1429), cha Nguyễn Trãi, tự Phi Khanh, hiệu Nhị Khê, người Chi Ngại, Phương Sơn, nay thuộc huyện Chí Linh, Hải Hưng, xuất thân nghèo khổ, từng làm gia sư trong nhà Trần Nguyên Đán, về sau lấy con gái ông ta; đỗ tiến sĩ năm 1374. Do xuất thân bình dân nên không được làm quan, đến đời Hồ Quý Ly mới được trọng dụng. Khi quân Minh đánh bại triều Hồ, ông cùng nhiều người khác bị bắt sang Trung Quốc và chết ở đấy.

Tác phẩm: "Nhị Khê thi tập", "Nguyễn Phi Khanh thi văn tập", "Thanh hư động ký"...

124

Trong t huyền, ngẫu hứng thành thơ

*Bao năm lam chương chôn quê người,
Nỗi nhớ quê nhà chẳng chút vơi.
Nay rũ bụi trần, già, thoát tục,
Nhìn sông, nhìn núi, lại nhìn trời.*

125

Tặng tiên si nh họ Phạm ở Đông Triều(1)

Như trong quán trọ sống cùng nhau,
Người đời ai sống lẻ, bao lâu?
Nay đã gặp nhau, làm mấy chén,
Hơn nhận nghìn thư tận đầu đầu.

126

Mưa đêm ở Hoàng Giang(2)

*Mưa thu trên bến liễu,
Rơi xuống mũi thuyền tre.
Đèn khi mờ khi tỏ,
Lòng ngón ngang trăm bề.*

127

Tiếng chuông sớm ở Hóa Thành(1)

”
*Tiếng chuông chùa thông thả
Vọng từ xa tới thuyền.
Sông mênh mông, trăng xế,
Trời sáng dần, nước lên.*

128

ơ chùa Thi ên Thánh Hựu Quốc, (2) dậy sớm

’
*Cảnh chùa thơ mộng tựa Bồng Lai,
Nhạc trời đêm ngủ vọng bên tai.
Sáng dậy mùa xuân lười, rồi việc,
Nhìn hoa mới nở mép sân ngoài.*

129

Đêm thu

*Buồn mới, buồn xưa nào đã quên,
Nỗi lòng nam bắc ngủ không yên.
Thu đến mà lòng vương vấn mãi,
Trăng buồn đơn độc sáng ngoài hiên.*

130

Trung thu, ngắm trăng cam hoài

*Trung thu, lại vẫn sông phương xa,
Trăng thanh gió mát, buồn lòng ta.
Hứng thơ còn đó, vần chưa hết,
Ngong ngóng Lâu Nam nổi nhớ nhà.*

131

Trong t huyên, ơ Thiên Trường(3)

,

*Triệu Khánh, phía nam, vịnh - phía tây,
Theo suối, thuyền đi dưới bóng cây.
Gió xuân cái buồn không xua được,
Còn xui tiếng cuộc vọng về đây.*

132

ơ quán xá miền sông Thao

*Gió đông đưa nắng dọi lên hè,
Lá xanh, hoa đỏ, sắc xuân khoe.
Đôi tiếng chim rừng kêu khắc khoải,
Cứ ngỡ như vườn thôn Nhị Khê.*

133

Giấc mơ xuân ở Đông Ngàn(1)

,

*Sông Lô, xóm nhỏ phía bờ đông,
Nhà tôi vì trời mưa bãi sông.
Đưa tiễn xuân đi, con chim cuốc
Chóc chóc lại kêu trong khóm hồng.*

134
Trong núi

*Sau mưa, cây tỏa khói, trời chiều
Nhuộm hồng mây trắng lượn phiêu diêu.
Tĩnh dậy, không hay xuân sớm muộn,
Trong rừng có tiếng đỗ quyên kêu.*

135

Canh xuân ở xóm bên sông

‘ ‘

*Mùa xuân khắp xóm rợp cây xanh,
Một dòng suối nhỏ uốn xung quanh.
Mưa tạnh, bờ đê vương khói nhạt,
Đã quyên vui hót rộn trên cành.*

136

Thơ đề ơ chùa Tiên Du (2)

,

*Núi sông Thiên Đức - để đô xưa,
Danh lam thắng cảnh đẹp như mơ.
Cõi tiên sao phải tìm đâu nhỉ?
Khắp nơi dấu tích vẫn chưa mờ.*

NGUYỄN TRÃI

Tác giả: Sinh 1380, mất 1442, thi hào dân tộc, sinh ở Thăng Long, con Nguyễn Phi Khanh, có công lớn trong việc giúp Lê Lợi chiến thắng quân Minh, bị giết oan trong vụ án Lê Chi viên. Tác phẩm: "Quốc âm thi tập", "Quân trung từ mệnh tập".

137

Tiếng chày đập vai mùa t hu ơ xóm nho

’ ’ ’

*Tiếng chày đập vai rộn khắp sông,
Đêm vắng, khách nghe chợt chạnh lòng.
Vợ người lính ả vào tiếng nện
Gửi hết tâm tư nỗi nhớ chồng.*

138

Buổi chiều đứng trông

Bao la trời rộng, nước bao la,
Cuối thu, lá đỏ rụng quanh nhà.
Mang nặng việc đời, chưa ản dật,
Thèm thành chim trắng lượn bên hoa.

139
Ngẫu hứng

Đời là giấc mộng, thật mong manh,
Tĩnh mộng, than ôi, việc chẳng thành.
Những muốn suốt đời ngồi đọc sách
Bên dòng suối nhỏ, giữa rừng xanh.

140

Đề bức họa "Chim núi gọi người"

Trong núi chim kêu như gọi người,
Con chim tranh vẽ giống ngoài đời.
Rồi treo bên cửa, đêm trong mộng,
Cứ ngỡ người xưa ghé lại chơi.

141

Đề chùa Đông Sơn

Hiếu trung hai nỗi vấn vương lòng,
Uớc hẹn không thành, thẹn núi sông.
Ba mươi năm ngủ trong đời tục,
Chim hót như xui: Tỉnh giấc nông!

142

Thơ đề ơ Vân Oa

,

Nắng chéch rèm thưa, giường sách đầy,
Ngoài vườn gió thổi, trúc lung lay.
Rồi chẳng làm gì, ôm gối ngủ,
Cửa sổ, tắt nhiên, mở suốt ngày.

143

Giấc mộng trong núi

Quanh động Thanh Hư trúc mọc dày,
Suối như màn kính, gió lung lay.
Đêm qua trăng sáng trong giấc ngủ,
Mơ cười hạc vàng bay lên mây.

144

Cuối xuân tức canh

Các cửa phòng vẫn đóng suốt ngày,
Khách tặc không hề bước đến đây.
Chim quyên buồn hót thương xuân muộn,
Ngoài vườn hoa nở dưới mưa rây...

145

Bến đò xuân đầu trại

Cỏ xuân đầu bến rối như mây,
Lại mưa, sông nhỏ nước dâng đầy.
Con đường bên cạnh dài heo hút,
Gối bãi, thuyền cô ngủ suốt ngày.

NGUYỄN BÌNH KHIÊM

Tác giả: Sinh 1491, mất 1585, hiệu Bạch Vân cư sĩ, học giả, nhà thơ nổi tiếng thế kỷ 16, người Vĩnh Bảo tỉnh Hải Dương, đậu trạng nguyên năm 45 tuổi, còn gọi là Trạng Trình. Tác phẩm: "Bạch Vân quốc ngữ thi tập", "Bạch Vân am thi tập" và một số bài văn chữ Hán, các truyện sấm ký.

146**Canh mùa hè**

,

Ngày dài, cửa thoáng, quán Trung Tân,
Hương sen theo gió tỏa xa gần.
Vô hạn tình thơ ai hiểu hết,
Trên lầu chiều xế, tiếng ve ngân.

147

Tự thuật

Tuổi vừa bẩy chục đã từ quan,
Về nơi núi cũ sống an nhàn.
Ngủ đến mặt trời cao mới dậy,
Đã chắc Thanh Vân hơn Bạch Vân?(1)

148

Tiết trung nguyên xá tội vong nhân(2)

Trời đất không tha kẻ bạo tàn,
Sao có tết này ở thế gian?
Mong cửa từ bi cùng phép lạ,
Cứu người ngay thực khỏi lầm than.

NGUYỄN NĂNG NHƯỢNG

Tác giả: Xem phần thơ tám câu.

149

Thơ đề ơ Mai Quan(3)

,

Mai nở trên cành, đậm sắc xuân,
Thông già tỏa bóng, sóng lặn tăn.
Cột đồng, thành kiến(4) không còn thấy,
Nhưng khí phách xưa cảm thấy gần.

150

Cây mai nơ muộn ở Hoàn Phố

’ ’

Trên đường Lĩnh Kiện ghé Mai Quan,
Tháng Hai trời vẫn rét, mai tàn.
Chủ khách quý nhau, mời ở lại.
Tiếc rằng gió dục đến Tràng An.

151

Canh chiều ở Thụy Khê

’ ’ ’

Trời trong, sóng lặng, gió hây hây
Thuyền đi sáng sớm nước dâng đầy
Tháng Hai, cảnh đẹp như tranh vẽ
Khắp rừng hoa nở, cánh chim bay.

ĐẶNG ĐỀ

Tác giả: Xem phần thơ tám câu.

152

Trạm Nhân Lý

Qua hết Thượng Cường đã tới đây,
Xem núi Mẹ Con ở xứ này.
Dẫu nhớ mẹ cha mà chẳng dám
Ngoái nhìn chốn ấy dưới trời mây.(1)

153

Tang sáng xuất phát từ thành Lạng Sơn

?

Lên đường sáng sớm, lúc tỉnh mơ,
Hơi núi, sương đêm thấm ướt cờ.
Không dám ngoái nhìn vì biết rõ
Dưới mây nơi ấy đất thành đô.

154

Buổi tối nghỉ ở trại ở Mạc Phủ

’ ’ ’

Gặp mưa, đi sớm, lại đường xa,
Xe sứ đến đây đã xế tà.
Đêm ngủ, đang mơ về cố quốc,
Nghe gà te tái gáy xa xa.

LƯU ĐÌNH CHẤT

Tác giả: Sinh năm 1566, mất 1627, người làng Quỳnh Chử, huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa. Năm 42 tuổi thi tiến sĩ, đậu đình nguyên. Làm quan tới chức tể tướng thời Trịnh Tráng. Tác phẩm còn 19 bài trong "Toàn Việt thi lục".

155

*Hoạ bài thơ "Ngẫu nhiên ngâm trong mưa" của người
Tây Hà.*

Mưa trên lá đậu, báo xuân tan,
Đêm nằm khách sứ nghĩ miên man.
Gió thổi, trở mình, trời đã sáng,
Bên ngoài đở rục phía Tràng An.

PHẠM QUÍ THÍCH

Tác giả: Xem phần thơ tám câu.

156

Tàn châu, trở về nhà

,

Châu về, rồi việc tựa lan can,
Tháng Hai gió rét, cánh hoa tàn.
Không biết mùa xuân qua quá nữa,
Ngoài vườn chim chóc hót râm ran.

157

Mưa đêm

Nhè nhẹ mưa rơi, mưa như không,
ý xuân rạo rức dậy trong lòng.
Sáng mai ngủ dậy nhìn chắc thấy,
Chồi non, cây cỏ mọc kín đồng.

158

Ngồi một mình trong thuyền

Trên sông, trăng chiếu chéch mũi thuyền,
Gió lùa, trần trọc ngủ không yên.
Cảnh đẹp thế này mà lắm bệnh,
Ngồi nghĩ bâng quơ trước ngọn đèn.

159

Nhớ chuyện xưa khi qua bến Chương Dương(1)

Ngồi thuyền buổi sáng, lướt trên sông,
Chim bay nhao nhác, lượn theo dòng.
Chắc chỗ này đây, nơi nước xoáy,
Nhà Trần đại thắng giặc Nguyên Mông.

160

Bãi Tụ Nhiên(2)

Đây đầm Nhất Dạ, bãi Tụ Nhiên,
Tiếc không may mắn được gặp tiên.
Đành một mình buồn ngồi uống rượu,
Lênh đênh giữa nước một con thuyền.

161

Đêm trăng nghe đàn

Đêm tĩnh yên, bất chợt,
Nghe tiếng đàn đâu đây.
Mở cửa nhìn chỉ thấy,
Mảnh trăng và vườn cây.

162
Chiều thu

Chưa hết gió đêm, lại gió ngày,
Trước sân lộng lẽ lá vàng bay.
Chỉ riêng hoa cúc không tàn lụi,
Soi bóng long lanh chén rượu đầy.

163

Từ công đường về, ngẫu hứng mà thành

Một mình thơ thẩn đứng cầu thang,
Trước mặt, hai bên đầy cúc vàng.
Đừng hỏi vì sao hoa nở muện -
Để người đỡ lạnh đón xuân sang.

164

Nhìn trăng, xúc cam thành thơ.

’

Đêm xuân, rét, khó ngủ,
Trăng sáng, trời xanh trong.
Nhà nông đang gặt hạn,
Xin đừng chiếu xuống đồng.(1)

165

Cam hoài ngòi dưới ánh trăng

,

Đêm thanh, ngõ vắng, gió trên đường,
Trên trời, trăng sáng tựa vành gương.
Cũng chính trăng này đang chiếu sáng
Cả người xa xứ lẫn quê hương.

166

Mừng được mưa

Lâu ngày hạn hán bỗng mưa to,
Quả tình ân lớn được trời cho.
Đêm nay kê gối nằm yên giấc,
Hạn hán, mất mùa chẳng phải lo.

167

Đêm trăng chiếu trại quân

Trại quân sương che phủ,
Đều đều trông điếm canh.
Từ lan can chỉ thấy,
Trăng lênh láng khắp thành.

168

***Đêm rằm, ngồi dưới trăng, thấy dân thôn đi tát nước về,
làm bài thơ này***

Trăng tròn vành vạnh phía hàng cây,
Có rượu, có trà để uống say...
Thật lạ, không đâu buồn vớ vẩn,
Lại buổi trăng thu đẹp thế này!

169

Thăm chùa Trấn Quốc ở Hồ Tây

(Bài một)

Thu vàng, chùa vắng, gió heo may,
Hành cung u tịch, lá rơi đầy.
Thuyền rẽ lá sen, hồ sóng gợn,
Lên lầu ngắm cảnh nước và mây.

170

Thăm chùa Trấn Quốc ở Hồ Tây

(Bài hai)

Nắng nhạt, hồ thu sóng bốn bề,
Khách mãi ngâm thơ, chửa muốn về.
Còn cười lũ trẻ đang đùa nghịch,
Giành lá sen làm chiếc nón che.

NGUYỄN ĐÌNH SÁCH

Tác giả: Sinh 1638, mất 1697, hiệu Dục Hiên, người xã Văn Trung, huyện Bạch Hạc, nay thuộc huyện Vĩnh Trường, tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 33 tuổi đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân, đời Lê Huyền Tông. Đi sứ nhà Thanh với chức Đại lý tự khanh, lúc về được thăng chức Binh bộ tả thị lang, tước Nam. Tác phẩm có 34 bài trong "Toàn Việt thi lục".

171***Đi dưới tuyết ở An Túc(1)***

,

Gươm đàn trên ngựa, tiếng lanh canh,
Cảnh trời mưa tuyết đẹp như tranh.
Bốn phía đồng bằng như sóng biển,
Núi mờ để lộ mái tóc xanh.

172
Lên t huyền

Cảnh đời thay đổi cứ trôi qua,
Nhìn Yên, nhớ Việt(1) những xót xa.
Trường Giang mây phủ, buồn man mác,
Một mái chèo xua nổi nhớ nhà.

NGUYỄN QUÝ ĐỨC

Tác giả: Sinh 1648, mất 1720, hiệu Đường Hiên, tự Thế Nhân, người làng Thiên Mỗ, huyện Từ Liêm, Hà Nội, đậu Thám Hoa năm 1676, đời Lê Hy Tông, làm quan đến chức Thượng Thư. Ông không chỉ là nhà chính trị, ngoại giao, nhà giáo nổi tiếng, mà còn rất giỏi về sử học và văn thơ. Tác phẩm có "Thi châu tập", "Hoa Trình thi tập" (cả hai đã thất lạc). Gia đình dòng họ Nguyễn Quý đến nay còn lưu được một số thơ văn và câu đối.

173

Nghe ếch kêu, ngẫu nhiên thành thơ

Ngày hè, mưa tạnh ếch trong ao
Kêu lên bất chợt thật ồn ào.
Không phải cãi nhau, mà vui sướng,
Tạ ơn có được trận mưa rào.

ĐẶNG ĐÌNH TRƯỜNG

Tác giả: Sinh 1649, mất 1735, tự Đình Trường, hiệu Trúc Trai, Trúc Ông, người làng Lương Xá, huyện Chương Đức, nay là huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây, xuất thân trong một dòng tộc huân phiệt rất nổi tiếng. Đỗ tiến sĩ năm 1670, từng làm phó sứ sang trung Quốc, làm quan đến chức Thái Phó, Quốc Lão, tước ứng quân công. Nổi tiếng thanh liêm chính trực, gần gũi với nhân dân. Tác phẩm có "Thuật cổ quy huân lục" (tám quyển), "Linh Giang dinh vệ lục" và tập thơ đi sứ "Trúc Ông phụng sứ tập".

174

Xem bức tranh trúc trên vách quán trọ

Không biết ai trồng hay tự lên,
Khóm trúc xanh tươi thật dịu hiền...
Tả được cái thần phong cảnh đẹp,
Quả đúng phải cần cây bút tiên.

175

Buổi sớm ở thành Lạng Sơn ra đi

Tình mơ, người ngựa đã lên đường,
Cờ sú nửa ngày còn đẫm sương.
Ngoái nhìn chợt thấy mây năm sắc,
Bao phủ thành đô, đẹp khác thường.

176

Buổi tối dừng lại ở doanh Mạc Phu

’ ’
Tạnh mưa, trời mát, sáng đi ngay,
Tới doanh Mạc Phủ vừa hết ngày.
Trần trọc nhớ quê, đêm khó ngủ,
Gà rừng te tái gáy đâu đây.

177

Thành Hoàng Sào

Thành xưa sót lại khúc sông này,
Bờ thành thấp thoáng giữa hàng cây.
Từ lâu tiếng xâu trôi theo nước,
Hoàng Sào, tên tuổi vẫn còn đây.

178

Tức sự ngày lập xuân

Gió mưa lặn lội chặng đường xa,
Không ngờ xuân lại đến, đông qua.
Vội vã hướng về Nam, kính cẩn,
Cúi lạy đức vua và mẹ cha.

179

Qua mộ Ty Can, thái sư nhà Ân

,

Nằm giữa rừng thông cao sát mây,
Trái tim bầy lỗ nghĩ nơi này.(1)
Nghìn năm nổi tiếng người nhân nghĩa,
Lời truyền lưu lại đến ngày nay.

NGÔ THÌ ÚC

Tác giả: Xem phần thơ tám câu.

180

Đi thăm bạn không gặp

Hẹn mãi mà không gặp,
Tôi đi dọc, bắc ngang.
Ra ở đời, việc lớn,
Gặp nhau không dễ dàng.

LÊ CẢNH TUÂN

Tác giả: không rõ năm sinh, mất 1416, hiệu Tĩnh Trai, người huyện Đường An, nay là huyện Bình Giang, Hải Hưng. Đỗ thái học năm 1400 dưới triều Hồ, giàu lòng yêu nước, bị giặc Minh bắt giam và chết trong ngục. Hiện còn 12 bài thơ.

181***Ngày đầu năm***

*Vẫn là khách quán trọ,
Thêm xuân nữa lại về.
Đào xuân xưa đã chết,
Bao giờ ta về quê?*

182

Đến trạm Mông Lý(1) cảm xúc thành thơ

,

*Gác chèo lên cát, phía xa xa
Xóm nhỏ mờ xanh dưới nắng tà.
Cảnh vật như không mà lại có,
Thấp thoáng trong sương mấy mái nhà.*

183

Ngày Nguyên Đán ở trạm bên sông

,

*Mông một, đầu xuân lại đẹp trời,
Chỉ thương ta vẫn ở quê người.
Ngồi trong quán trọ nhìn hoa nở,
Nỗi buồn đơn độc cũng với với.*

LÊ THÁNH TÔNG

Tác giả: sinh năm 1442, mất 1497, tên thật là Lê Tư Thành, hiệu là Thiên Nam Động chủ, con trai thứ tư của vua Lê Thái Tông. Ông là nhà vua - thi sĩ, có công lớn với đất nước, đặc biệt trong lĩnh vực văn hoá.

Tác phẩm: hàng trăm bài thơ chữ Hán, mấy chục bài thơ Nôm và một số bài phú nổi tiếng.

184***Đạo trung thân(1)***

*Đức của người phò tá
Là giữ đạo trung thân.
Cái điều cao đẹp ấy
Xa lạ với tiểu nhân.*

185

Thanh thơi(2)

,

*Du Lượng(3) thôi chức lớn,
Chỉ lên lầu ngòi chơi.
Khi không màng danh vọng,
Tự nhiên lòng thanh thơi.*

186

Đình Ngự Phu

*Khuất Nguyên(4) bị đuổi, buồn dầy dút,
Lòng nặng mối lo vận nước nhà.
Bài thơ ngư phủ chưa ngâm trọn,
Đã tự gieo mình xuống Mịch La.*

187

Bài thơ mừng lúa tốt (5)

*Một màu xanh biếc trải mênh mông.
Nuôi dân phải chú trọng nghề nông.
"Năm nay lúa tốt hơn năm ngoái!"
Mấy lão nông phu đứng ngắm đồng.*

188

Dừng chân ở núi Cổ Quý(1)

*Gió thổi, cờ bay giữa nắng tà,
Lá đỏ còn hơn hoa tháng Ba.
Đời người nhìn lại, không như trước,
Vui buồn trăm mối rối lòng ta.*

189

Đi tuần phía đông, dừng lại ở Đồng Cang(2)

' '

*Vùng biển, gạo như ngọc,
Cá rẻ như cho không.
Thấp thoáng chim về tổ,
Hoàng hôn, mặt trời hồng.*

190

Đậu thuyền dưới chân chùa Quang Khánh(3)

*Ngoài vườn chim hót, gió hây hây,
Trời xé, mặt đường phủ bóng cây.
Sẵn rượu làm sao không cạn chén -
Ai sống ở đời thoát cái say?*

191

Qua bến Phù Tang(1)

*Trên bến Phù Tang mưa lất lay,
Tiết xuân, trời âm lại từng ngày.
Chỉ thương những kẻ ham danh lợi,
Quên đời trôi thoáng tựa làn mây.*

192

Qua đền Hùng Đạo Vương(2)

*Lá đỏ trên cây khế xạc xào,
Trời đầy mây trắng, nắng xôn xao.
Tượng đá, chùa đây, người chẳng thấy,
Chỉ thấy bên ngoài rặng núi cao.*

193

Dừng lại ở Xương Giang(3)

,

*Nắng chiều, nửa núi xạm dần đen,
Hai bờ như có khói bay lên.
Sách xưa đọc mãi mà không hết,
Dù đã mười năm đọc trước đèn.*

194

Bến cang Vân Đồn(4)

*Nắng chiều óng ả, bên bình yên,
Con thuyền lướt nhẹ, nước đang lên.
Gái trai bên biển cười vui vẻ,
át cả gió reo trước mũi thuyền.*

195

Bãi Đông Ngạc(1)

*Thơ làm xong, đi ngủ.
Trăng nhú nơi chân trời.
Hoa rụng bao tình ý,
Khẽ chạm vào áo người.*

196

Đêm cắm thuyền ở bãi Trung Giang(2)

*Không gió, không sương, đêm tĩnh yên,
Ngồi đợi bình minh trước mũi thuyền.
Sấp sấp, hé nhìn qua cửa sổ,
Dòng sông phẳng lặng, nước triều lên.*

197

Qua núi Đập Sơn(3)

*Triều dâng, sông đỏ gặp sông vàng,(4)
Liễu thêm xanh biếc lúc xuân sang.
Thuyền ghé, khách thơ bèn ướm hỏi
Chuyện xưa, tên núi lẫn tên làng.*

198

Thác nước

*Từ trên đổ xuống, nước như mây,
Âm vang trắng xóa suốt đêm ngày.
Cảnh xuân bị cuốn trôi theo nước,
Mấy ai phát hiện thấy điều này.*

199

Con trai, con gái ơ Lý Nhân(1)

Trên đê trời lạnh, sắp sang xuân.
Đẹp như mỹ nữ nước Yên, Tần,
ở đây con gái xinh, hiền dịu,
Xấu hổ con trai, chẳng dám gần.

200

ộ́m dậ̣y cam hoạ̀i

,

*Hôm nay có lẽ bệnh thuyên dần,
Suốt ngày thu thái đạo quanh sân.
Nhờ thuốc nên vui vì khỏi bệnh,
Tiếc chẳng có gì giữ tuổi xuân.*

201

Ngày xuân, mới ốm dậy

*Chỉ một mình, ốm yếu,
Đạo nhiều vòng quanh sân.
Oanh hót vang, xin hỏi:
Cho ai chim gọi xuân?*

202

Thơ đề trên quạt

*Nam Huân gác tía giữa ban ngày,
Nhẹ nhàng quạt lụa phẩy trên tay.
Gió mát hiu hiu, trưa ngủ thiếp,
Không biết mồ hôi của dân cày.*

203

Đề nơi chốn mây nước của đạo sĩ

(bài một) ♪

*Tuổi già ẩn dật chốn thâm u,
Trút bỏ áo quan, chiếc áo tù.
Lấy sự vô tâm làm tâm đắc,
An nhàn tiếp đạo sĩ, nhà tu.*

204

Đề nơi chốn mây nước của đạo sĩ

(bài hai) ♪

*Non sông tím tắp một màu xanh,
Mây chiều rắng đỏ, nước long lanh.
Chỉ tiếc không tài như tạo hóa,
Đưa hết cảnh nay vào bức tranh.*

205

Đề nơi chốn mây nước của đạo sĩ

(bài ba) ♪

*Tháp thoáng ngôi nhà giữa núi mây -
Chắc am ẩn sĩ ở nơi này.
Chiều xế, trời quang, cơn gió thổi,
Ráng trời soi nước, bóng chim bay.*

206

Đề nơi chốn mây nước của đạo sĩ

(bài bốn),

*Thuyền trong tán lá, cánh chim hồng,
Gác chèo, gió nhẹ, nước mênh mông.
Mây trắng chợt rơi vào cốc rượu.
Ráng chiều như máu nửa dòng sông.*

207

Đề chón mây nước của đạo sĩ

(bài năm)

*Mấy gian nhà nửa gói hồ sen,
Không vương bụi trần, lòng tĩnh yên.
Đời sau chắc chẳng mong hơn thế,
Khi đến nơi này, nơi cõi tiên.*

208

Đề nơi chốn mây nước của đạo sĩ

(bài mười bảy)

*Bóng tre râm mát, nắng lung linh,
Ve kêu ngày hạ thật vô tình.
Vừa mới thiu thiu thì chợt tỉnh.
Sen nở làm chim khẽ giật mình.*

209

Thơ đề chôn mây nước của đạo sĩ

(bài hai mươi tư)

*Hai bờ lau nở trắng như bông,
Sông vén màn đêm, xuôi về đông.
Nỗi buồn du khách, vành trăng sáng
Như chiếu xuyên qua, thấu nỗi lòng.*

NGUYỄN TRUNG NGẠN

Tác giả: (1289-1370), tự Bang Trục, hiệu Giới Hiên, người làng Thổ Hoàng, huyện Ân Thi, tỉnh Hải Hưng; đậu Hoàng Giáp năm 1314, làm quan đến chức Đại học sĩ trụ quốc khai huyện bá. Từng đi sứ nhà Nguyên.

210

Trên sông Tương (1) tiễn biệt

*Chia tay, nâng chén rượu bên đình,
Bác ngồi lên ngựa, vội phi nhanh.
Tôi trở lại thuyền ngồi lặng lẽ,
Màu trời hòa lẫn màu sông xanh.*

211
Muốn về nhà

*Tầm đang lên kén, lá dâu già,
Cua đồng đã béo, lúa chiêm hoa.
Giang Nam đất khách giàu, vui thật,
Vẫn mong chong chóng trở về nhà*

212

Đêm đỗ thuyền ở bến Lăng Thành

,

*Người ở trên thuyền, trăng dưới sông,
Động Đình thu hứng trái mênh mông.
Chẳng quản đường dài, đêm đang ngủ,
Hồn trở về nhà theo gió đông.*

ĐỒ CẬN

Tác giả: Sinh 1433, năm mất không rõ, tự Hữu Khác, người Phổ Yên, Thái Nguyên, đỗ tiến sĩ năm 1478 đời Lê Thánh Tông. Bài này ông làm khi đi sứ nhà Minh.

213

Chiều tối, đậu thuyền ở bến Thái Thạch(1)

*Lý Bạch rời trần lên cõi tiên.
Khách xa gói lẻ thức bên đèn.
Phong vị người xưa còn phảng phất,
Vò rượu làm tan nỗi cảm phiền.*

PHÙNG KHẮC KHOAN

Tác giả: (1528-1613), tự Hoàng Phu, hiệu Nghị Toai, người huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây; đậu Hoàng Giáp năm 1580, đi sứ Trung Quốc năm 1597. Trong thời gian đi sứ sáng tác nhiều thơ, xướng họa và ứng đối rất giỏi, được các sứ thần nước ngoài thán phục. Làm quan đến chức Hộ bộ thượng thư, tước Mai Quận công.

214

Viết trả lời người mang rượu đến xin thơ

*Còn hơn cả rượu, hứng thơ say.
Ngang vò rượu quý bài thơ này,
Thơ đã làm xong, rượu uống hết.
Trùm thơ, trùm rượu là ta đây!*

214

ơ công quán, làm thơ tức sự

Đêm về bầy quạ lượn bay quanh,
Sáo ai nào ruột thổi đầu thành.
Ngong ngóng trời Nam sao Nam Đẩu(1)
Nhớ nhà, trần trọc suốt năm canh.

216

Qua rừng lim

Rừng lim cao khỏe, đỡ chống trời,
Cứng cỏi, coi thường sương tuyết rơi.
Giữa lúc nước nhà cần trụ cột,
Sao ở nơi sâu, xa lánh đời?

217

Thơ tức sựơ công quán

,

Tuổi già, đi sứ đến Yên Kinh,(2)
Đế đô cảnh vật thật thanh bình.
Gió thổi qua cây như tiếng suối,
Trong vườn, xuyên lá, nắng lung linh.

218

Thơ tức sựơ công quán

,

Bầy quạ bay quanh ngọn liễu già,
Sáo người nước Lũ thối xót xa.
Ngoảnh lại Thiên Tân(1) nhìn Nam Đẩu,
Không ngủ suốt đêm bởi nhớ nhà.

219

Bến Bành Thành

*ở sông Tuy Thủy, huyện Bành Thành, Từ Châu, vốn là chỗ
đóng đô của Hạng Vũ, có đài Hý Mã và đền Bành Tử.*

*Hý Mã đài xưa dấu vẫn còn.
Nhà khách bên đường, rặng liễu non.
Tuy Thủy, Bành Thành nguyên như cũ,
Công danh Hán Sở đã phai mòn.*

NGUYỄN TIỀN SÁCH

Tác giả: Sinh 1638, mất không rõ năm nào, người huyện Bạch Hạc, Phú Thọ, đỗ tiến sĩ năm 1670. Làm phó sứ trong chuyến đi sứ Trung Quốc năm 1690; hai bài thơ này làm trong thời gian ấy.

220

Đi trong cảnh tuyết rơi ở An Túc

Ngựa đi, đàn kiếm tiếng lạnh canh,
Tuyết rơi, cảnh đẹp tựa trong tranh.
Bốn phía là đồng, như sóng biển,
Xa xa núi xóa mái đầu xanh.

221

Tức sự ngày lập xuân

*Vất vả bao ngày cảnh gió sương,
Bất chợt đón xuân ở dọc đường.
Nhớ ơn đức vua và cha mẹ,
Cúi đầu quỳ lạy, hướng quê hương.*

NGUYỄN CÔNG HÃNG

Tác giả: (1679-1732), hiệu Tĩnh Trai, người Đông Ngàn, nay là huyện Tiên Sơn, Hà Bắc, đỗ tiến sĩ năm 1700, làm quan đến Bình bộ Hữu thị lang. Bài thơ này viết khi ông đi sứ Trung Quốc năm 1718; Sau bị gièm pha, giáng chức, và tự tử. Tác phẩm: "Tĩnh sà thi tập".

222

*Buổi sớm lên đường ơ Hồ Nam,
làm thơ trình Hồ Trai*

*Xanh mờ khói sớm sóng Trường Sa,
Nét mày cô gái - núi xa xa.
Đông về cỏ úa, trời se lạnh,
Lưu luyến mùa thu vệt nắng tà.*

KHUYẾT DANH

223

Canh Tây Hồ(1)

,

*Một khóm dương vàng, mấy khóm hoa,
Trong quán người say, trẻ lẫn già.
Đất Việt cái vui không giống vậy,
Xuân về khắp chốn rộn lời ca.*

LÊ QUANG VIỆN

Tác giả: Không rõ năm sinh, năm mất, bài thơ này được viết khi đi sứ sang triều Thanh năm 1773. Tác phẩm: "Hoa trình ngẫu bút lục".

224

Cam nghĩ trên sông Tây Ninh

*Châu Thành thuyền ghé bên ban trưa,
Đôi diện lâu cao, buồn bâng quơ.
Tổ quốc thì xa, đường heo hút,
Đã thế ban đêm trời lại mưa.*

ĐOÀN NGUYỄN TUẤN

Tác giả: Không rõ năm sinh, năm mất, hiệu Hải Ông, người làng Hải An, nay thuộc huyện Quỳnh Phụ, Thái Bình; làm quan thời Tây Sơn. Sau chiến thắng Đống Đa 1789, ông được cử đi sứ Trung Quốc. Hai bài thơ này của ông viết trong thời gian ấy. Tác phẩm: "Hải Ông thi tập".

225***Lá thu***

*Cây lá thu về, sắp gió sương,
Héo khô, rơi xuống sát bên giường.
Đất Nam khác hẳn, mùa thu đến,
Vạn vật xanh rờn, vẫn ngát hương,*

226

Phòng thu

*Gió thu níu áo, nước đang đông,
Lạnh lẽo, cô đơn chôn khuê phòng.
Chữ gấm dệt xong(1), tin cá vắng(2)
Đêm bó đèn hoa, đỡ nhớ chồng.*

NGÔ THÌ NHẬM

Tác giả: sinh năm 1746 trong một gia đình đại quý tộc ở Thăng Long, mất 1803; từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong triều Trịnh - Nguyễn, về sau theo và trở thành người trợ lực chính của vua Quang Trung.

Tác phẩm: hơn 600 bài thơ và 15 tác phẩm khác.

227

Lên t huyền

Cảnh đời thay đổi cứ trôi qua,
Nhìn Yên, nhớ Việt(1) những xót xa.
Trường Giang mây phủ, buồn man mác,
Một mái chèo xưa nổi nhớ nhà.

228

Cuối xuân

*Hoa nở bên hang, nhụy trắng ngần,
Gió chiều, ai dạo khúc Nam Huân.
Xuân hết, nhiều loài hoa vẫn đẹp,
Vẫn thắm áp ủ những mầm xuân.*

229

Nước mùa thu

*Sau mưa, trời nước sáng long lanh,
Cảnh này thật khó vẽ nên tranh.
Vất vả bao năm buồn trắng tóc,
Mấy lần thả bộ ngắm non xanh?*

230

Hoa cúc mùa thu

*So với muôn loài, cúc khác xa,
Trang điểm mùa thu giữa nắng tà.
Ngày này năm ngoái bên hoa cúc
Uống rượu một mình nhắm cánh hoa.*

231

Đêm thu

*Đêm thu rét ngọt, gió se se,
Sương bông, trăng sáng chéch bên hè.
Tiếng chuông kêu lạnh phòng quán trọ,
Người buồn, bận nghĩ, chắc không nghe.*

232

Tiếng đập vai mùa thu

,

*Tiếng chày đập vải lách qua sương,
Vang vọng kinh đô, khắp phố phường,
Chắc chẳng đến tai người lính thú,
Chỉ làm khách sứ(1) nhớ quê hương.*

233

Trăng thu

*Bên sông, uống rượu, ngắm hoàng hôn,
Lung linh dưới nước mặt trăng tròn.
Định lên cầu đá Lư Câu đạo,
Lâu bên sáo vọng, khiến bồn chồn.*

234

Phòng khuê mùa t hu

*Lạnh lẽo phòng thu, tình khó quên,
Tự tô phần nhạt, tự làm duyên
Bao năm mong ngóng chồng chinh chiến,
Đêm đêm lặng lẽ bó hoa đèn.*

NGUYỄN HÀNH

Tác giả: Xem phần thơ tám câu.

235

Chọn câu thơ

"Nhất thân vị hư chu"(1) làm đầu đề

Thân như chiếc thuyền nhẹ
Trôi giữa sóng cuộc đời.
"Trung, tín" làm tay lái,
Giữ thuyền không chơi vơi.

236

Năm mới làm thơ đùa chơi

Lại thêm một năm mới,
Cảnh đẹp, lòng thanh thơi.
Vì chủ nợ không tới,
Toàn khách quý đến chơi.

237

***Ngày xuân, vịnh đũa bức tường
nhà hàng xóm phía nam***

Phía Bắc tường, mình đối,
Phía Nam, hàng xóm no.
Không thấy gió xuân thổi,
Chắc vì tường cao to.

238

Trăng trung thu năm nay

Trăng thu năm nay đẹp,
Tỏa ánh sáng bao la.
Gió thổi, cây xao động,
Tưởng gió từ quê nhà.

239

Gặp bạn

Xa nhau vì số mệnh,
Nhưng vẫn nặng tình người.
Gặp nhau, cười im lặng ,
Rồi mỗi người một nơi.

240

Ngắm trăng

Giữa thị thành náo nhiệt,
Ngồi ngắm trăng, trong lòng
Tự nhiên thấy thanh thản,
Như ở giữa núi sông.

241

Lời tự vấn lương tâm trong đêm tĩnh mịch

Ba mươi năm trước tấm lòng này,
Tấm lòng không đổi đến hôm nay.
Hôm nay tóc bạc, càng không đổi,
An bản lạc đạo(1), tấm lòng ngay.

242

Tặng vợ

Nghèo khổ, vô danh cũng tại chồng,
Nhưng chẳng trách đời quá bất công.
Cái nghĩa tao khang(2) mong giữ trọn
Tới ngày đầu bạc với răng long.

243
Cầm cố

Đất người không kiếm đủ cái ăn,
Phải đem cầm cố cả áo quần.
Duy chỉ thân này không cầm được,
Mãi chẳng về quê, dẫu một lần.

244

Mượn người cái kính

Nói nghiệp cha ông, cày bằng mắt,
Tuổi tác, than ôi, khiến mắt mờ.
Bác cho mượn kính, như thêm sức
Để cày thêm nữa ruộng văn thơ.

245

Thơ làm lúc lên đường

Đất người lưu lạc, kiếp long đong,
Những muốn về quê, về chẳng xong.
Như chim phải đậu thành phương Bắc,
Dẫu muốn về Nam với núi Hồng.(1)

246

Thơ vịnh gió nam

Xưa bên cửa sổ, ngủ say khi,
Thân này chẳng biết khổ chia ly.
Giờ nếm đủ điều, trăm cái khổ,
Chỉ còn ngọn gió bạn cố tri.

247

Say sưa canh t hái bình

,

Thành đô giàu có, đẹp ban ngày,
Nhưng đêm đầy tiếng trẻ ăn mày.
Được bổ làm quan, vui phú quý,
Phải nghe và giúp những người này.

248

Bệnh dịch lại tái phát

Đầy trời khí lạnh, dẫu đang xuân,
Sao trời nữ dáng họa cho dân.
Xin được đem thân này thế mạng,
Để đỡ cho dân, dẫu một phần.

249

Trung thu

Trăng thu tỏa sáng khắp La Thành,
Đời, sau đại dịch, lại tươi xanh.
Nay vui không phải vì trăng đẹp,
Mà vui cuộc sống của dân lành.

250

Tự thuật khi xem sách bói toán

Học xem bói tướng lắm gian nan,
Dẫu chơi khuây khỏa lúc an nhàn.
Ba chục năm trời vui bói toán,
Chưa lần nào bói để cầu quan.

251

Miêu thờ An Dương Vương

Lập miếu thờ vua, ấy lễ thường,
Kim Quy chuyện cũ, chắc hoang đường.
Chí lớn của vua nay đã toại,
Miếu cổ thờ công bạc đế vương.

TRỊNH HOÀI ĐỨC

Tác giả: (1765-1828), tự Chỉ Sơn, hiệu Cấn Trai, người gốc Phúc Kiến, Trung Quốc, làm quan với Gia Long đến chức Lại bộ thượng thư, năm 1802 đi sứ sang nhà Thanh; là nhà thơ nổi tiếng đất Gia Định; có thời gian sống ở Campuchia.

252

Làm khách lâu ở Chân Lạp(1)

,

*Thuyền con vượt sóng chặng đường dài,
Đi qua Tiên Phố đến Kim Đài.
Xuân đến mà còn đang đất khách,
Biết nhờ ai gửi giúp cành mai?(2)*

NGUYỄN DU

Tác giả: Sinh 1765 tại Thăng Long, quê Hà Tĩnh, mất 1820 tại Thừa Thiên. Thi hào dân tộc. Tác phẩm: "Truyện Kiều", các tập thơ chữ Hán "Thanh Hiên thi tập", "Nam trung tạp ngâm", "Bắc hành tạp lục" và một số tác phẩm bằng chữ Nôm; từng làm quan cho triều Nguyễn, đi sứ sang Trung Quốc, cuối đời về ở ẩn.

253***Nằm mơ hái sen***

(bài một)

*Buộc chặt quần cánh bướm,
Chèo thuyền hái sen chơi.
Nước hồ xanh lấp lánh,
Trong bóng nước có người.*

254

Nằm mơ hái sen

(bài ba)

*Hẹn với cô hàng xóm
Sáng cùng đi hái sen.
Đến lúc nào chẳng biết,
Chỉ nghe cười kể bên.*

255

Ngẫu hứng

(bài hai)

*Hoa lau màu trắng, cúc vàng hoe,
Nghìn dặm đêm dài chợt nhớ quê.
Ngồi dậy nâng rèm nhìn trăng sáng,
Nhưng trăng dày đặc bóng cây che.*

256

Ngẫu hứng

(bài ba)

*Một hàng cây chuối sát bờ ao,
Nửa gian nhà bếp khói bốc cao.
Tiếc cỏ trên sân ai nhổ sạch -
Gió xuân có thổi, biết phương nào?*

257

Ngẫu hứng

*Tín Dương, kèn sáo nã nùng thay,
Thu hết, Hà Nam(1) lá rơi đầy.
Vời vợ nhớ quê, nhìn ngoái lại,
Chỉ thấy trời Nam mây trắng bay.*

258

*Viết theo điệu Trúc Chi
khi đi qua Thương Ngô (2)*

(bài một)

*Quê Lâm(3) mới lụt, nước đầy sông,
Ngược xuôi tấp nập thuyền Quảng Đông.
Nhà bè theo nước dâng cao mãi.
Quá trưa, gió thổi mạnh qua đồng.*

259

***Viết theo điệu Trúc Chi
khi đi qua đất Thương Ngô***

(bài hai)

*Ban đêm, đèn sáng gác Văn Xương(1)
In trên nước lạnh bóng như gương.
Đầy sông vang tiếng đàn, ca hát,
Nhộn nhịp thuyền chơi, thật khác thường.*

260

*Viết theo điệu Trúc Chi
khi đi qua đất Thương Ngô*

(bài ba)

*Mưa rơi, mây ớt nặng như chì,
Lớp lớp che mờ núi Cửu Nghi.
Nơi chôn vua Thuần(2) không gò mộ,
Nước reo như đàn hai bà phi?(3)*

261

*Viết theo điệu Trúc Chi
khi đi qua đất Thương Ngô*

(bài bốn)

*Lầu son mé núi đứng xen dày,
Đèn sáng ban đêm, chiều khói bay.
Chùa cổ không tên, trên vách núi,
Có nhà sư ngủ, gôi lên mây.*

262

*Viết theo điệu Trúc Chi
khi đi qua đất Thương Ngô*

(bài bảy)

*Đèn lồng bốn thước phía đuôi thuyền,
Phía trước có hình con hổ đen.
"Tuần sông" hai chữ trên cờ vải,
Nhưng chẳng bắt gian, chỉ hạch tiền.*

263

*Viết theo điệu Trúc Chi
khi đi qua đất Thương Ngô*

(bài tám)

*Hoa đỏ bắc thành càng đỏ thêm,
Thành nam gió vượt liễu thân mềm.
Tơ bay, hoa rụng không ai biết,
Trôi tới Quảng Đông sau một đêm.*

264

***Viết theo điệu Trúc Chi
khi đi qua đất Thương Ngô***

(bài chín)

*Sông nước mênh mông, chẳng bóng nhà,
Lác đác vài thuyền chợt lướt qua.
Không đèn, không trăng, trời đen kịt,
Chỉ nghe ai oán tiếng tỳ bà.*

265

*Viết theo điệu Trúc Chi
khi đi qua đất Thương Ngô*

(bài thứ mười lăm)

*Giữa dòng sông lớn, núi Kê Lung
Sóng nước mênh mông, khói mịt mùng.
Hẹn ông hàng xóm, thuyền neo sẵn,
Lên gác Thiên Phi thả hương cùng.*

NGUYỄN KHUYẾN

Tác giả: Sinh 1835 tại ý Yên, tỉnh Nam Hà, mất 1909 tại quê nhà. Nhiều lần thi hương, thi hội không đỗ, mãi đến 1871 mới đỗ đầu thi hội và thi đình, học vị hội Hoàng Giáp, được vua Tự Đức ban cờ biển và hai chữ Tam Nguyên, được bổ làm Toàn tu sử quan trong triều. Cuối đời về ở ẩn dạy học. Tác phẩm: "Quế sơn thi tập", "Tam Nguyên Yên Đỗ thi ca"...

266

Đêm thu ngắm trăng

*Bốn bề yên tĩnh một mình ta,
Phòng vắng tựa ghé ngắm trăng tà.
Một chiếc lá thu rơi, bay đến,
Gợi biết bao nhiêu nỗi nhớ nhà.*

267

Phu trạm

*Suốt ngày khênh cáng chẳng ngơi chân,
Phu trạm, thân anh thật nhọc nhằn.
Đâu biết chính người ngồi trên cáng,
Hai chục năm qua lắm bụi trần.*

PHAN HUY CHÚ

Tác giả: (1782-1840), tự Lâm Khanh, hiệu Mai Phong, thi chỉ đỗ tú tài, ở nhà đọc sách, sau được vua Minh Mệnh mời vào cung làm Biên tu Quốc Tử Giám. Hai lần đi sứ Trung Quốc. Ba bài thơ này của ông viết trong thời gian ấy. Ông là nhà bác học lớn, tác giả bộ "Lịch triều hiến chương loại chí", soạn trong 10 năm, có thể ví như cuốn bách khoa toàn thư của Việt Nam thời phong kiến.

268

ơ Hành Châu, (1) đêm mưa nghe tiếng chuông

,

*Con thuyền lướt nhẹ dọc sông Tương,
Cách ải Nam Quan(2) vạn dặm đường.
Đêm mưa hồi Nhạn(3) nghe chuông gióng,
Thấy lòng da diết nhớ quê hương.*

269

Nghỉ lại ở Tương Âm(4)

• (bài một)

*Sắc núi mờ mờ, mưa lâm thâm,
Mái chèo rẽ sóng tới Tương Âm.
Thành vắng đêm mưa, thuyền tạm đỗ,
Canh cánh quê hương nổi nhớ thâm.*

270

Nghỉ lại ở Tương Âm

• (bài hai)

*Mưa tạnh, mù tan, doi cát nông,
Nước trời pha lẫn, màu xanh trong.
Gió nam chưa gặp, buồm chưa kéo,
Buộc thuyền dưới liễu sát bờ sông.*

PHAN THANH GIẢN

Tác giả: (1796-1867) tự Tỉnh Bá, hiệu Lương Khê, quê ở huyện Bảo An, tỉnh Vĩnh Long, đậu tiến sĩ năm 1826, làm quan đến Hiệp biện đại học sĩ, từng đi sứ sang Trung Quốc và Pháp; khi Pháp đánh chiếm Vĩnh Long, ông uống thuốc độc tự tử.

271

Đêm đậu thuyền nghe sáo

*Sóng ngang bờ, nước rút,
Trăng đầy vịnh, trời quang.
Xa xa ai thổi sáo...
Lá rụng, núi âm vang.*

BÙI DỊ

Tác giả: Sinh năm 1831, mất năm nào không rõ, tự Ân Niên, Tôn Am, người huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đỗ Phó Bảng năm 1865, làm phó đô Ngự sử rồi Chánh sứ sang nhà Thanh.

272

Xúc cam trong đêm

,

*Bắc Đẩu quay ngang, trời lấm mây,
Sông Ngân chênh chếch phía trời tây.
Đêm khuya chợt dậy nhìn gương đục,
Nghe gà đang gáy phía rừng cây.*

CAO BÁ QUÁT

Tác giả: (1809-1854), tự Chu Thần, hiệu Cúc Đường, người huyện Gia Lâm, Hà Nội, đỗ cử nhân năm 1831, được giữ chức Hành Tẩu ở bộ lễ. Đời ông nhiều sóng gió, từng bị đi đày sang Ấnônêxia, Cămpuchia. Năm 1853 ông tổ chức khởi nghĩa và bị giết chết trong chiến trận (1854). Ông còn là nhà thơ lớn, tác giả hơn 1000 bài thơ các loại.

273

Đại hàn

*Người nghèo sợ rét sớm,
Người giàu không thích hè.
Mặc người yêu, người ghét,
Năm mới lạng lẽ về.*

274

Nắng mới, sau hôm lập xuân một ngày

*Xuân về xua hết rét mùa đông,
Hoa nở sáng nay đủ tía hồng.
Việc đời giá được như cây cỏ,
Sau mưa trời lại sạch, xanh trong.*

275

Chiều tà, uống rượu say, trở về

*Uống say, nghiêng ngả, tự về nhà.
Một dải sông mờ phía xa xa.
Xuống ao khẽ hỏi bông sen đỏ:
"Liệu có đỏ bằng mặt của ta?"*

276

Tắm ơ khe Bàn Thạch

?

*Sáng tắm khe Bàn Thạch,
Nhật sỏi chơi suốt ngày.
Cả giang sơn nhật mãi,
Chưa đầy một vốc tay.*

277

Ngẫu hứng khi đi chơi sông Hương

*Lâu đài cung điện trải ven sông,
Trại giam, dinh đốc đối tây đông.
Suốt bốn mươi năm suy lại thịnh,
Riêng hoa sen nở vẫn tươi hồng.*

NGUYỄN THƯỢNG HIỀN

Tác giả: (1866-1925), người huyện Sơn Lãng, nay là huyện ứng Hòa, Hà Tây, đậu Hoàng Giáp năm 1892, triều Huế thúc ép mãi mới chịu ra làm quan; có tư tưởng yêu nước, ủng hộ phong trào Đông Du của Phan Bội Châu; từng sang Trung Quốc, Nhật Bản và đảm đương nhiều việc hệ trọng của "Việt Nam Quang phục hội". Cuối đời đi tu, ở ẩn ở Hàng Châu, Chiết Giang, Trung Quốc, và mất ở đó.

278

***Cùng tướng quân Nguyễn Mạnh Hiếu
chơi chùa Năng Nhân, tỉnh Việt Đông.***

*Người hùng cái lợi chẳng mutu cầu,
Nợ nước mài gươm hẹn với nhau.
Chơi chùa, nói chuyện toàn đao kiếm,
Lặng lẽ sư nghe, chỉ lắc đầu.*

279

**Cùng ông Nguyễn Thời Hiến(1) dạo chơi
các núi ở Tây Hồ,(2) viết bài này để tặng.**

*Chơi núi mỗi chân lại xuống thuyền,
Lại về quán rượu, uống triền miên.
Nợ nước, thù nhà cần phải trả,
Đừng đem cầm cố kiếm Long Xuyên.*

280

**Tặng Chương Thái Viêm(3) tiên sinh
khi ở Đông Hai(4)**

Con thuyền muôn dặm giữa trùng khơi,
Đất khách gặp nhau, nói chuyện đời.
Quá chén, bên đèn ngời đọc sách,
Tây lâu gió thổi, dầm mưa rơi.

281

Đi thuyền ghé Hương Cảng

*Thuyền đậu bờ sông cỏ mọc dày,
Ngoái nhìn đất mẹ phía trời mây.
Lưới chài khắp chôn phơi như bầy,(5)
Trên trời lồng lộng cánh chim bay.*

Thơ tám câu

ĐOÀN VĂN KHÂM

Tác giả: Ngày sinh, ngày mất không rõ, chỉ biết người đời Lý, từng làm đến chức thượng thư bộ công dưới triều Lý Nhân Tông (1072-1128). Còn lại 3 bài thơ.

1

Viếng thiền sư(1) Quang Trí

Xa lánh kinh thành, sống thanh thoi,
Một mình trên núi với hoa tươi.
Những muốn theo hầu mà chưa kịp,
Nay nghe sư cụ đã qua đời.
Mộ vắng không hoa, không chữ khắc,
Sân chùa buồn bã lá vàng rơi.
Đến chùa âu cũng nguôi thương xót,
Khi thấy non sông gợi nhớ người.

2

Viếng thiền sư Chân Không

Nổi danh ngoài nội lẫn trong triều,
Người đến tâm sư học đạo nhiều.
Chợt gãy nhà nhân(1) cây trí tuệ,
Rừng thiền bỗng chốc cột thông xiêu.
Sông núi như in hình chủ cũ,
Mộ bên tháp mới, cỏ tiêu điều.
Cửa chùa vắng vẻ, không ai gõ,
Khách nghe buồn bã tiếng chuông chiều.

LÝ NGỌC KIỀU

Tác giả: sinh 1041, mất 1113, người hương Phù Đổng, huyện Tiên Du, là con gái đầu của Phụng Càn vương, được vua Lý Thánh Tông nuôi dạy trong cung. Cuối đời di tu, pháp danh là Ni sư Diệu nhân. Bà và ý Lan phu nhân là hai nữ sĩ nổi tiếng đời Lý. Ngoài bài thơ này còn lưu được một bài kệ nói về bốn nỗi khổ của kiếp người.

3

Sinh lão bệnh tử(1)

’

Sinh lão và bệnh tử,
Vốn là điều tự nhiên.
Càng muốn thoát cho khỏi,
Càng bị trói chặt thêm.
Ngu muội mới cầu Phật,
Đại đột muốn mong Thiên.
Chẳng cần Thiên, cần Phật,
Hãy tĩnh tâm ngồi yên.

VẠN TRÌ BÁT

Tác giả: Sinh 1049, mất 1117, không rõ tên thật là gì, người ở đất Luy Châu nay thuộc vùng Hà Bắc. Đi tu từ lúc 20 tuổi. Cuối đời ông trụ trì ở chùa Tổ Phong, núi Thạch Thất và mở trường dạy học ở đấy.

4***Có sinh ắt có tử***

,

Có sinh, ắt có tử,
Có tử là có sinh.
Sống chết trời định sẵn,
Sướng khổ đều do mình.
Sự đời luôn thay đổi,
Buồn vui - bóng với hình.
Ai không lo sống chết,
Mới là người thông minh.

TRẦN CẢNH

Tác giả: Xem phần thơ bốn câu.

5

Tiền sứ bắc Trương Hiến Khanh

Thẹn không ngọc tặng lúc chia tay,
Bùi ngủi sông núi cảnh chiều mây.
Trước ngựa, gió thu ve vượt kiếm,
Thư phòng trăng dọi, trướng lung lay.
Người nay khó giữ chim phương Bắc,
Đất lạnh lưu luyến cánh chim bay.
Chưa biết bao giờ mong gặp lại,
Nhân khi tiễn biệt, tặng thơ này.

6

Kiếp người(1)

Kiếp người - bọt sóng biển mênh mông,
Sống chết tại thiên, chớ bận lòng.
Nắng đẹp bình minh, chiều xạm tối,
Mùa xuân lá mọc, héo mùa đông.
Lã Vọng, Phan Lang đều chết cả,(2)
Thiên nhiên vận vật cứ xoay vòng.
Kiếp đời đã vậy, đừng than vãn,
Về tây nắng ngả, nước về đông.

7

Về bệnh tật(1)

Âm dương, tội đức cứ xoay vần,
Bể đời vì thế lắm gian truân.
Nhưng đã có thân thì có bệnh,
Bằng không có bệnh, ắt không thân.
Thuốc quý trường sinh không thể có,
Chẳng gì níu giữ tuổi thanh xuân.
Cái chính - tu thân, xa quỷ dữ,
Hàng ngày tâm niệm hướng thiên chân.(2)

8

Đêm mưa bão(3)

Bông trời nổi gió, bụi tung bay,
Ông chài say tít, mặc thuyền xoay.
Một dãy núi đồi vang tiếng sấm,
Chân trời bốn phía mịt mù mây.
Sầm sập mưa rơi như thác đổ,
Thi nhau ánh chớp xé đêm dày.
Bất chợt bão tan, trời lại tạnh,
Trăng sáng ngoài thềm - canh mấy đây?

9

Bài kệ khuyên mọi người lúc hoàng hôn

Hoàng hôn, mặt trời lặn
Sau dãy núi xa xa.
Thời gian trôi, khó giữ,
Người trẻ rồi cũng già.
Ai cưỡng được cái chết
Không cho đến tìm ta?
Vậy hãy lo tâm niệm,
Để xa lánh ma tà.

10

Kệ về lẽ vô thường(1)

(Bài một)

Sáng dậy, mặt trời mọc phía đông,
Lát sau đã thấy đứng trên không.
Mà người như thể đang mê ngủ,
Chẳng hay vạn vật vẫn xoay vòng.
Hoa nở rồi tàn, hoa lại nở,
Sự đời suy thịnh, có mà không.
Sao chẳng tỉnh tâm ngồi suy nghĩ,
Tự mình gây khổ, cứ long đong?

11

Kệ về lễ vô thường

(Bài hai)

Nắng tắt, hết ngày lại đến đêm,
Đã tối, đường đời càng tối thêm.
Nhà mình đèn có mà không thắp,
Thường nhờ ánh sáng của nhà bên.
Sau núi mặt trời chưa kịp lặn,
Bên hồ trăng sáng đã nhô lên.
Sống chết luân hoàn, đời đã vậy,
Sao không niệm Phật, sớm quy thiên?

12

Kệ về lễ vô thường

(Bài ba)

Trông canh dục khách tỉnh giấc nồng,
Chuông Phật nhắc người luyện đức công.
Mà người vẫn ngủ, quay về Bắc,
Mặc kệ mặt trời mọc phía Đông.
Dằng dặc đêm dài rồi cũng hết,
Đêm đời tăm tối, dốt thì không.
Nếu không nhanh chóng lo hành đạo,
Ngày nào mới gặp được Hoàng Công?(1)

TRẦN TUNG

Tác giả: Xem phần thơ bốn câu.

13

Thời tiết yên định

Tử sinh đừng hỏi, kẻ phí lời,
Thời tiết "nhân duyên" vốn tại trời.
Mây núi nào không bay cạnh núi,
Sóng nào chẳng ở chỗ xa khơi.

Hoa nở tháng Ba, luôn vẫn vậy,
Gà gáy canh năm đánh thức người.
Cái đạo, cái tâm ai thấu hiểu,
Mới biết phù du sống ở đời.

14

Họa t hơ huyện lệnh

Chẳng kém Tú Minh(1) về cái nông,
Không cầu trời phật thưởng, khen công.
Giác ngộ nhiều khi chưa mà đã,
Sự đòi lắm lúc có mà không.
Tiểu nhân tìm thuốc mong bắt tử,
Người giỏi ung dung chẳng bận lòng.
Đi câu mà chẳng mang câu, lưới,
Thậm chí chẳng thềm ngó xuống sông.

15

Cái thú giang hồ

Vui thú giang hồ, cảnh núi sông
Từ lâu ấp ủ mãi trong lòng.
Bạc vàng, danh vọng không vương vấn,
Tháng ngày nhàn nhã, sống thong dong.

Buổi chiều thổi sáo, chờ trăng mọc,
Sáng cầm thuyền câu chính giữa dòng.
Tạ Tam(1) thật tiếc không con nữa,
Còn lại chiếc thuyền ghéch bãi nông.

16

Trình thiền sư Tiêu Dao ở Phúc Đường(2)

,

Lâu nay xa phong thái, kiều ngụ ở thôn hoang. Sâu thương thân cách phương trời, loạn phương ý hằng chung bóng. Khúc hát "vô sinh", thanh thoi cất tiếng. Công ơn pháp nhũ, gọi chút đèn bù.tạm viết đôi lời, dưới tòa trình tiến.

Tuy nơi thôn dã sống qua ngày,
Những ơn Tú Trọng(2) vẫn sâu dày.
Nhờ được gặp luôn, đầu đỡ tôi,
Lòng dù đã nguội, vẫn lòng ngay.
Mùa xuân ngòi ngắm hoa đào nở,
Thu về, nhàn nhã ngắm mây bay.
Hôm nọ đến thăm, ngài chỉ giáo,
Bây giờ xin gảy đàn không dây.(3)

17

Canh vật Phúc Đường

,

Phúc Đường, phong cảnh thật thanh tao,
Gió thiên vi vút thổi trên cao.
Bên bờ dâu mục chồi măng mọc,
Trước cửa hàng thông lá xạc xào.
Người giỏi nấu mình chờ dịp tốt,
Thú lành trong núi vẫn nhiều sao.
Mặt trời Đức Phật rồi sẽ mọc
Từ sân tới ngõ rợp hoa đào.

18

Khuyên đời vào đạo

Xuân hết đến hè, năm tháng qua,
Rất nhanh, người trẻ hoá thành già.
Sầu muộn luôn theo cùng tuổi tác,
Sang, giàu rút cục chỉ phù hoa.
Bề "khô" là đời, thường vẫn vậy,
Sông "yêu" mang lại lắm phiền hà.(1)
Cứ mãi buông mình theo dục vọng,
Có ngày tai hoạ đến tìm ta.

19
Chợt tỉnh

Giữa "không" và "có" chẳng bao xa,
Xưa nay sống chết - một thôi mà.
Hoa nở năm nay - hoa năm ngoái.
Trăng sáng bây giờ - trăng tối qua.
Thấm thoát "ba sinh"(1) như gió thoảng,
Tuần hoàn "chín cõi"(2) kiếp phù hoa...
Vậy sống thế nào là tốt nhất?
Ma ha bát nhã, tát - bà - ha?(3)

20

Lui về ơ ản

,

ở đời, phúc họa đến song song,
Nơi này thanh tịch sống thong dong.
Sáng ngắm chim bay trên sóng biển,
Chiều xem mây khói phủ kín đồng.
Thẹn đời điên loạn, thân như bản,
Mừng nước chưa suy, sạch tấm lòng.
Đêm đêm mơ thấy quan âm Phật,
Sóng thu vừa cạn lại vừa trong.

TRẦN HOẢNG

Tác giả: Xem phần thơ bốn câu.

21

Cam xúc khi đọc Phật sự Đại minh lục(4)

Tu bốn mươi năm một tấm lòng,
Vượt ngàn ải ngục, tựa như không.
Động như tiếng gió vang trong núi,
Tĩnh giống vàng trắng sáng giữa đồng.
Đường đời bốn ngã tha hồ bước,
Ngũ huyền(1) đạo lý đã tinh thông.
Đừng hỏi thế nào là sinh, diệt,
Hãy nhìn trời nước rất xanh trong.

22

Viếng Trần Trọng Trung(2)

Giang Nam người giỏi chết, đau lòng,
Thương xót hôm nay lệ mấy dòng.
Không cần phân biệt sai hay đúng,
Thiên tào giở sổ xoá tên ông.
Sáng chiều mây trắng che nhà cũ,
Trên mồ bia đá mãi ghi công.
Tài chí đành buông theo nước chảy,
Nước cũng bất bình, cuộn dưới sông.

23

Chơi hành cung Thi ên Trường

Thật thanh, thật nhã cảnh nơi này,
Như chôn thần tiên mây trắng bay.
Như đàn réo rắt - trăm chim hót,
Như nghìn đầy tớ - cả rừng cây.
Hồ thu in bóng trời thu lạnh,
Người nhàn, trăng sáng cũng nhàn lây.
Cuộc đi này hẳn vui hơn trước,
Biển lặng, trời trong rộng thảng ngay.

TRẦN QUANG KHẢI

Tác giả: Xem phần thơ bốn câu.

24

*Tặng sứ bắc Sài Trang Khanh(1)
và Lý Chấn Văn*

Vâng mệnh thiên triều đến tận đây,
Vua giao đi sứ chiếu cầm tay.
Quan lớn Bắc triều lưu luyện tiễn,
Dân Nam biết tiếng đã bao ngày.
Nói lời oai phúc thay thiên tử,
Mong tình hai nước nặng từ nay.
Cũng mong các vị lòng nhân đức,
Che chở cho dân của nước này.

25

Tiền sứ Bắc Sài Trang Khanh

Tiền người về nước sáng hôm nay,
Xăm xăm ngựa bước, rợp cờ bay.
Người đi kẻ ở, lòng lưu luyến,
Tần ngần khách chủ rượu cầm tay.
Mới gặp ngày nào vui xướng họa,
Mà giờ ly biệt, nước cùng mây.
Không biết bao giờ còn gặp lại,
Để mong nói rõ tấm lòng này.

26

Thơ đề ơ đèn Bạch Mã(1)

Bao đời nổi tiếng rất oai linh,
Nghe nói đến thần, ma quỷ kinh.
Bốn bề lửa cháy, đèn không cháy,
Sấm chớp, cuồng phong chẳng giạt mình.
Chỉ huy ba vạn quân yêu quái,
Trấn áp trăm nghìn lũ ma binh.
Mạo muội mong thần xua giặc Bắc,
Để dân Nam Việt sống yên bình.

27

Bến đò Lưu Gia(2)

Bến cũ Lưu Gia rợp bóng cây,
Xưa theo thuyền ngự đến nơi này.
Sông thu tháp nhỏ nghiêng soi bóng,
Đền hoang mộ cổ lá rơi đầy.
Thái Bình phủ rộng, trăm nghìn dặm,
Giang sơn nhà Lý chực đời nay.
Trở lại, khách thơ đầu đã bạc,
Hoa mai như tuyết rụng, đang bay.

28

Cam hứng ngày xuân

Mưa rơi cây tốt, ướm cành hoa,
Khách thơ đóng cửa ngòi trong nhà.
Một nửa đời xuân đành bỏ phí,
Năm mươi, cũng tự biết mình già.
Mang nặng ân vua, không ở ẩn,
Đêm ngày mong nhớ chốn quê xa.
Nhưng dũng khí xưa chưa để mất,
Giờ ngòi uống rượu, xướng thơ ca.

29

Thơ đề ơ biệt thự đồng quê

,

Biệt thự đồng quê mới dựng xong,
Quanh năm đào lý tỏa hương nồng.
áo lá nông phu in bãi biếc,
Lầu cao sáo vắng, ánh trăng lồng.
Khe suối chia đôi bờ đất đỏ,
Đường làng mềm mại uốn cong cong.
Sông ẩn quả đây là lý tưởng,
Gió mát, trăng thanh, sáo mục đồng.

HỒ QUÍ LY

Tác giả: Người sáng lập nhà Hồ, sinh 1336, mất 1407, dời đô về Thanh Hoá, đặt tên nước là Đại Ngu, tiến hành một loạt cải cách kinh tế, xã hội.

30

Cam hoài

,

Nhiều khi tưởng chết, vẫn nguyên lành.
Xa nhà, lòng thôn thức năm canh.
Quán Bắc ở lâu, đêm sợ mộng,
ải Nam xa mãi, ngủ sao đành.
Cứu nước tài hèn, thua Lý Bật,(1)
Dời đô vụng kế, kém Bàn Canh(2)
Chua xót bình vàng nay đã rạn,
Buồn đau chén ngọc vỡ tan thành.

PHẠM NHÂN KHANH

Tác giả: Hiệu Cổ Sơn, không rõ năm sinh, năm mất và quê quán, đỗ tiến sĩ vào đời Long Khánh (1373 - 1377), từng đi sứ Trung Quốc, lúc về làm Giám tu quốc sử kiêm An phủ sứ lộ Lạng Sơn. Có mười ba bài trong Toàn Việt thư lục.

31**Thu tuế(3)**

,

Giã từ năm cũ, nốt đêm nay,
Không ngủ, đèn khêu đến rạng ngày.
"Tiễn nghèo", tục cũ giờ ôn lại,
Bất chước người xưa, uống thật say.
Đông hết, trong vườn mai vẫn nở,
Sắp xuân ngoài ngõ tuyết còn bay.
Nửa tỉnh, nửa không, trời hửng sáng,
Vừa khi viết hết tứ thơ này.

32

Chơi xuân

Mùa xuân, cười ngựa dạo thong dong,
Mười dặm xung quanh một sắc hồng.
Lạc giữa thiên nhiên hoa nở rộ,
Tuyệt vời phong cảnh, thỏa mắt trông.
Chiều khách chơi xuân, gì cũng đẹp,
Khéo khen tạo hóa thật dày công.
Nhưng chợt băng khuâng nhìn én lượn,
Bỗng dựng cảm thấy nhói trong lòng.

33

Đêm thu

Giọt nước đồng hồ rơi suốt đêm,
Hơi thu ướt áo, thấm qua rèm.
Cỏ cây sương lạnh càng xơ xác,
Bốn phía đất trời thật tĩnh êm.
Bên sông dãy núi mờ in bóng,
Con đê nỉ non khóc trước thềm.
Cảnh buồn như vậy, ai đôi lúc
Chẳng thoáng băng khuâng, thấy yếu mềm?

34

Đêm thất tịch(1)

Ngưu Lang, Chức Nữ gặp đêm nay,
Lo bắc cầu trời, ô thước bay.
Khung cử ngừng thoi, sương đã xuống,
Chờ lên xe gió vượt cầu mây.
Chỉ thoáng gặp nhau, rồi cách biệt,
Sang năm lại gặp, đúng nơi này.
Như níu giữ đêm đừng vội sáng,
Buồn buồn tiếng vượn hót đâu đây.

35

Chữ nhận(1)

Thu muộn, rét về, mưa lâm râm,
Tiết trời giá lạnh nhận đang bay.
Ngang dọc xếp hình thành các chữ,
Như tiễn băng khuâng hết một ngày,
Như nửa bức thư nhờ cánh nhận
Chuyển giùm theo gió giữa trời mây.
Giận mình không thể như Thương Hiệt(2)
Nhận viết chữ gì, nào có hay.

36

Trúc non

Đầu vườn trông khóm trúc ngà tơ
Đề chờ năm mới bạn cùng thơ.
Gió thổi xạc xào rung tiếng ngọc,
Trăng rằm lốm đốm ánh vàng mơ.
Khí phách hiên ngang thân thẳng đứng,
Tấm lòng minh bạch chẳng mưu cơ.
Thấy trúc còn non, xin chớ lạ,
Rồi sẽ xanh cao, hãy cứ chờ.

37

Tiền quốc sư Lãm Sơn(1) về núi

Xuống núi mấy ngày đã muốn lên,
Để lòng thanh thản với thiên nhiên,
Để uống trà thơm bên gốc bách,
Rửa chén hàng ngày trong suối tiên.
Ngâm vịnh thơ văn, tâm hướng đạo,
Điền viên vui thú, tấm lòng thiền.
Tiễn bác về rừng, mong phật pháp
Làm đời xanh tốt, nước bình yên.

TRẦN THUẬN DU

Tác giả: Chưa rõ năm sinh, năm mất.

38

Chùa Bao Sơn(2)

2

Chợt ghé thăm chùa nhân việc công,
Đến đây xin gửi một chút lòng.
Như giáo cộ nhau hai khóm trúc,
Như đoàn vệ sĩ, một hàng thông.
Mái uốn, thành rêu hàm ý cổ,
Hoa cỏ, chim trời cảnh núi sông.
Muôn đến An Dương thăm chôn cũ,
Nhưng nhìn chỉ thấy nước mênh mông.

39

Vịnh căn nhà đại ẩn ở phía tây thành

,

Bốn chục năm trời nghiệp với danh,
Được khen đại ẩn chốn đô thành.
Cho rượu, cho thơ, cho khách quý
Có hòn non bộ, cá, cây xanh.
Nhà nghèo không ngại, lòng thanh thản,
Chỉ mong chữ đạo giữ nguyên lành.
Đời chê ta vụng, không mưu chước?
Nhưng có gì hơn được sống nhân!

ĐẶNG DUNG

Tác giả: Không rõ năm sinh, năm mất, con Đặng Tất, người huyện Can Lộc, Hà Tĩnh. Một nhà yêu nước, một tướng tài, đánh thắng nhiều trận, sau bị quân Minh bắt đưa về Trung Quốc. Hiện có bài thơ này trong Toàn Việt thi lục.

40***Cam hoài***

,

Việc nhiều, đời ngắn, oái oăm thay,
Nay già chỉ biết hát và say.
Nổi danh gặp vận, quân xô thịt,
Nhỡ thời nuốt hận những người ngay.
Những muốn phò vua, lo việc nước,
Gươm thần chưa rửa nước sông mây.
Nợ nước chưa đền, đầu đã bạc,
Đành ôm mộng cũ, sông qua ngày.

LÊ CẢNH TUÂN

Tác giả: Xem phần Thơ bốn câu.

41

Ngày xuân, mừng trời hưng nắng

Tầm tã mưa rơi suốt mấy ngày,
Cuối cùng trời nắng hửng, quang mây.
Nước biếc, non xanh khoe khí sắc,
Dịu dàng gió thổi, uốn cành cây.
Rực rỡ mặt trời, lòng ấm lại,
Ngõ ngàng chưa uống đã ngà say.
Mưa tạnh, xuân tươi, thời tiết đẹp,
Khơi nguồn thơ hứng dậy từ nay.

42

Cam xúc nhân ngày giỗ tổ tiên

Tài nhỏ, không kham nổi gánh đời,
Lang thang phiêu bạt tám năm trời.
Bấy lâu đau cảnh người đất khách,
Nay ngày giỗ tổ, nước mắt rơi.
Nhà cũ tổ tiên bên Trạch Thủy,
Sát bờ sông Tả, mộ sương rơi.
Đạm bạc rau tần xin cúng tạm,
Ngoái trông mây trắng cuộn bờ bờ.

43

***Đêm dừng thuyền
ở trạm Tư Giang, huyện Nam Hai(1)***

Thành bại công danh bởi ý trời,
Trôi nổi lênh đènh một kiếp người.
Đầu rơi, thân gãy, hai thú tóc,
Một chiếc thuyền con chơi khắp nơi.
Triệu Võ(2) gặp thời thành nghiệp lớn,
Ngũ Viên(3) lỡ vận, phải đầu rơi.
Cặp bến Tư Giang nơi đất khách,
Chạnh buồn, nhớ nước, lệ trào rơi.

44

Trên sông, gặp ngày lập xuân

Năm cũ sắp qua, ngày lại ngày,
Trên đường gió tuyết vẫn còn bay.
Núi sông trùng điệp, đường heo hút,
Đông hết, xuân về, luôn đổi thay.
Mọi việc luân hồi theo thú tự,
Mặc đời con tào cứ vẫn xoay.
Sắp tết, kinh thành hoa nở rộ,
Người vui, chắc đẹp lắm xuân này.

45

Ghi nỗi lòng trong ngày chí nhật(1)

Cảnh trời thay đổi, lại mùa đông.
Thời gian như nước, cứ xuôi dòng.
Tuyết sương trước mặt, buồn da diết,
Người nhà không có, bạn bè không.
Đêm nằm không ngủ, luôn suy nghĩ,
Nửa đời sống uổng, kiếp lông bông.
Mai kia trời âm, thân tù tội,
Chỉ lo không xứng với xuân hồng.

46

*Đi thuyền trên sông Cống Châu, (2)
gặp ngày giỗ mẹ*

Thấm thoát bao ngày xa tổ tiên,
Hôm nay giỗ mẹ lúc đi thuyền.
Chữ hiếu ngậm buồn, mong ai đó,
ở nhà hương khói cúng dâng lên.
Ngàn dặm đường xa, nơi đất khách,
Hơn bốn mươi năm vắng mẹ hiền.
Khôn cầm giọt lệ lòng đau thắt,
Nước đục, trời buồn, gió lạnh yên.

PHẠM NHỮ DỤC

Tác giả: Không rõ năm sinh, năm mất, tự Mạnh Thân, hiệu Bảo Khê, người làng Đa Dục (không rõ ở đâu). Ông sống cùng thời với Nguyễn Phi Khanh. Đời Hồ Quý Ly làm giáo thụ huyện Tân Sơn. Hiện còn 61 bài thơ trong Toàn Việt thi lục.

47

Đàn hạnh(1)

Bao năm cây hạnh được vua trồng,
Đỡ rừng Nho Học vút trên không.(2)
Gió vãn khẽ thổi, hương thơm ngát,
Thấm mát mùa thơ khắp ruộng đồng.
Buổi trưa lớp học cây che bóng,
Đêm khuya réo rắt nhạc trong phòng.
Trước sân gốc cối(3) còn nguyên đó,
Sáng ngời kim cổ khắp tây đông.

48

Nhà đọc sách ở Tú Giang

,

Sông Tú quanh thôn chảy lượn vòng,
Từ trên nhìn xuống, sát thư phòng.
Hoa mai, trang giấy, hồn người đọc
Hòa quyện trời xanh với nước trong.
Mũi ngà cài sách rung theo gió,
Nghiên mực mưa rơi, chảy mấy dòng.
Là chuyện thường tình, ai cũng hiểu:
Người ham đọc sách sẽ thành công.

49

Chơi trăng trên cầu Tâm Mai(1)

Dòng nước xanh xanh sạch bụi trần,
Chiếc cầu nho nhỏ, khách chơi xuân.
Bên bờ bóng núi in mờ ảo,
Lộng lẫy Hằng Nga đẹp bội phần.
Bóng cầu, bóng núi cùng đan quyện,
Trăng vàng trên sóng gợn lăn tăn...
Cảnh đẹp thế này ai vẽ được?
Thử dùng bút vẽ của thơ văn.

50

Thơ mừng dọn đến nhà mới

Lễ mừng nhà mới mới làm xong.
Tất cả gia tài - chiếc túi không.
Dưới trăng đàn mộc kê bên gối,
Gương kê cửa sổ đón hương đồng.
Mượn lời Trương Lão khen không quá,(2)
Vun trồng ân đức, giống Vu Công.(3)
Tân gia, được xếp hàng tân khách,
Mạn phép nôm na đọc mấy dòng.

51

Gửi vi ên huyện thừa họ Quách(1)

Thấm thoát chia tay đã khá lâu,
Chân trời, góc bể, nhớ thương nhau.
Gửi lời cho gió, lòng đau thắt,
Trong mộng nhớ nhung, thấm lệ sâu.
Tuổi già sức yếu đời không trọng,
Thì về ở ẩn, có sao đâu.
Hành tàng dụng xả(2) đều do số,
Bao giờ gặp lại nói thêm sau.

52

Gặp nhau ở đình bên ao sen

Tâm đầu ý hợp bấy lâu nay,
Xin uống mừng cho cuộc gặp này.
Gió thổi, hương sen thơm dính áo,
Rượu hồng hoa đỏ, sánh ngát ngây.
Toàn bậc Liêm Khê(3) và Dật Thiêu,(4)
Đủ mặt anh tài đang ở đây.
Chúng ta gặp mặt không vô cớ,
Vậy mời nâng chén, uống kỳ say.

53

Làm giáo thụ quận Tân An trọn ba năm, dựng được một nếp nhà tranh, vừa làm xong thì gặp nạn binh hỏa, cảm vì việc cũ, ngẫu nhiên thành thơ

Làm quan giáo thụ mấy năm ròng,
Hết trọ nhà dân đến sở công.
Nhà lớn tất nhiên chưa dám nghĩ,
Vài gian nhà lá mới làm xong.
Chưa kịp nằm nghe mưa rả rích,
Thì ôi lửa cháy, thế là tong.
Cháy hết, bài thơ này sót lại.
Còn nhà, không lại vẫn hoàn không.

54

ý xuân tức sự

Ngày nối tiếp ngày, hết tháng Ba,
Mùa xuân lộng lẫy cũng trôi qua.
Lơ thơ sót lại bông lau nhỏ,
Một tiếng chim kêu phía cuối nhà.
Mặt ao sương mỏng, xanh nhàn nhạt,
Khu vườn mưa tạnh, rộng thêm ra.
Đọc xong Chu Dịch,(1) lòng thanh thản,
Nghĩ thầm: Hay chẳng kém Nam Hoa!(1)

55

***Ông Lý Hạ Trai(2) tới thăm,
làm bài thơ này đáp lại***

Cuộc đời bèo bọt, có như không,
Vui sướng bất ngờ gặp lại ông.
Xa cách, nhiều lần mong Thúc Độ,(3)
Đêm nằm vẫn mộng thấy Chu Công.(4)
Bàn luận văn chương tình thêm nặng,
Hẹn nước, thề non giải nỗi lòng.
Bạn bè chỉ có thơ này tặng,
Hề gì Vị Bắc với Giang Đông.(5)

56

Canh vui thú nhà tranh

,

Ngoại thành, nhà lá một vài gian,
Người thưa, cây rậm, sống an nhàn.
Buổi tối ánh trăng vào sát cửa,
Ban ngày chim hót tận lan can.
Nhà ta ta ở, gì hơn thế,
Đọc sách, ngâm thơ, rượu uống tràn.
Đừng chê nhà lá, đời ô trọc,
Về nhà, buồn bực tự tiêu tan.

57

ơ điểm Lô Hoa, (1) nghe tiếng chày đập vai

’
’
Hoa lau nở trắng dọc bờ sông,
Một nếp nhà con, mấy khóm hồng.
Thuyền chài ai hát, khoan rồi nhạt,
Tiếng chày đập vải rộn thình không.
Kẻ sĩ nằm nghe, thêm cảm hứng,
Chinh phụ buồn vui chẳng bận lòng.
Đang lúc nằm mơ đường sự nghiệp,
Gà gáy nhà bên, tỉnh giấc nông.

58

Ngày lập xuân

Nắng hửng, sương tan, trời ấm dần,
Cày cấy xong rồi, đã lập xuân.
Dân làng đưa tiễn con trâu đất,
Trẻ đùa chim én lượn ngoài sân.
Điều xấu, điều lành ai đoán trước?
Được mùa - mong ước của nông dân.
Tôi, bác hôm nay mừng uống rượu,
Để báo quan trên, giống mọi lần.

NGUYỄN NHÂN AN

Tác giả: Năm sinh, năm mất không rõ, người xã Vĩnh Kỳ, huyện Từ Liêm, nay là thôn Vĩnh Kỳ, xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, Hà Tây. Ông thi đỗ Đệ tam đồng giáp tiến sĩ xuất thân năm 1556, từng được cử đi sứ và làm quan đến chức Thị lang, tước Phúc Diễn hầu, khi mất được tặng Thượng thư. Tác phẩm chỉ còn hai bài trong "Toàn Việt thi lục".

59

***Qua Lam Sơn, hoạ vãn thơ của trạng nguyên Giáp Tiết
Trại***

Chín mươi ngọn núi uốn quanh quanh,
Đất trời bốn phía đẹp như tranh.
Nhấp nhô đá xếp như bày hổ,
Như rồng đang cuộn, suối long lanh.
Hoa nở bên đường, sương lấp lánh,
Bờ kênh rặng liễu đứng buông cành.
Thành xưa miếu cổ đang còn đó,
Thông già vẫn bạn với mai xanh.

60

Họa vần bài trước

Mây chiều che núi, suối bao quanh,
Trong rừng thấp thoáng mấy lều tranh.
Rồng in trên đá còn lưu lại,
Hình voi soi bóng nước long lanh.
Bụi cỏ bên đường đùa với gió,
Dấu lạnh, hoa mai nở kín cành.
Quân tử tới đây nhiều việc bận,
Chưa ngồi ngâm vịnh dưới cây xanh.

NGUYỄN NĂNG NHƯỢNG

Tác giả: Sinh 1536, mất không rõ năm nào, người xã Kim Đồi, nay thuộc huyện Quê Võ, Hà Bắc. Năm 1562 đời Mạc Phúc Nguyên ông thi đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp). Được cử làm chánh sứ sang Trung Quốc năm 1584, làm quan đến chức thượng thư, tước Đạo phái hầu. Còn 24 bài trong "Toàn Việt thi lục".

61

*Đêm mưa tạnh,
đậu thuyền ở bên Tiêu Than*

Thuyền đậu Tiêu Than, chỗ nước nông,
Trời âm mà sao vẫn lạnh lòng.
Trần trọc nhớ quê không ngủ được,
Hoa đèn nhìn mãi, mắt chong chong.
Văng vẳng sáo chài từ núi bắc,
Trời nam chấp chới cánh chim hồng.
Vâng mệnh nhà vua, không tiếc sức,
Mong ngày trở lại, việc thành công.

ĐẶNG ĐỀ

Tác giả: Năm sinh, năm mất không rõ, tự Hội Khanh, hiệu Tùng Pha, người làng Ưng Thượng nay thuộc tỉnh Hải Dương. Ông thi đỗ tiến sĩ năm 1565, đời Mạc Phúc Nguyên, được cử đi sứ Trung Quốc năm 1584, lúc về được thăng chức Thượng thư và phong tước Tùng Linh bá. Ông nổi tiếng học rộng, thơ hay. Tác phẩm có "Tùng Pha thi tập", bốn quyển hiện còn thất lạc. "Toàn Việt thi lục" có 44 bài.

62***Đi sứ phương bắc,
Xuất phát sớm tại sông Nhị Hà(1)***

Sáng sớm ra đi bến Nhị Hà,
Nhiều người đưa tiễn khách đi xa.
Màu áo lẫn màu mây buổi sáng,
Hai bên đường trạm nở đầy hoa.
Đi sứ, áo lông cùng ngựa béo,
Nguyễn gắng sức mình giống Tử Hoa.(2)
Mong lúc quay về, thời tiết tốt,
Hoa nở, mùa xuân khắp mọi nhà.

63

Đêm đậu thuyền ở bến Tiêu Than

Ngày xuân thuyền đậu bến Tiêu Than,
Hết mưa, cái lạnh vẫn chưa tan.
Lấp lóe lửa chài soi ánh nước,
Trên bãi, nhao nhao vệt gọi đàn.
Văng vẳng tiếng chuông xen tiếng sóng,
Đồng hồ nước cạn, báo đêm tàn.
Nhớ quê, khách sứ lòng da diết,
Thả hồn theo mộng tới Trường An.(3)

64

Tiết hàn thực trên đất khách

Xuân muộn, bây giờ đã tháng Ba,
Buồn buồn lòng khách ở nơi xa.
Theo gió, xinh xinh con bướm lượn,
Mưa nhiều, xơ xác những cành hoa.
Thoang thoảng đâu đây mùi cháo hạnh,
Ai kia đang nhóm lửa trong nhà.
Thời gian luân chuyển, dù xuân muộn,
Cũng uống rượu mừng, ta với ta.

LÊ THÁNH TÔNG

Tác giả: Xem phần thơ bốn câu.

65

***Thơ đề ơ động Bạch Nha(1)
Năm Quang Thuận thứ 8 (1467)***

Lô xô núi biếc giữa nắng tà,
Tiết trời dìu dịu, lá xen hoa.
Mây che cửa động, ngôi chùa cổ,
Xuân về, gió lạnh, tiếng chim ca.

Từ thuở hỗn mang trời đã tạo,
Quý thân đẽo gọt mãi mà ra.
Chắc Nữ Oa(2) thương, không động đến,
Để ghi công đức của triều ta.

66

Thơ đề trên núi Dục Thúy (1)
Năm Quang Thuận thứ 8 (1464)

Dục Thúy nằm kề ba khúc sông,
Đỉnh cao lạnh lẽo vút lên không.
Leo lên theo gió bên chùa cổ,
Bia đá xé chiều mới đọc xong.
Xuống hang, cứ tưởng trời không rộng,
Lên cao mới biết đất mênh mông.
Núi sông vẫn thế, không thay đổi,
Như mơ,ngoái lại, thấy anh hùng.

67

***Lên núi Long Đọi(2) đề sau tấm bia
Bao tháp Sùng Thiện Diêu Linh***

Núi cao, chùa cổ đứng chơi vơi,
Đường đá leo hoài mới tới nơi.
Giặc Minh phá hết, còn bia đó,
Vua Lý ghi bao chuyện lạ đời.
Đường ít vết chân, rêu phủ kín,
Núi nhiều mưa ẩm, cảnh xinh tươi.
Lên cao, tầm mắt nhìn vô tận,
Cây cỏ xanh xanh tận cuối trời.

68

Thơ khắc ở cột chùa Tu Mộng(1)

Chùa cổ nghiêng xiêu đã nửa phần,
Sư dất thăm chùa, nhẹ bước chân.
Chân sư dễ vượt vòng đai giác,
Ta bước đường đời thật khó khăn.
Ngũ viên mạnh mẽ mà không sắc,
Lục độ sáng ngời vẫn có nhân.
Thấy khách cúi đầu như giác ngộ,
Sư thôi không giảng nữa, im dần.

69

Thơ đề ơ chùa Sài Sơn(2)

Đứng bên vách núi, xốn xang lòng,
Theo mây, chân nhẹ bước lên không.
Hoa nở lặng im bên cửa động,
Chào người, chim hót dưới rừng thông.
Tay ngắt vì sao trời thứ nhất,
Ba nghìn thế giới cõi mêh mông.(3)
Quét râu, nguyệt ngọc thơ lên đá,
Ngọn bút làm rung cả núi sông.

70

Thơ đề núi Chiêu Bạch(1)

Nước trời hòa nhập, sóng mông mênh,
Núi già soi bóng xuống sông xanh.
Cổ thụ như xưa, nhô phía trước,
Hoa nở đua nhau điểm trắng cành.
ý thơ lai láng, ngâm nga mãi,
Tâm hồn thanh bạch, dạo loanh quanh.
Đang xuân, trong động nhiều hoang thú,
Bao đời phong cảnh đẹp như tranh.

71

Thơ đề động Hồ Công(2)

Quý thần đẻo gọt mới làm ra,
Thành hang đá rộng, giống ngôi nhà.

Công danh thê tục đều như mộng,
Trong quả bầu tiên sống nhớn nha.(3)
Như tự cõi trời rơi ngọc trắng,
Hoa Dương(4) rông hóa giống châu sa.
Những muốn cưỡi mây lên đỉnh núi
Để nhìn đất nước giữa bao la.

72

Thơ đề động Long Quang(1)

Dừng chân ngắm cảnh núi xanh tươi,
Leo lên càng thấy rộng đất trời.
Như thể bất ngờ lên Ngọc Kiếm,(2)
Tưởng mình đang lạc chốn Thiên Thai.
Mây vương đầy đất không ai quét,
Hang động vươn cao lấp mặt trời.
Cảnh đẹp, đẹp từ rừng đến suối,
Thỉnh thoảng như mời vua đến chơi.

73

Hồng Đức năm thứ nhất, ngày 11 tháng 12. Đóng quân tại cửa bể Hà Hoa(3), đêm khuya ngồi nghe tiếng mưa, sinh lòng thương cảm

Tựa mũi thuyền vắng, nghĩ lan man,
Đêm mưa, hơi lạnh thấm qua màn.
Mà màn như cánh ve, rất mỏng,
Đầy trời mưa gió, ngủ không an.
Sông nước mênh mang nhìn hút mắt,
Lặng trôi ngày tháng, tiếc thời gian.
Nghĩ thương binh sĩ chân dầm đất,
Ngã chết, không tiền mua áo quan.

74

Ngôi ngắm trăng, bày tỏ nỗi lòng

,

Quan sơn nghìn dặm lộ trình xa,
Mây trôi, biển sóng, ánh trăng tà.
Trăng sát bên thuyền, không ngủ được,
Như vành ngọc sáng giữa bao la.
Muốn hiểu biết thêm, cần học hỏi,
Trau dồi kiến thức của ông cha.
Kéo lại mặt trời, trai chí lớn,
Đừng buồn năm tháng vụt trôi qua.

75

Đi trên sông(1)

Bên sông tiếng trống đục vang xa,
Thuyền rồng lướt sóng chạy ngang qua.
Bát ngát ruộng nương xanh nghìn khoảnh,
Lác đác kê sông mấy nóc nhà.
Như thể sắp mưa, trời rất thấp,
Dấu phía biển Đông nắng chói lòà.
Buổi sớm, núi xanh như trịnh trọng
Tiễn vua qua cửa biển Hà Hoa.

76

Nghỉ lại ở cửa Bê Du (1)

’ ’

Một dòng cuộn cuộn chảy ra khơi,
Sông lớn mênh mông nước với trời.
Nguyệt áng(2) đêm trăng soi bóng nước,
Xuân âm Chu Bàn(3) sóng bốc hơi.
Rải rác trên bờ phơi lưới cá,
Thuyền buôn xa đến tụ muôn nơi.
Sông nước giữa chiều đưa mắt ngắm,
Như thấy Bông Lai phía mặt trời.

77

Nghỉ lại ở cửa biển Hà Hoa

’ ’

Trời mưa suốt sáng khắp Hà Hoa,
Đất trời bốn phía rộng bao la.
Vách núi xanh xanh mây quán quýt,
Sóng triều dồn dập vỗ xa xa.
Đầm nước Thuỷ Tiên (4) mây vẫn thế,
Quanh đồn Ché Thảng(5) tiếng chim ca.
Tựa thuyền, say rượu, thơ lai láng,
Thơ mang nỗi nhớ khách xa nhà.

78

Động Lục Vân

Vách núi xanh mờ, động Lục Vân,(5)
ở chốn bao la thoát bụi trần.
Nắng xế bờ khe, hoa chớm nụ,
Chim chuyền rặng liễu báo mùa xuân.
Nước suối rửa tai, lòng tĩnh lặng,
Công việc đời thường chẳng vướng chân.
Nhà tối thấp đèn, đời chẳng mộng,
Bầu tiên ngày tháng sống an nhàn(1)

79

Đạo làm vua

Nhớ lời các bậc đế vương răn:
Trên chăm thân thánh, dưới chăm dân,
Lo xây dựng nước, lo đời thịnh,
Với mình luôn nhớ phải tu thân.
Chiêu hiền đãi sĩ, lo văn đức,
Trọng tài tướng lĩnh, giỏi nuôi quân.
Đạo lớn làm vua là sáng suốt,
Mọi người Kinh, Thượng được ban ân.

80

Đi trên sông, ngẫu nhiên thành thơ

Hạnh phúc đời ta được mấy giờ?
Thành công, thất bại giống chơi cờ.
Trong khi đất rộng, trời xanh biếc,
Bốn mùa cảnh đẹp gợi hồn thơ.
Xin làm con nọ nơi sông núi,
Hơn trong lẵng miếu tượng thờ ơ.
Chẳng theo Duy Hàn(1) mài nghiên sắt,
Sông nước vẫy vùng, thỏa ước mơ.

81

Đi tuần phía đông, qua An Lão(2)

Con đường nghìn dặm chạy quanh quanh,
Gió thổi, nâng thuyền nhẹ lướt nhanh.
Chiều xế, mặt trời soi bóng nước,
Theo áng mây hồng, lòng nhẹ tênh.
Sương muôi rơi nhiều, cây úa lá,
Bãi dâu khói nhạt, cảnh yên lành.
Núi biển mờ mờ như nhập một,
Kéo dài thành vệt biếc màu xanh.

82

Đừng lại ở núi Cổ Quý(3)

Tâm hồn như ngọc sáng bao la,
Ngoài sông mờ ảo ánh trăng tà.
Xưa nay đời tục thành hay bại,
Vui buồn cũng chỉ giấc mơ qua.
Làm vua, đọc hết năm xe sách,
Làm ba việc lớn giống ông cha.
Dẫu đời bèo bọt, đừng lo nghĩ,
Vì đời tất cả ở lòng ta.

83

Đêm đậu thuyền ở bến Bình Than(1)

Như ngọc, trăng lên sáng một vành,
Bãi bồi tím tấp một màu xanh.
Rau tần trắng bãi, heo may lạnh,
Sau mưa lá đỏ kín trên cành.
Khách ngồi trên thuyền như lơ lửng,
Bên trời, bên nước sáng long lanh.
Lòng đạo tuy già còn cứng cỏi,
Hơn cả đàn tiêu cung Thái Thành.

84

Cam xúc ở Xương Giang

’ ’

Dừng chân bên bến, ngắm dòng sông,
Chớm mọc xa xa vệt ráng hồng.
Cảnh đẹp gợi nên tâm ý cũ,
Xua tan bao thói dục trong lòng.
Xao xuyên tai nghe chày đập vải,
Mắt nhìn trăng sáng giữa tầng không.
Vạn vật như xưa không đổi khác,
Cái buồn như nước, vẫn mênh mông.

85

Qua bến Phù Thạch(1)

Triều dâng, nước lạnh chảy về đông,
Mây môm đá nhô chính giữa dòng.
Mây như mũ trắng treo đầu núi,
Ráng in trên nước giống tơ hồng.
Ròng không ẩn mãi nơi sâu thẳm,
Khi lửa mặt trời bốc lên không.
Nay chính việc văn hơn việc võ,
Ân vua phải tưới khắp non sông.

86

Qua sông Bạch Đằng

Thuyền như tranh vẽ lướt trên sông,
Bạch Đằng con nước cứ mênh mông.
Chợt nhớ cái ngày Toa Đô chết,
Nhớ thời Hưng Đạo lập chiến công.
Xã tắc nhà Trần ngày ấy mạnh,
Giang sơn đất Việt vững như đồng.
Hư danh, ảo mộng ngày xưa ấy,
Nay giống làn mây trắng bập bồng.

87

*Ra cửa biển Bạch Đằng,
đi tuần ở An Bang (2)*

,

Mười hai cửa biển nước mênh mông,
Đường đi vời vợi, trời xanh trong.
Chí lớn làm nên đài chiến thắng,
Sinh khí mùa xuân khắp ruộng đồng.
Xưa nay hưng phế là giấc mộng,
Con người sống mãi với non sông...
Chợt buồn, làm thơ cho khuây khoả,
Sao vẫn buồn khi thơ viết xong?

88

Uống rượu với khách

Khách mới ngồi dự tiệc,
Mà như say nửa phần.
Thơ cứ ra lai láng,
Cười nói giống cổ nhân.
Hết ngâm rồi bình luận,
Kẻ xướng, người họa vần.
Khi khách chào tạm biệt,
Trăng chỉ còn góc sân.

89

Tiền thượng t hư bộ lễ
Lê Hạo Nhi ên đi sứ phương bắc

Cái chí làm trai đi bốn phương,
Làm thơ tiền sứ lúc lên đường.
Bên đình bẻ liễu, xuân đang rộ,
Hoa nhiều bên trạm, ngát mùi hương.
Non sông sứ đã từng đi hết,
Việc nước, việc nhà giải đảm đương.
Khi về mạnh khoẻ, thơ đầy túi,
Đầy thuyền trăng sáng lẫn hơi sương.

NGUYỄN TỬ THÀNH

Tác giả: Xem phần thơ bốn câu.

90

Chiều xuân, dạo chơi vùng ngoại ô

Hoàng hôn, dừng ngựa nghỉ bên đình,
Nước suối trong veo rửa chén quỳnh.
Núi ruộng liền nhau, xanh một dải,
Nhà nhà trang điểm nụ hồng xinh.
Hứng thơ bất chợt dâng lai láng,
Trăng chiều soi bóng nước lung linh.

Một đêm ngủ tạm trong chùa vắng,
Bên đèn ngồi kể chuyện bình sinh.

91

Trong t huyền, ngắm canh chiều hôm

Bồn bề trời nước sạch, xanh trong,
Nhìn về phương Bắc, buồn mênh mông.
Mây bay, gió thổi hình thay đổi,
Trăng sáng hơn nhiều sau cơn dông.
Đã phân biệt rõ dòng Kinh, Vị, (1)
Hiểu hết tinh hà (2) cao trên không.
Nhật màu xanh đỏ đưa lên bút,
Trên mui tựa cửa, ngón ngang lòng.

92

Đầu xuân

Cuối năm mai rụng, tuyết đang rơi,
Nghĩ đến thời gian, lạnh khắp người.
Liều rữ nhà ai soi bóng nước,
Buông sách phòng văn chỉ muốn lười.
Ong đi lấy mật quanh hoa lá,
Bướm trộm hương vàng bay lả lơi.

Trong vườn đi dạo, xuân đang đến,
Hoa nở muôn màu, khoe sắc tươi.

NGUYỄN ỨC

Tác giả : Xem phần thơ bốn câu.

93

*Đêm thu, cùng bạn cũ Chu Hà
kể chuyện đã qua*

Ngôi bên khóm cúc đã ra hoa,
Cùng gửi chi lan chung một nhà.
Tình bạn gửi sâu vào chén rượu,
Bên đèn ngồi kể chuyện ngày qua.
Tóc bạc trên đầu, đời sắp hết,
Con đường danh lợi chưa tìm ra.
Mừng gặp nhau đêm không phải mộng,
Mưa rơi, làm rụng lá ngô già.

94

Thơ làm khi thuyền qua Tiên Du, Bắc Giang(1)

Thuyền đi, gió thổi cánh buồm nâu,
Lòng thẹn núi xanh, mình bạc đầu.
Nắng chiều nửa tháp, chùa đơn độc,
Trăng sáng đầy sông, bốn nhịp cầu.
Lúa chín ngoài đồng vàng tít tắp,
Phong đở bạt ngàn sau mưa ngâu.
Những muốn trở về mà nước ngược,
Bao giờ đến được đất Thần Châu?(2)

95

Ngày xuân ở nông thôn

,

Lối tre râm mát, cỏ xen hoa,
Cửa ngoài đóng chặt, khói xa xa.
Con ong hút mật, râu đầy phấn,
Chim én lượn bay giữa luống cà.
Sai bộn gia nhân chăm vườn thuốc,
Nhắc con cày kỹ ruộng ông cha.
Người xung quanh bảo làm quan sứ,
Mà chẳng biết ơn vợ ở nhà.

96

Nơi quán khách họa thơ bạn

Phận nghèo, nhà lá, sống long đong,
Làm thơ chẳng nói đến hoa hồng.
Bao lần chim én bay rời tổ,
Đêm trăng bày quạ cứ quay vòng.
Ăn trám, bạn nghèo cùng biết vị,
Nắm cát trong tay chỉ nhọc lòng.
Cảnh tình nói thế, còn nghi hoặc,
Thì hãy nhìn kia, nước dưới sông.

97

Hoa mai rụng

Vương Mẫu, Dao Trì (1)... chuyện đã lâu,
Vườn nhỏ Hương Sơn(2) đủ sắc màu.
Công chúa Hàm Chương mai điểm trán,(3)
Kim Cốc(4) giai nhân bỗng nhảy lầu.
Có mai, trắng sáng xui nên mộng,
Lúc nở, bên song những gợi sầu.
Tự nở, vô tình mai tự rụng,
Luống để thi nhân bạc trắng đầu.

98

Cam tác khi bi ên tập
cuốn "Cúc Đường di cao"(1)

Lãng mộ im lìm dưới tán thông,
Đôi tiếng chim kêu tiễn bóng hồng.
Hoa biểu (2) mịt mù, chưa thấy hạc,
Sóng Đĩnh Hồ(3) dâng, vắng bóng rồng.
Lặn đạn bao năm nơi đất khách,
Đêm nằm mơ mộng giữa tầng không.
Nhìn rặng núi xa, thâm giọt lệ,
Lòng gợn bao nhiêu chuyện não lòng.

CHU VĂN AN

Tác giả: Xem phần thơ bốn câu.

99

*Đêm trăng, đi dạo trên con đường
có thông mọc ở núi Tiên Du (4)*

,

Con đường rợp bóng cây,
Xóm vắng, khói mờ bay.
Triều xuống, ai thổi sáo,
Trời thấp và nhiều mây.
Dưới khe lạnh cá nhảy,
Chim ngủ trong sương dày.
Người thổi sênh đâu vắng,
Đề núi lạnh thế này?

100

Sáng xuân

Thảnh thơi, nhà nhỏ giữa rừng cây,
Màu xanh của lá át màu mây.
Liếp mỏng nghiêng nghiêng che rét nhẹ,
Cánh hoa sương ướt, trời như say.
Lòng như mặt giếng, luôn thanh thản,
Bên rừng lưu luyến tựa mây bay.
Khói thông sắp hết, trà đang nguội,
Một tiếng chim kêu, tỉnh mộng ngày.

101

Ao Miết Trì (1)

Hoàng hôn, bóng nguyệt giỡn bóng tà,
Dưới ao sen nở, lá xen hoa.
Chỉ thấy cá bơi, rờn không thấy,
Trời chiều vắng bóng hạc bay qua.
Rêu non đẫm nước che lấp cửa,
Thoang thoảng đường đi mùi quế già.
Lòng này chưa nguội như tro lạnh,
Nhắc đến Tiên hoàng, giọt lệ sa.

102

Thơ làm ở Giang Đình

,

Một mình buồn đứng, ngắm thuyền câu,
Nước dâng, sóng thổi gợi thêm sầu.
Xế bóng hoàng hôn, thi hứng cạn,
Hiu hắt trời thu biếc một màu.
Sự nghiệp công danh thành cõi mộng,
Giang hồ du ngoạn đỡ buồn đau.
Đi ở tự mình, không trói buộc,
Khác nào ngang dọc cánh chim âu.

103
Đầu hè

Nhà tranh, núi vắng, giấc mơ màng,
Gió thổi hàng cây, nắng nhạt vàng.
Chim én rủ nhau tìm tổ cũ,
Ve sầu đầu hạ hát âm vang.
Sen nở dưới khe không gợn bần,
Trúc mọc xanh tươi phía cuối làng.
Cành ngô phượng đậu, lâu thành biêng,
Tập sách trên bàn, gió lật trang.

104

Trông về Thái Lăng(1)

Xê chiều, rừng bách ngát màu xanh,
Hòn đá to nghiêng cỏ bám quanh.
Gió thổi, núi buồn thêm ảm đạm,
Trên trời mây rách dạt trôi nhanh.
Hoa rụng bờ khe, mưa lất phất,
Ngoài đồng im bật tiếng chim oanh.
Bát ngát cỏ xuân xanh đến lạ,
Dùng dằng định bước, bước không đành.

PHẠM SỰ MẠNH

Tác giả: Ngày sinh, ngày mất không rõ, tự Nghĩa Phu, hiệu úy Trai, người tỉnh Hải Dương ngày nay. Ông là học trò của Chu Văn An, đỗ thái học sinh vào đời Trần Minh Tông(1314 - 1329), từng giữ nhiều chức quan trọng, nổi tiếng và văn học và đạo đức. Cùng bạn thân là Lê Quát, ông đã đề nghị một số cải cách cuối đời Trần, nhưng không được nghe theo. Tác phẩm: Hiệp Thạch tập (đến nay còn thất lạc), 30 bài thơ trong “Toàn Việt thi lục” và một bài văn bia.

105***Lên núi Dục Thúy,(2) đề thơ***

Được cùng vua theo hầu,
Thuyền đậu bến Nha Đâu.
Lên cao - đâu cũng biển,
Nước và trời như nhau.
Chùa chùa nơi Bồng Đảo,(1)
Buồm buồm chốn Doanh Châu(2).
Tuổi mới sáu mươi sáu,
Tìm cửa Phật từ lâu.

106***Đi chơi núi Phật Tích, ngẫu nhiên đề thơ***

Leo lên đỉnh núi, khách làng văn,
Ngắm cảnh, quên bao nỗi nhọc nhằn.
Gió thổi rừng thông thành sóng lạnh,
Mây vờn quanh núi tựa vành khăn.
Chín khúc nhạc Thiền(3) vang khắp núi,
Đỉnh non mây trắng tựa Tam Thần(4).
Thôi, chuyện họ Từ(5) đừng nói nữa,
Ngâm thơ, thổi sáo, bước tần ngần.

107

Miêu Hạng Vũ(7) ở Ô Giang

,

Cả đời bàn mãi chuyện hưng vong,
Rượu thơm một chén viếng Trưng Đồng,(1)
Giết kẻ đầu hàng(2), còn bội ước,(3)
Mưu đồ nghiệp bá thoát thành không.
Trăng khóc anh hùng, soi đất Hạ,(4)
Mây buồn việc nước, phủ Giang Đông.(5)
Bao kẻ hơn người tài nhỏ núi,(6)
Mà xác thành tro dưới cỏ đồng.

108

Đi kinh lý t trong quận

Đậu thuyền bên đá ngược dòng sông,
Đón sứ thân lên người rất đông.
Lô thủy, Thao giang dân tụ họp,
Văn Lang,(1) Thục Quốc(2) sử ghi công.
Nay nước nhà yên, dân một mối,
Dấu đang lấm chuyện chửa xuôi dòng.
Ta vâng mệnh vua đi kinh lý,
Dẹp loạn, trừ gian vì việc công.

109

Đi tuần ơ châu Chân Đẳng(3)

Đất trời tạo dựng Tam Giang(4) lộ,
Chưa thấy ở đâu đẹp thế này.
Cổ lũy bao quanh trăm tộc thượng,
Chân Đẳng to lớn phía miền tây.
Đá như tường chắn, ao làm lũy,
Nhà chòi ngát ngưỡng tít trên cây.
Muôn lên Côn Luân thăm Huyền Phố,(5)
Cưỡi mây, đạp gió tựa chim bay.

110

Lên núi Thi ên Kỳ, (1) đề thơ lưu niệm

Sông núi Đông Triều tựa cõi tiên,
Chẳng toan ở ẩn, bởi vua hiền.
Nay về thăm lại đồng xanh lúa,
Núi rồng mây phủ khó leo lên.
Lối trúc đường hoa toàn đá đẹp,
Nhà bên dòng nước, gió ngoài hiên.
Đây nơi tiên đế xưa du thưởng,
Xuân đến thường buồn, chẳng ngẫu nhiên.

111

Thơ đề ơ động Bảo Phúc,(2) huyện Hiệp Sơn(3)

Được buổi đi chơi, rồi việc công,
Động nằm sát biển nước xanh trong.
Tử Phủ, Thanh Đô,(4) kia, trên nước,
Núi ẩn trong mây xấp bập bồng.
Thu đến, Bạch Đằng thêm sinh khí,
Kỳ quan vũ trụ hiện đằng đông.
Ướm hỏi Cát Tiên(1) xem có thể
Cho ta một nửa núi này không?

112

Thơ đề núi Hoa Nam, Đông Triều

Như đóa hoa sen vút chọc trời,
Trần giữ nghìn năm sát biển khơi.
Mây như cung điện tài điêu khắc,
Chùa tựa bình phong hoa thắm tươi.
Bắc phương - Vạn Kiếp như dương kích,
Nam phương - Xuân Thủy mọc sáng ngời.
Chống gậy chiều chiều lên ngắm cảnh,
Sông núi tinh hoa thắm khắp người.

113

***Hoạ thơ "Đề trạm Nhị Hà"
của sứ thần Minh***

, (Bài một)

Ao Chân Tân soi, thấy mặt gầy,
Tay áo phát phơ trước gió bay.
Chiều xế, núi soi mình xuống nước,
Ba sông cuộn cuộn đổ về đây.
Vạn dặm ruôi rong, đầu bạc trắng,
Làm quan, nhảm tính, đã lâu ngày.
Lòng vẫn nhớ quê, hồn chợt hứng,
Khi đọc thơ ngài thấy tứ hay.

114

***Hoạ thơ "Đề trạm Nhị Hà"
của sứ thần Minh
(Bài hai)***

Nước bạc từng ô, sáng giữa đồng,
Chiều thu, chóng gậy bước thong dong.
Dập dờn trắng nổi sông Ngân Hán,(1)
Sông Nhị(2) hoàng hôn thoáng bóng rờng.
Nét chữ ngài đanh như thép bạc,
Mềm mại câu thơ tựa ráng hồng.
Trong trạm sứ thần thường rảnh rỗi,
Kể nhiều chuyện lạ khắp tây đông.

115

Đi chơi trên núi

(Bài một)

Mây tạnh, trời quang, lòng thảnh thơi,
Lên núi chiều thu dạo, nghỉ ngơi.
Bóng tùng cổ kính che tầm mắt,
Rì rào suối lạnh cá đang bơi.
Đông Long(3) cuộn cuộn xuôi ra biển,
Hương Tượng(4) núi cao đến chạm trời.,
Cùng bạn đồng liêu vui ngắm cảnh,
Phủ rêu trên đá, viết thơ chơi.

116

Đi chợ trên núi

(Bài hai)

Vốn vẫn thích châu hỏ lánh này,
Cùng nhau cưới ngựa dạo hôm nay.
Quan chức ở đời như hạt cát,
Mà việc như sông chảy suốt ngày.
Sống mãi kinh thành giờ bạc tóc,
Trên núi nhà tranh sách chứa đầy.
Những muôn xin vua, vua có hiểu,
Cho về ở ẩn giữa rừng cây?

TRẦN NGUYỄN ĐÁN

Tác giả: xem phần thơ bốn câu.

117

*Tháng Chín, ngắm hoa cúc,
hoạ bài thơ của vua*

Hoa nở khắp nơi, rợp cả thành,(1)
Đang mùa cúc đẹp tiết thu hanh.
Nhị ngọc ngậm sương đêm trĩu nặng,
Bông vàng nhuộm nắng rực trên cành.
Mừng tiết cuối thu trời thật đẹp,
Chớ phụ lời thề xưa yến oanh.
Nhà nghèo nhưng chẳng tham tiền bạc,
Sử còn nhắc mãi chuyện đồng tanh(2).

118

Hoạ vãn bài thơ "Thu hoài" của vua

Soi gương - việc nước khiến mau già,
Nhìn giấy đau đầu, chẳng thiết tha.
Đất nước thanh bình, trời đã tạnh,
Gió thổi trên lầu tựa sáo ca.
Sách nhiều như biển mà ngán đọc,
Tĩnh rượu, việc nhiều mới nhớ ra.
Ngoài ả Tiêu Quan(1) giờ tĩnh lặng,
Thanh đao chóm gỏ, gác trong nhà.

119

Cam xúc đêm ba mươi tháng Chín

’

Song thưa nửa khép động hương hoa,
Sông Ngân không sáng, ánh trăng tà.
Nấu cháo, trong niêu thơm gạo mới,
Lư cũ hương xông, đợi ngấm trà.
Sắc thu nghìn lạng không mua nổi,
Thời gian nhân phí cứ trôi qua.
Cúc tàn, mai nở mang ân mới,
Đèn đỏ, sách vàng, ấy nghiệp ta.

120

Đỉnh Phượng Hoàng ở núi Chí Linh

2

Đỉnh cao Song Phượng vút trời xanh,
Núi Phượng Hoàng xưa vốn nổi danh.
Tháp ở Lân Phong soi bóng nước,
Suối bên Miết Thủy chảy yên lành.
Bạc đá cheo leo rêu phủ kín,
Sau mưa cầu gãy, mọc lên nhanh.
Gió thổi, thông reo vang giữa núi,
Như phượng bay về tấu cử thanh(1)

121

Tháp Bao Nghiệm(2)

,

Chín tầng vững chắc, đẹp như tranh,
Nơi thiệng hương khói Phật lòng lành.
Ban đêm gió thổi, buồn tiếng mõ,
Ban ngày nắng dọi, nước long lanh.

Na xá(3) nghiệng nghiệng cây bút trắng,
Tầm Ma(4) yên vị chiếc trâm xanh.
Ai đem thất bảo tô lên tháp,
Công phu chạm trở khổ dân lành.

122

Mưa nho

,

Mưa núi đầu xuân, ngày lại ngày,
Từ núi chui ra những đụn mây.
Mặt trời khi tối, khi sang sáng,
Mà mưa khi mỏng lại khi dày.
Khóm trúc cài trâm, mai ngậm nụ,
Để báo tiết trời luôn đổi thay.
Hương cháy trong lò tàn mấy lượt,
Mà ông hàng xóm vẫn đang cày.

123

Trong núi ngẫu nhiên làm thơ

Ngựa béo không màng, chán áo lông,(1)
Thích về ở ẩn giữa rừng thông.
Gió thổi, ngòi yên nghe tiếng lá,
Đưa mắt về tây ngắm ráng hồng.

Mắt xanh,(2) chủ tiếp người xanh tóc,(3)
áo trắng(4) khách chờ có rượu không?
Đừng học Khuất Nguyên(5) mà tự vẫn,
Ai tỉnh, ai say tự ở lòng.

124

***Tháng Chín, có người đến t hăm,
cùng làm thơ***

Đầy tứ rung chuông báo có người,
Mừng được khách văn chợt ghé chơi.
Hoa đầy cả viện tha hồ ngắm,
Yên tĩnh cùng ngồi nghe lá rơi.
Đai rộng, áo chùng già hợp cảnh,
Bốn ngựa, xe cao tỉnh mộng đời.
Một chén gượng say mình được gặp,
Ngại gì lau sậy có sương rơi.

125

***Mừng Chu Tiểu ân(1) được bổ chức
tư nghiệp ở trường Quốc tử giám***

Việc học từ giờ chắc đổi thay,
Trường lớn ân vua đã có thầy.
Đức tựa Thái Sơn, kinh sử thạo,
Kính Lão, sùng Nho, chính sự hay.
Trẻ già cùng tắm sông Nghi Thủy,(2)
Ngày ông giày cỏ trở về đây.
Nghieu Thuấn rữ xiêm mà trị nước,
Nhờ được Sào, Do(1) giúp một tay.

126
Ngày t hu

Bên sông, nhà lá, cỏ đầy sân,
Mùa thu, vườn nhỏ hứng vô ngần.
Mai nở, cúc đưa hương đệ tử,
Thông xanh, trúc mảnh giống công thần.
Cây rộ gió reo, lòng tĩnh lặng,
Đường dài, đất rộng chẳng chùn chân.
Phía tây cảnh sắc giờ thay đổi,
Vấn vương cá vược với rau thuần.(2)

127

**Đề nhà quan diêu của Đạo Lục
Thái Cực ở Nguyệt Gian(3)**

Xe ngựa nhà ai chạy lối bên,
Thử đem điều ấy hỏi tầng trên.
Xuân hết, đào lê hương cũng hết,
Thu qua, thông cúc vẫn còn nguyên.
Sông chết lòng son này vẫn thế,
Mấy lần chim hạc trắng thành đen.(1)
Doanh Châu, Bồng Đảo(2) đâu không biết,
Nhưng rũ bụi trần, ta giống tiên.

128
Tuổi già đến

Những muốn về già được lãng quên,
áo mũ châu vua mãi thật phiền.
Thu hết, cá tôm nường biển cả(3),
Già vui con cháu cảnh bên đèn.

Mất kém, ban ngày lười đọc sách,
Rượu buồn, đêm ngủ giấc không yên.
Ngũ Lãng(4) ngày trước không màng tới,
Đêm mơ tiếng nổ bắn không tên.(5)

129

Tiền Long Nham(6) về Diễn Châu(7)

Bạc đầu còn bận việc trong kinh,
Đẻ vầng bờ sông nước dập dìu.
Tôi vẫn làm quan nơi Bách phủ,(1)
Mà ông trở lại chốn Lai đình.(2)
Mắt xanh nhìn nhau cùng lưu luyến,
Núi biếc hôn thơ thật hữu tình.
Đi đi, đừng sợ nhiều mưa gió,
Tùng bách vườn xưa chẳng hại mình.

130

Hoa cúc đo

Chớm thu, người bệnh bớt ưu sầu,
Trời trong, mây trắng đuổi vờn nhau.
Rượu thơm Bành Trạch (3) đầy ly ngọc,
Suối mát Nam Dương(4) biếc một màu.
Hương thơm sắc đẹp, hoa này hiếm,
Cuối mùa, khí phách vẫn bền lâu -
Say rượu, hoa không làm đỏ mặt,
Trời đẹp, lẽ nào không tiếp nhau!

131

Trong núi, cam húng

,

Mười năm chính sự, ngọn đèn mờ(1),
Chống gậy vừa đi vừa ngâm thơ.
Chỉ có vị sư sang hỏi chữ,
Không ai thăm viếng, chẳng ai chờ.
Cấp phát Thanh miếu(2) e chẳng dám,
Lui về Lục Dã(3) chỉ trong mơ.
Đợi đến công thành, danh được toại,
E xương bạc trắng tự bao giờ.

132

Cam xúc khi ở trong quân

Tay bút, tay gươm luôn đó đây,
Ra đi thâm thoát đã trăm ngày.
Đất khách buồn nghe gà gáy sáng,
Dục về chim cuộc gọi đâu đây.
Mặc công danh đợi, còn chưa muộn,
Bạn bè phiêu bạt tựa làn mây.
Biển rộng, trời cao, nhàn tản quá,
Sóng yên, gió lặng, cánh chim bay.

133

*Dùng vần thơ của quan t hiều bao
Trương Công(1), đề chùa Đại Minh ở núi Pha Lại*

Buổi loạn, thời gian trôi rất nhanh,
Gió thổi buồm căng cuộc dạo quanh.
Như cá kình kêu, chuông rung núi,
Tháp nhô như kiếm chọc trời xanh.

Biên ải trắng soi, lòng khách chạnh,
Chùa xưa mưa nhỏ, khói yên lành.
Sự nghiệp bình Hoài(2) ghi vách núi,
Cúi soi xuống nước, tóc còn xanh.

134
Ngẫu đề

Vốn thường vẫn biết có là không,
Có không, không có ở trong lòng.
Mọi cái ở đời đều có lý,
Xuân về đâu cũng có xuân phong.
Trà đặc, rượu ngon mời khách quý,
Trúc thẳng, mai gầy bạn lão ông.
Rối việc, soi gương mà luống thẹn,
ôm già vẫn bám chức tam công(3).

135

Đề sau tập thơ quan Lỗ Bạ (1)

Trung hưng văn vận vượt Hy, Hiên(2),
Dân vui, nước thịnh, lắm người hiền.
Các quan văn võ đều hay chữ,
Thơ phú say mê cả thợ thuyền.
Ngang dọc đất trời lòng đã quyết,
Đánh Nam dẹp Bắc cứ triền miên.
Hết khảo thư văn, xem luyện võ...
Bao giờ bác được phút ngồi yên?

136

***Thơ đề nơi chỗ ở cũ của Sùng Hu(1)
áo quan tạm coi để cùng ông***

Gậy lê, giày cỏ dạo trên đồng.
Trước hiên mây tụ, trăng kê cửa,
Suối reo róc rách, trời xanh trong.
Tạm đóng cửa huyền vào cửa tĩnh,
ở đời vốn sống cũng như không.
Được gặp sư huynh dù đã muộn,
Nhưng vẫn bao la sáng cõi lòng.

137

Gửi tặng Kiểm chính

Nguyễn Ung Long ở Nhị Khê(1)

,

Lạnh lẽo mưa phùn lẫn gió sương,
Quán trọ đìu hiu, khách vấn vương.
Bên dậu cúc già còn giữ tiết,
Bờ khe mai trắng nức mùi hương.
Rợ Hồ chưa đến Hoa Môn ả(2),
Bùi Độ lắm le Lục Dã đường(3).
Trăng non sao vội cày mây sớm,
Chúc Tử vi lang(4) mở rộng đường.

138

*Hoạ vãn bài thơ "Tân bình t hư s ự"
của quan An phu sứ;
trần Tân Bình Phạm Sư Mạnh*

Chí sĩ đâu từ vượt biển xa,
Với cả lòng mình, cất tiếng ca.
Dầm mưa, gọi nắng đèn minh chúa,
Hang hùm ổ rắn diệt trừ ma.
Nhật nguyệt đầy vơi, người dễ thấy,
Người đời tốt xấu khó nhìn ra.
Từ lâu hẹn gặp nơi xa cách,
Ngâm trọn "Đình Vân"(1) trăng xế tà.

139
Tặng tiến sĩ

Khoa thi vua mở, chọn người hiền,
Để chờ chim phượng vụt bay lên.
Ngựa ruổi đường hoa, quần áo gấm,
Bảng vàng trước cổng có ghi tên.
Ta yếu, già nua, về Lục Dã(1),
Xin nhường lớp trẻ được thăng thiên.
Rồi chẳng bao lâu dân được nghỉ,
Biên thù hết giặc, nước bình yên.

TRẦN PHÙ

Tác giả: Túc vua Trần Nghệ Tông. Xem chú thích phần thơ bốn câu.

140

Đề nhà thờ quan tư đồ Trần Nguyên Đán(1)

Sáng đi, phu kiệu vượt bùn lầy,
Khi tới Côn Sơn đã xế ngày.
Mưa tạnh, suối chiều nghe róc rách,
Ngoài thềm khóm trúc kẽ lung lay.
Tinh Đầu(2) đàn xưa giờ bỏ trống,
Muôi mơ(3) bia đá vẫn còn đây.
Người đã lên tiên, nhà hiu quạnh,
Để chút buồn xưa ở chốn này.

141

Đề chùa báo ân ở Siêu Loại(1)

,

Cầu gổ qua sông, thoát bụi đời,
Sát chùa, sóng nước vỗ không ngơi.
Gió át tiếng chim, rừng tĩnh lặng,
Khóm trúc dày che ánh mặt trời.
Trên điện Nhị Hương(2), nhà Cam Lộ(3),
Sau hè lặng lẽ lá vàng rơi.
Giận thay con cháu tham cơm áo,
Không lo tích đức, báo ân Người.

NGUYỄN QUÍ ỨNG

Tác giả: Chưa rõ năm sinh, năm mất, hiệu Trác Phong, làm quan cuối đời Trần và từng đi sứ Trung Quốc. Tác phẩm lưu được một bài bốn câu và bài này.

142***Qua Hoàn Châu(1), hoạ vãn t hơ của
Vương Bồng Trai(2)***

Thuyền buộc mé sông, nắng xế ngày,
Khách bước lên lầu, lòng ngất ngây.
Việc cũ, bè sao trôi theo nước,
Vách tường thành cổ vẫn còn đây.
Lúc đi xuân sớm, thuyền men núi,
Trăng sáng Hoàn Châu ngủ tới nay.
Không có thời gian ngồi uống rượu,
Làm tạm bài thơ vịnh cảnh này.

DOÃN ÂN PHỦ

Tác giả: Chưa rõ năm sinh, năm mất. Chỉ biết ông người thuộc tỉnh Hưng Yên ngày nay. Tác phẩm chỉ có bài này trong Toàn Việt thi lục.

143

Phụng mệnh đi sứ, từ biệt em trai

Người đi phương bắc, kẻ về nam,
Nắng chiều, dừng ngựa chúc bình an.
Hồng nhan(1) lẻ loi ngoài ải vắng,
Tích linh(2) gọi bạn phía cuối ngàn.
Bao đêm mưa gió cùng trò chuyện,
Muôn học tình quê chén rượu khan.
Người giữ tiết mao, người gởi quạt,
Trung hiếu xưa nay khó vẹn toàn.

NGUYỄN PHI KHANH

Tác giả: xem phần thơ bốn câu.

144

Lánh giặc trong núi

Trong núi suốt ngày say, ngấm hoa,
Một mình đóng cửa, buổi can qua.
Hai năm loạn lạc mình lo chạy,
Để mẹ sáu mươi sống ở nhà.

Đất trời gió bụi ta nhàn nhã,
Lam chướng núi rừng dạ xót xa.
Canh cánh nổi lòng, đêm khó ngủ,
Nhìn sao Ngưu Đẩu ngóng trời xa.

145

Xem đánh cờ vây

Bên hiên, nhàn nhã thú thanh tao,
Hai vị chơi cờ đua thấp cao.
Thoạt nghe lách cách như mưa đá,
Mới nhìn ngang dọc tựa trăng sao.
Bên được, bên thua, tranh lần đất,
Hàng dọc, hàng ngang cố vượt rào.
Mọi việc như cờ cần tính trước,
Chẳng ván nào chơi giống ván nào.

146

***Theo tướng công Bằng Hồ(1)
đi chơi sông Xuân Giang***

Trời quang, mây sáng, cảnh thần tiên,
Hơn hẳn ngày xưa Thắng liễu xuyên(2).
Lục hồng, tần trắng, thơ cao hứng,
Quần áo lượt là thật có duyên.
Đừng nhắc thi nhân nơi Thái Thạch(3),
Nghĩ tới Giang Nam(4) bậc sĩ hiền.
Xê tà, tiếng mái chèo khoan nhặt,
Người, gió, lời ca chung một thuyền.

147

Chiều thu, từ trên t hành nhìn ra

Kinh thành, tháng chín, lá vàng rơi,
Vệt nắng xiên ngang động giữa trời.
Chim hồng ly biệt bay theo gió,
Trăng xuyên kẻ lá, rụng tơ bời,
Trong bốn mùa, thu - thi hứng nhất,
Già lão buồn đau nhất kiếp người.
Trước cảnh điêu tàn sau chiến sự,
Trời lạnh vời trông, những ngậm ngùi.

148

Thú quê nhà

Quanh nhà rào nhón tựa muôn chông,
Nhà nhỏ bên chùa, cạnh mé sông.
Mưa tạnh, ao chuôm ran tiếng ếch,
én bay làm rụng cánh hoa hồng.

Nhàn nhã, vườn xuân vui uống đầy,
Đời đẹp, vô lo, kéo giắc nông.
Tỉnh dậy, đi chơi cùng lũ trẻ,
Gặp ai cũng nói chuyện nhà nông.

149

*Chơi núi Phật Tích, đối diện
với dòng sông, ngẫu hứng làm thơ*

Nửa đời vương bụi, phụ thiên nhiên,
Đến tận bây giờ chưa được yên.
Đời dẫu trăm năm mà nháy mắt,
Một phút vui chơi hơn núi tiền.
Cái thú hoa, sông, giờ chính ngộ,
Sông Nghi(1) gió mát cảnh thần tiên.
Bên suối dừng chân tìm cảnh vắng,
Nhìn núi băng khuâng nhớ thánh hiền.

150

Khiển hứng ngày t hu

Đình hòe(1) làm khách, phận chim hồng,
Tóc rối đầy sương, tựa cỏ bông.
Gió thu lá rụng bay ngang mặt,
Mưa dầm, đóng cửa, mắt buồn trông.
Nóng lạnh ở đời tùy tay quạt,
Phiền muộn xui ta cạn chén nồng.
Bên song tỉnh giấc, trưa ngồi dậy,
Ngâm giảng thơ hay dạy tiểu đồng.

151

Thú quê nhà

Sau loạn còn may sót mái nhà,
Trẻ thơ sáu tuổi đọc ê a.
Buổi trưa ngủ dậy, vườn im ắng,
Chim hót, đầy thêm phủ xác hoa.
Ngâm thơ, đọc sách, lòng thư thái,
Hương nhàn, tâm trí chẳng lo xa.
Không học người đời tham dục vọng,
Sống ẩn nơi này hợp ý ta.

152

Rét mùa xuân

Sương mù dày đặc, gió, nhiều mây,
Đợt rét đầu xuân đã mấy ngày.
Thương xuân, ủ rũ chim không hót,
Nước mưa như ngọc dính trên cây.
Thư phòng tĩnh mịch, tha hồ đọc,
Việc đời để đấy, ngủ kỳ say.
Mong ta có thể làm tia nắng,
Sưởi ấm mùa xuân cả nước này.

153

***Thơ vịnh núi Côn Sơn,
trình chu nhân Thanh Hư động(1)***

2

Đẹp sánh Đồ Cầu,(2) núi ở đây,
Về già muốn đến sống nơi này.
Dấu giày Linh Vận(3) in rêu xám,
Tử Du(4) thuyền buộc giữa làn mây.
Bận việc, thời gian trôi vùn vụt,
Đêm nằm mơ dạo dưới rừng cây.
Nhân đây đề vịnh Thanh Hư động,
Dấu còn chưa đạt tứ thơ hay.

154

Xóm nho

,

Vài gian nhà cổ sát bờ ao,
Hoa lau, hương cỏ, hững thơ cao.

Sương nặng đè lên hai lớp ngói ,
Vàng dương đã mọc quá hàng rào.
Đau ốm, ngoài vườn đầy thảo dược,
Buồn đời, uống rượu, chẳng làm sao.
Coi thường mọi việc, lòng thanh thản,
Hồn thả theo hương gió ngọt ngào.

155

***Đêm thu dậy sớm,
gửi Kiểm chính Hồng Châu(1)***

,

Bâng khuâng, phòng vắng ngược nhìn ra,
Nghe mưa trên lá chuối sau nhà.
Ngõ Gấm(2) trăng tàn, chuông đã điểm,
Xóm Đông(3) vó ngựa gõ xa xa.
Thơ muốn hay hơn, nên đổi điệu,
Bệnh tình chưa ngớt, thuốc còn pha.
Sai trẻ quét sân, chờ ông đến,
Đề ngồi nói chuyện những ngày qua.

156
Quán khách

Rượu ngon tự rót uống an nhàn,
Chạnh lòng vượn hạc(1) buổi gian nan.
Ngoài cửa có cây, khách dễ kiếm,
Nhà tranh tô điểm khóm hoa lan.
Một đợt mưa mai , thơ gợi hứng,
Nửa giường gió chuối, giấc miên man.
Chuyện dở, chuyện hay không nghĩ đến,
Tĩnh dậy thấp hương, dạo khúc đàn.

157

*Dùng vần thơ lưu biệt
của Trịnh Sinh(2) để từ biệt*

Bầu rượu của tôi gió thổi xiêu,
Bác đi, trăng chiếu những mái chèo.
Phụng dưỡng mẹ cha, tròn chữ hiếu,
Thói đời danh lợi nhớ đừng theo.
Xưa ước về thăm sông núi cũ,
Hải hồ nay được chuyến phiêu diêu.
Nhớ nhau, mai chẳng tìm nhau được,
Phía nam mây phủ, nhận bay nhiều.

158

Chơi núi Côn Sơn

Núi như chiếc cột đỡ trời mây,
Bụi trần không vướng, cách xa đây.
Sau mưa suối chảy càng thêm mạnh,
Tiêu tan lam chướng, hết sương dày.
Cõi tục trăm năm như giấc mộng,
Ta cũng thành tiên, nhàn nửa ngày.
Hết hứng, vào chùa xin tạm nghỉ,
Chuông chiều đục nguyệt mọc trên cây.

159

***Từ phu Thi ên Trùng,
I ênh đên ra cưa biển, gặp gió***

,

Bên thuyền, rồng cuộn sóng, phun mây,
Tháng Tư biển động suốt đêm ngày.
Ngoài biển sóng gập ghềnh như giã gạo,
Trên bờ gió thổi, ngả nghiêng cây.
Một chiếc thuyền đơn, hai mái tóc,
Muôn trùng cuộn sóng, tấm lòng ngay.
Nếu chẳng là quan vì việc nước,
Đã khỏi long đong cảnh thế này.

160

***Tháng Chín, trong bữa tiệc
tại nhà tướng công Bằng Hồ***

Dưới mũ sa đen tóc rối bay,
Vào phủ Tướng công ngày lại ngày.
Đời dài, mấy bạn vui Trùng Cửu?(1)
Ba tháng mùa thu, nhất tháng này.
Đang vui chẳng nhẽ hoa không có?
Muôn được giải sầu cần uống say.
Mơ mơ tỉnh tỉnh nhân ngày đẹp,
Cười hát một mình trước gió tây.

161

***ơ quê, xúc động trước canh hạn hán,
gui trình tướng công Băng Hồ***

Đông ruộng cháy khô, đỏ một màu,
Thôn quê đói khổ cấy vào đâu?
Khắp nơi hạn hán đồng khô nẻ,
Mưa trời có đợi, chắc còn lâu.
Đã thế, tham quan còn vơ vét,
Người người cơ cực cảnh buồn đau.
Thơ này viết tạm thay tờ tấu,
Vì đang ốm nặng, chữa về châu.

162

Trên đường, nơi đất khách

Trượng phu không chịu nhục xưa nay,
Lệ đầm vạt áo lúc chia tay.
Nhá nhem Kiến Lĩnh,(1) tìm quán ngủ,
Xuất phát Trường Châu(2) mới rạng ngày.
Trời đất còn may chưa bỏ đạo,
Non sông chưa nở bỏ thân này.
Nếu giúp được đời bằng chút khổ,
Chẳng ngại đường xa, tứ lữ thầy.

163

Sáng thu, xúc cảm thành thơ

’

Chuông sớm chùa bên báo rạng ngày,
Qua màn, tia nắng dọi, lung lay.
Đất người thức giấc, buồn tư lự,
Đốt lò hương sớm, cứ ngồi ngây.
Thu muộn, ngoài sân nhìn lá rụng,
Âm thầm nhỏ lệ, đếm chim bay.
Đại đồng,(1) thơ cổ ba lần đọc,
Cuộc đời đã vậy, tính sao đây?

164

Đậu thuyền cạnh lăng họ Nguyễn(2)

Trên sông Thiên Đức(3) đậu thuyền con,
Mộ hoang họ Nguyễn đã thành cồn.
Lâm liệt khí thiêng còn phảng phất,
Bên sông đèn cổ vẫn đang còn.
Nhưng khí rồng bay(4) thì chẳng có,
Cột hoa chim đậu,(5) cũng khô mòn.
Ngẫm việc trăm năm, buồn đứng lặng,
Một mình trơ trọi giữa hoàng hôn.

165

*Đêm ba mươi tết, dùng vắn
của Đỗ Phủ, cùng các bạn ngồi chung bàn tiệc, làm
thơ*

Tiền đưa năm cũ ở quê người,
Tuyết như hoa trắng, vẫn còn rơi.
Cây khô, con quạ ngồi run rẩy,
Đám cỏ ngoài sân báo tiết trời.
Thời gian níu giữ, đèn thay bác,
Giải sầu, cốc rượu cứ đầy vơi.
Mỗi sáng vào châu, lo chải chuốt,
Ngắm tóc hoa râu, ngắm sự đời.

166

Nhân tiết trung thu, xúc cam thành t hơ

Sóng trắng như sóng biển bao la,
Lưa thưa mây động giải Ngân Hà.
Ao nhỏ sau mưa đầy ánh nguyệt,
Chạnh buồn man mác khách quê xa.
Xin nhờ trăng sáng cao trên ấy,
Soi thấu đời này cảnh xót xa.
Mong sao mãi mãi dân no ấm,
Để được thăm chơi khắp nước nhà.

167

***Đêm thu lưu biệt
Kiểm chính Hồng Châu***

Tôi về Nhị Khê bắc,
Bác ở lại nơi này.
Tiễn nhau, sương ướt áo,
Mặt trời hồng khuất mây.
Gạt lệ, trao thơ tặng,
Uống rượu, buồn chia tay.

Hẹn nhau đêm rằm tới,
Dưới trăng uống thật say!

168

Cam húng ơ xóm núi

’ ’

Ba mươi năm lẻ sống hư danh,
Về quê, quên hết chuyện dĩ lành.
Trùm khăn đi giữa nơi đồng nội,
Hong tóc ngồi chơi chốn thác ghềnh.
Phù du chuyện cũ cho quên hết,
Sự đời thay đổi, rất mong manh.
Ai bảo thôn quê buồn, tẻ nhạt?
Quanh nhà dậu mướt đã rờn xanh.

169
Xóm quê

Trúc ba hàng đang đợi,
Già tính chuyện quay về.
Chiều thu ngồi uống rượu,
Rồi dạo giữa làng quê.
Trời rộng, chim bay lượn,
Trăng mọc phía bờ khe.
Chợt nghe chuông chiều điểm,
Dục trẻ khép cổng tre.

170

Thơ đề chùa Huyền Thiên

Chùa tiên cao ngất chín tầng mây,
Đường lên dây níu, khói sương bay.
Buổi trưa thanh vắng chim không hót,
Suối cũ hai bờ rợp bóng cây.
Già tìm học đạo, trời luôn biết,
Quan nhàn mộ Phật mới về đây.
Nếu gặp Xích Tùng, xin nhắn hộ,
Rằng tôi cũng muốn sống nơi này.

171
Cuối thu

Chẳng gì oan trái hoặc buồn đau,
Mà cảnh cuối thu cũng gợi sầu.
Gió lạnh, cúc tàn phai trước cửa,
Nã nùng mưa gió suốt đêm thâu.
Thu tiếc cho ta, trôi rất chậm,
Tuổi già ập tới, chẳng chờ lâu.
Tĩnh mộng Vi Viên,(1) đầu đã bạc,
Cá vược, rau thuần lỗ hện nhau.

172

*Trong khi ốm, nhớ vãn thơ "đêm thu" của Kiểm chính
Hồng Châu Nguyễn Hán Anh(1)*

Hương tàn, tỉnh mộng khách đường xa,
Ngọn đèn heo hắt sáng bên ta.
Xào xạc lá vàng rơi trước ngõ,
Bên hiên bàn bạc dải Ngân Hà.
Trăng sáng đa tình soi bóng nước,
Xuân về điểm tuyết bức tranh hoa.
Không thể buồn vì cơn ốm nhẹ,
Tỉnh dậy ngâm thơ, hát vẳng nhà.

173

***Tiền thái học sinh Nguyễn Hán Anh(1)
về Hồng Châu***

Trò chuyện đêm qua được ít thôi,
Sáng nay người ngựa đã đi rồi.
Lòng ngóng về đông nơi suối nước,
Mắt nhìn trời bắc vợ xa xôi.
Thương con chim thước sân hòe vắng,
Nhớ mãi chim hồng sông lẻ loi.
Chanh thơm, nếp trắng, vừa cất rượu,
Nợ đời chỉ tiếc nặng lòng tôi.

174

Theo tướng công Bằng Hồ đi chơi sông Xuân Giang

Trời xuân mây bập bồng,
Mái chèo khua trên sông.
Khí phách nơi hồ hải,
Chùa miếu gửi tâm lòng.
Thơ viết về chim, cá,
Hoa cỏ và suối trong.
Chơi chán, quay thuyền lại,
Vách núi mặt trời hồng.

175

**Đáp lại bài thơ "Cái rét mùa xuân" của t hái học Đạo
Khê(1)**

Khắp thành mưa bụi cứ lây rây,
Lạnh lẽo gió xuân thổi suốt ngày.
ý muốn làm quan như khói mỏng,
Mối tình đất khách nhẹ như mây.
Lưu thủy, cao sơn(2) giờ lỗ nhịp,
Giấc mơ cờ thắm(3) chẳng còn hay.
Chỉ thương trăm họ dân ta khổ,
áo rách, nhà phen lạnh thế này.

NGUYỄN TRÃI

Tác giả: Xem phần thơ bốn câu.

176

Nghe mưa

Phòng tối, đêm tĩnh lặng,
Ngồi nghe mưa một mình.
Mưa nã nê buốt lạnh,
Rơi thánh thót năm canh.
Tiếng chuông như ngái ngủ,
Bên cửa, trúc rùng mình.
Thơ đọc mãi, khó ngủ,
Thức tới rạng bình minh.

177
Tặng bạn

Thương bạn nghèo, lại bệnh,
Cũng phóng túng như ta.
Sách đọc dăm ba quyển,
Đều làm khách phương xa.
Nông cạn, vô tích sự,
Chỉ giỏi nghịch như ma.
Hẹn cùng về làng Nhị,
Thử làm việc nông gia.

178

Thanh minh

Từ ngày lưu lạc phải đi xa,
Thanh minh mấy bận đã trôi qua.
Mồ mả tổ tiên không được viếng,
Vất vả mười năm, mấy xót xa.
Khi tạnh, khi mưa, thời tiết lạ,
Xuân vãn, đồ mi cứ nở hoa.
Gượng nâng chén rượu tìm khuây khỏa,
Vội bớt ngày đêm nỗi nhớ nhà.

179

Gui bạn

,

Vất vả quanh năm, chán sự đời,
Mọi việc đành cam phó mặc trời.
Tấc lưỡi đang còn, còn nói được,
Thân còn chưa chết, chỉ nằm chơi.
Vụn vặt thời gian trôi, khó giữ,
Quán trọ đêm đêm lạnh đất người.
Đọc sách mười năm mà kiệt xác,
ăn toàn rau củ để cầm hơi.

180

Đêm thu khách cam

Treo chiếu làm màn, quán trước thôn,
ủ tay đọc sách buổi hoàng hôn.
Gió thổi lá rơi, thương lữ khách,
Đêm mưa đèn lạnh, giấc mơ buồn.
Sau loạn người quen không thấy nữa,
Buồn nhìn đau đớn cảnh càn khôn.
Cuối cùng muôn việc đều hư ảo,
Nói chi Phàm, Sở mất hay còn.

181

Ngày hạ ngẫu tác

Gia truyền chỉ có tấm chăn xanh,
Loạn ly, may được sống yên lành.
Xưa nay mọi việc do trời định,
Đòi người như giấc mộng trôi nhanh.
Nửa giường gió mát tha hồ ngủ,
Một vò rượu trắng vợi lòng anh.
Duy vẫn nhớ quê, mong lại được
Quay về sông núi, mái nhà tranh.

182

Sau loạn, đến Côn Sơn, cam tác

Mười năm thắm thoát đã xa nhà,
Quay về từng rậm, cúc ra hoa.
Có hẹn với rừng mà nhớ hẹn,
Cúi đầu, chỉ biết trách mình ta.
Làng quê quen thuộc mà như lạ,
Thân còn nguyên vẹn buổi can qua.
Bao giờ được dựng lều trên núi,
Mức nước khe sâu để uống trà?

183

Đêm đậu thuyền ở Lâm Càng

Triều dâng, cửa lạch buộc thuyền con,
Chuông chùa vắng vắng giữa hoàng hôn.
Ngoài thuyền tầm tã mưa không dứt,
Trong vịnh thi nhau sóng dập dồn.
Hư danh phú quý không tơ tưởng,
Giác mộng phù sinh cũng chẳng còn.
Chí khí làm trai luôn giữ trọn,
Không để mòn hao bởi nỗi buồn.

184

Cửa biển Thần Phù

,

Gửi lòng theo cánh nọn về quê,
Cửa biển, chiếc thuyền như lá tre.
Núi như giáo dựng bày sau trước,
Sóng tựa rồng phun, vỗ bốn bề.
Trời đất gặp nhau thành cửa biển,
Nhớ ai lấy đá đắp thành kè.
Giữa nước mênh mông chèo tạm gác,
Xé chiều, sông lạnh, gió se se.

185

Đêm đậu thuyền ơ cua biển

’ ’

Xa nhà đã mấy chục năm nay,
Đêm buộc thuyền thơ ở bến này.
Sóng gợn mênh mang, trăng chiếu lạnh,
Trên bờ cao thấp những lùm cây.
Ơn nước chưa đền, mai đã bạc,
Thời gian như nước tuột qua tay.
Lo trước vui sau, luôn nghĩ ngợi,
Chăn lạnh ngòi ôm đến rạng ngày.

186

Thơ viết trong thuyền hộ giá, tiết thượng nguyên

Hai bên ngàn vạn đuốc màu hồng,
Con thuyền gặp gió, lướt trên sông.
Lâu đài ảo giác tan trong gió,
Ba canh kèn trống đục vang đồng.
Bập bênh mặt nước, trắng như ngọc,
Gậy tiên tua tủa vút tầng không.
Gần sáng trên thuyền vừa chợt giấc,
Tưởng nghe Trường Lạc tiếng chuông đồng.

187

Mừng được về Lam Sơn

Quyền mưu vốn để diệt tham tàn,
Nghĩa nhân lo nước được bình an.
Kinh đô quan giỏi, nhà nho ấm,
Biên cương không giặc, lính an nhàn.
Phương xa dưng lụa, tranh vương hội, (1)
Đất nước phục hồi, thấy Hán quan.
Giặc bắc dẹp xong, trời gió lặng,
Muôn đời Nam quốc trọn giang san.

188

*Đêm thu cùng ngâm thơ với
Hoàng Giang Nguyễn Nhược Thuý*

Rừng đầy lá đỏ, kín sân con,
Đầy thềm trăng sáng, dẫu hoàng hôn.
Xuyên chín tầng mây, sương ướt đầm,
Đé lạnh bốn bề cứ nỉ non.
Chớm thu gió thổi, cây xao động,
Ngân Hà xê dịch, chuyển càn khôn.
Phòng văn không ngủ, ngồi đơn độc,
Làm thơ bày tỏ tấm lòng son.

189

Ngẫu nhiên vi ết thành thơ

Làm quan mà rồi, sướng thân ta,
Chẳng thiết giao du, cứ ở nhà.
Sáng dậy đốt trầm, mây sát cửa,
Tùng reo bên gối, tối pha trà.
Chăm chỉ tu thân, làm việc thiện,
Đọc nhiều mụ óc, chóng thành ma.
Cái bệnh suốt đời không thực tế,
Về già có vẻ nặng thêm ra.

190

Đêm thu ở đất khách, cảm hứng

Xạc xào tiếng gió thổi cành cây,
Làm buồn lòng khách bấy lâu nay.
Lá úa vàng sân hơn quá nửa,
Đèn xanh mưa hắt mấy canh chầy.
Bệnh lắm, xương còm nên ngủ ít,
Việc quan nhàn nhả cũng thành hay.
Bớt nghĩ một điều, thêm sướng một,
Được thua không tính nữa từ nay.

191

Tức canh

,

Hiên, song đều nhỏ, cảnh thanh bần,
Nhà quan mà chẳng khác nhà dân.
Dưới cây đọc sách, lòng thanh thản,
Trên sông câu cá, thú an nhàn.
Mưa tạnh, hơi thu xuyên cửa sổ,
Gió chiều, lá rụng, múa ngoài sân.
Nằm khểnh bên song, không lụy tục,
Thư thái lòng ta chẳng vướng trần.

192

Núi Dục Thủy (1)

Núi kề ngay cửa biển,
Trước đã từng tới đây.
Như búp sen trên nước,
Cảnh thần tiên ngất ngây.
Tháp có hình trâm ngọc,
Nước như gương, soi mây.
Chợt nhớ Trương Thiên bảo(2)
Bia còn lưu nơi này.

193

Vọng Doanh

Chiều buộc thuyền thơ bên Vọng Doanh, (1)
Gheo người, phong cảnh đẹp như tranh.
Dục Thúy sau mưa như ngọc bích,
Đại An(2) trời nước một màu xanh.
Bãi sông bát ngát đàn chim trắng,
Rặng cây mờ ảo, khói yên lành.
Tô Thức(3) ngày xưa mà sống lại
Chắc cũng một vòng đi dạo quanh.

194

Qua cửa Thần Phù(1)

,

Qua cửa Thần Phù lúc nửa đêm,
Trăng thanh, gió mát cảnh êm đềm.
Sát bờ núi nhọn như măng mọc,
Xanh biếc dòng sông dải lụa mềm.
Giang sơn còn đó, anh hùng vắng,(2)
Trời đất xoay vần, anh ghét em.
Hồ Việt(3) giảng hoà, nay một khối,
Bốn biển bây giờ sóng lặng êm.

195

Ngẫu hứng trên thuyền

(Bài một)

Sau mưa, cửa biển nước dâng cao,
Gió ru muôn sóng biển rì rào.
Nửa rừng chiều xế như rây khổi,
Chuông làng lay động ánh trăng sao.

Phong cảnh chiều người, thơ có họa,
Mải ngắm non sông, rượu rót trào.
Những chuyện chơi xưa đều nhớ hết,
Việc đời muôn nhớ, chỉ chiêm bao.

196

Ngẫu hứng trên thuyền

Góc biển chân trời, đi đó đây,
Phóng bút ngâm thơ, nhàn suốt ngày.
Ông chài quăng lưới trên hồ rộng,
Mục đồng thổi sáo giữa rừng cây.
Đêm đứng tựa trời xem vũ trụ,
Đang hứng, những thềm cưỡi gió bay.
Ngắm chán, lâng lâng quên mọi việc,
Trao đời cho cốc rượu trên tay.

197

Than thân bị oan ức(1)

Năm chục năm nay lụy với đời,
Phụ tình sông núi với hoa tươi.
Họa thực, danh hư, đời tệ bạc,
Vì trung bị ghét, trở trêu người.
Khó trốn số mình, do chữ mệnh,
Chưa bỏ lòng trung bởi ý trời.
Trong ngục, biết oan mà phải chịu,
Cái đau không thể nói nên lời.

198

Nhờ người vẽ tranh Côn Sơn

Nửa đời bỏ phí thú rừng xanh,
Sau loạn, về quê, về không thành.
Thông reo trên đá không ai ngắm,
Phí bông mai nở suối trong lành.
Thấy cảnh hoang tàn, tim nhức nhối,
Muông thú bỏ đi, khóc chẳng đành.
Nhờ người vẽ giỏi trong thiên hạ
Vẽ giúp lòng ta lên bức tranh.

199

Đề tranh Vân Oa của ẩn sĩ họ Trì nh

,

Khách quý gặp nhau, đàn suốt ngày,
Được về quê cũ, thật vui thay.
Trăng soi trên thác, rừng đầy trúc,
Đỉnh sành hương bốc, gió trên cây.
Lòng trần muôn rửa, trà pha đặc,
Gọi người thức dậy, có chim bay.
Ngày dài tựa ghé, quên trò chuyện,
Ai kẻ vô tình, người hay mây?

200

Ngày thu, ngẫu nhiên làm thơ

Ngoài vườn tiếng lá rụng xôn xao,
Bệnh xong, da dẻ lại hồng hào.
Nho đạo đất trời luôn vẫn trọng,
Về già sông núi hứng thêm cao.
Soi tóc trong gương nhiều sợi bạc,
Ngẫm đời danh hã uổng công lao.
Thương nhớ vườn xưa ba luống cúc,
Vẫn về thăm lại lúc chiêm bao.

201

Mạn hứng

Đức đạo tàn suy ngày tiếp ngày,
Sự nghiệp nhà nho khôn lấm thay.
Chẳng được làm mưa mong cứu hạn,
Thì già về núi sống cùng mây.
Vẫn trách cuộc đời như quán trọ,
Nhớ vua, lòng dạ chẳng hề khuây.
"Giỏi chữ, biết nhiều càng lo lấm".
Ta như Tô Thức(1) nói câu này.

202

Mạn hứng

Đường đá xiên xiên dẫn tới nhà,
Nhà vắng như chùa, lại cách xa.
Cái phận làm quan - chim bắn huyệt,
Rắn phải vào hang lúc xế tà.
Tĩnh mộng về vườn xưa ngắm cúc,
Rửa sạch ruột gan bằng nước trà.
Nhìn lại sáu mươi năm, chợt thấy
Tóc bạc, đời tàn, mắt đã hoa.

203

Thơ chợt viết khi hứng

Cửa mở, lư trầm hương khói xông,
Vốn tính thích lười, ngại đám đông.
Nhà có sách, đàn, vui cháu chắt ,
Sân không xe ngựa, bạn bè không.
An phận tháng ngày đời thanh bạch,
Tìm vui, câu cá tạm yên lòng .
Hờ hững với đời, nay tóc bạc,
Những muốn quay về với núi sông.

204

Hoạ bài "Yên Hà ngẫu hứng" của bạn

(Bài một) ,

Bồng Lai(1), Nhược Thủy(2) ở đâu đâu,
Thấm thoát thoi đưa, đã bạc đầu.
Mây che nhà cũ, nhìn không thấy,
Đêm mộng về quê, rõ lệ sầu.
Lòng như hạt bụi bay theo gió,
Thân đành phiêu bạt cánh chim câu.
Bao giờ về lại bên hang núi?
Ngước trông: mây xấp đủ năm màu.

205

Hoạ bài "Yên Hà ngẫu hứng" của bạn

(Bài hai) ,

Bên sông, tre nửa mấy gian nhà,
Khác thời trai trẻ giữa phồn hoa.
Được chỗ yên thân, thì cứ ở,
Chưa phải xuất gia, cứ tại gia.
Ngắm mây, nhìn núi, không vinh nhục,
Xe, mũ trong triều không hợp ta.
Cát Ông (1) đi đã nghìn năm chẵn,
Lò hoang bếp lạnh một thời xa.

206

Đưa nhà sư Đạo Khiêm về núi

Giảng học ngày nào, đã chục niên,
Được ngủ đêm nay với bạn hiền.
Như mơ, mừng gặp, quên đời tục,
Lại ngồi đàm đạo chuyện nhân duyên.
Ngày mai tiễn biệt về Linh Phố,(2)
Hẹn gặp Côn Sơn suối với thuyền.
Già rồi lắm cảm, xin đừng chấp,
Rồi tôi có lẽ cũng theo thiên.

207

Đi thuyền trên sông

Sau mưa, núi thêm gầy,
Thuyền vừa ghé bến tây.
Cảnh nhìn như tranh vẽ,
Đơn chiếc bóng nhạn bay.

Thương Lang(1) nơi nào nhỉ,
Bạn dân chài cũng hay.
Nhìn kinh thành chợt thấy
Người không còn bụi dầy.

208

Thơ đề chơi

An nhàn, gặp hứng cứ ngâm nga,
Thoát tục phong lưu sống ở nhà.
Lớp lớp núi chông như ngọc bích,
Nghìn ô nước sáng phía xa xa.
Hoa nở ngoài vườn như tranh gấm,
Chim hót trong rừng tựa sáo ca.
Đưa mắt nhìn quanh toàn cảnh đẹp.
Người đời thử hỏi có bằng ta.

209

Chợt hứng, làm thơ

Trúc xanh Lãm Thúy(1) phía đằng đông,
Sân, cửa bao ngày quét sạch bong.
Sau mưa, sắc núi đầy thi hứng,
Nước rút, nắng chiều rửa nước sông.
Ngoài cửa chim kêu - nhà có khách,
Lá rụng trong vườn, biết sắp đông.
Bên cửa phía nam vừa tỉnh giấc,
Đốt hương, tựa ghế, dạo phím đồng.

210

Húng chiều

Nhà nghèo cuối xóm, lại vắng tanh,
Buổi chiều chông gậy dạo loanh quanh.
Đường vắng người đi, cầu ngập nước,
Mé sông bãi sậy đứng yên lành.
Vô tận thời gian, sông bát ngát,
Anh hùng mang hận lá xa cành.
Quay về, tựa cửa ngòi im lặng,
Trăng như vầng ngọc giữa trời xanh.

211

Chùa Tiên Du(1)

Gác mái chèo, buộc thuyền,
Theo hướng chùa, leo lên.
Suối thơm vì hoa rụng,
Mây che, lạnh giường thiền.
Tiếng vượn kêu chiều xế,
Bóng trúc dài bên hiên.
Cảnh tình như có ý,
Muôn nói gì, lại quên.

212

Thơ viết chơi

Vốn nhờ sách vở sống xưa nay,
Đói, ăn không khí và rễ cây.
Trúc mọc đủ dày che khách tục,
Nhà cửa không hề có bụi dây.
Bến cá lạnh, thuyền buông mái,
Ngoài hiên hạc múa, mảnh trăng gầy.
Không mất tiền mua, đời thật sướng,
Được ngắm núi sông ngày lại ngày.

213

Tâm Châu(1)

Dưới thành, tiếng trống đục không ngơi,
Khách nghỉ lại đây mấy tháng trời.
Núi muôn nghìn ngọn, dân đông đúc,
Sáo thổi lâu cao, nguyệt sáng ngời.
Rặng trúc xôn xao, buồn gió thổi,
Bờ sông man mác nước đầy vơi.

Ta già, nếm hết bao cay ngọt,
Không ngủ, đêm nay ngẫm sự đời.

214

Đêm đậu thuyền ở Bình Nam(1)

Thuyền buồm gặp gió, lướt trên sông,
Ngủ lại Bình Nam, phố huyện đông.
Trong mộng tiếng cây xen tiếng thác,
Bóng trăng đan quyện bóng đèn lồng.
Hẹn với núi sông mà lỡ hẹn,
Đời trôi vô ích, có mà không.
Nửa đêm nghe sáo lâu ai thổi,
Phòng khách cô đơn, chợt chạnh lòng.

215***Qua đèo Mai Lĩnh(1)***

Ngựa mệt, mặt trời lặn phía tây,
Chẳng thấy có nhiều mai ở đây.
Chỉ thấy hai bên tùng cao vút,
Con đường xẻ núi, vượt qua mây.
Gần tới Trường An(2) đưa mắt ngóng,
Xa trời cổ quốc, nặng tình thay.
Đã mấy trăm năm qua rồi nhỉ,
Khi Cửa Linh xưa mở lối này?

216
Giang Tây

Lam thắng Hồng Đô(1) ở xứ này,
Đi đường, khách tạm nghỉ nơi đây.
Khói lam Nam Phố(2) trời quang đẹp,
Nắng tắt Tây Sơn(3) báo hết ngày.
Thói đời kiện cáo, suy phong tục,
Lắm người học giỏi, lắm người ngay.
Bia khắc nghìn năm rêu lốm đốm,
Cột đồng còn đó đến hôm nay.(4)

217

Giữa đường, gửi cho bạn

,

Đi thăm thượng quốc, tính trên tay,
Đường dài, thấm thoát một năm nay.
Trong mộng nước non xa vời vợi,
Không thư, không cả cánh chim bay.
Đất người không ngủ, nằm suy nghĩ,
Thời bình côi cút tấm lòng ngay.
Bạn cũ ở nhà mà có hỏi,
Nhờ nói rằng tôi chẳng đổi thay!

218

Gửi bạn

,

Bạn bè như lá rụng mùa đông,
Gửi thư - chẳng có cánh chim hồng.
Đêm mưa, nằm mộng về quê cũ,
Ngâm thơ giữa tiếng dế đau lòng.
Đỗ Phủ không hề quên Vị Bắc,(1)
Quản Ninh còn muốn ở Liêu Đông.(2)
Ai hỏi, nói giùm: Vì sinh kế,
Tôi phải bạt phiêu kiếp cỏ bông!

NGUYỄN BÌNH KHIÊM

Tác giả: Xem phần thơ bốn câu.

219

Ngụ hứng

(Bài một)

Một bên là chợ, một bên làng,
Ao vườn có đủ, cũng khang trang.
Am quán thư nhàn, xuân mãi trẻ,
Cảnh đẹp như tranh, đến ngõ ngang.
Suôi chảy, tiếng đàn nghe thêm vọng,
Cây che, cảnh đẹp giấc mơ màng.
Mừng thấy đạo Nho chưa héo lụi,
Mà vẫn đang phơi giữa nắng vàng(1).

220

Ngụ hứng

(Bài hai)

Uống rượu ngắm sông buổi xế tà,
Dân chài đâu đó, hát xa xa.
Trời tạnh, dịu dàng cơn gió thổi,
Bên sông cây mọc tốt, xùm xòa.
Nhớ quê lúc tỉnh, thương hoa cúc,
Khi say dễ ướm mắt người già.
Bao giờ trở lại thời Nghiêu Thuấn,(2)
Để thấy càn khôn lại thái hoà.

221

Ngụ hứng

(Bài ba)

Đeo đuổi công danh chỉ phí đời,
Quay lại ruộng đồng sống thanh thơi.
Giặt áo, ngoài khe luôn sẵn nước,
Ngắm hoa, không sợ "khách" qua chơi.
áo mũ nhà nho làm thân khổ,(1)
Tận tụy việc công chẳng mấy người.
Lo trước nhưng vui sau thiên hạ,(2)
Ta nguyện trong lòng chẳng phút ngơi.

222

Ngụ hứng

(Bài bốn)

Chọn đất dựng nhà cạnh suối trong,
An nhàn vui thú với non sông.
Sáng dạo vườn rau, sương dính dép,
Đêm chơi xóm lười ánh trăng lồng.
Lui, tiên, chơi cờ luôn tính trước,
Buông, giật, đi câu cũng bận lòng.
Lầu son xin khách đàn khe khẽ,
Kéo nhỡ làm ta tỉnh giấc nông.

223

Ngụ hứng

(Bài năm)

Chán đời ô trọc, lánh phù hoa,
Về quán Trung Tân ta với ta.
Hữu tình sơn thủy, người nhân trí,(1)
Sách nhiều đủ hiểu hết gần xa.
Trăng thanh gió mát vui ngâm vịnh,
Khấp lượt quen thân, trẻ đến già.
Bên sông nghe sáo dân chài thổi,
Trong đầu vang điệu "Lạc Mai Hoa".(2)

224

Ngụ hứng

(Bài sáu)

Không hám giàu sang chuốc nợ đời,
ở ẩn về già sống thảnh thơi.
Làm thơ có sẵn hoa, cây cỏ,
Bên sông chim én lượn đầy trời.
Thư sinh mà dám bàn "tam lược", (1)
"Tứ tri"(2) thử hỏi được bao người?
Đời này thực sự tìm chân lý -
Sông Hàn(3) hãy ngắm ánh trăng bơi.

225

Ngụ hứng

(Bài tám)

Bất tài, không giúp được người ngay,
Vườn xưa trót hện, lại về đây.
Nói mình trong sạch, e hơi quá,
Muôn trốn cái già nên uống say.
Núi nhuộm sắc thu, xanh lại nhạt,
Sông lồng bóng nguyệt, nước lung lay.
Chẳng vướng cơ mưu, lòng nhẹ nhõm,
Cổng tre Tân Quán mở đêm ngày.

226

Ngụ hứng

(Bài mười)

Bạch Vân(1) am nhỏ, mạch khe nông,
Được hưởng mà không mất một đồng.
Thanh khiết trên đời ai kẻ sĩ,
Riêng ta như ở chốn tiên bồng.
Cúc thơm ba luống như Bành Trạch,(2)
Nhà tranh đôi chái giống Lư Đồng.(3)
Cũng riêng một cõi, ta là chủ,
Uống rượu ngắm trăng và hát nông.

227

Tự thuật

Bao người trắng kiết thế xưa nay,
Cũng đành tạm nấu lúc không may.

Ta xưa là khách nơi lầu tía,
Giờ bạn non sông ở chốn này.
Có đủ mùa xuân, hoa với lá,
Có đàn, có rượu, uống kỳ say.
Một mình đứng ngắm hoàng hôn tắt,
Mặc gió đầu trần thổi tóc bay.

228

Ngẫu hứng

Thấm thoát đã già, hơn sáu mươi,
Tự thấy mình nông, những ngậm cười.
Cái thú làm quan giờ chẳng có,
Quán nhà, hết ngủ lại ngồi chơi.
Thanh thảo ngắm hoa, nghe chim hót,
Uống rượu ngâm thơ, hưởng thú đời.
Kìa sáo nhà ai ngoài xóm vắng,
Chiều xế, ngà ngà, gió lả lời...

229

Ngụ hứng quán Trung Tân

(Bài một)

Nhà vắng không vương chút bụi trần,
Dòng sông lờ lững chảy kề sân.
Thuyền cá chiều chiều vào ghé đậu,
Hương thơm rau quế khách xa gần.

Mừng được yên thân thời loạn lạc,
Thẹn chẳng có tài để cứu dân.
Nhàn nhã ngồi chơi, nhờ ngọn gió,
Đưa vào cốc rượu chút mùa xuân.

230

Ngự hứng quán Trung Tân

(Bài năm)

Nhà lá vài gian cạnh bên sông,
Hai bờ xanh nhạt, nước mênh mông.
Trăng lạnh, gió yên, buồm rũ xuống,
Mây núi xa xa tựa dáng rồng.
Đêm vắng, chuông chùa nghe thật rõ,
Le lói làng bên ánh lửa hồng.
Tiếc chẳng phò vua, do tuổi tác,
Trước sau tuy vẫn một tấm lòng.

231

Cam húng

’

Ai người có thể cứu muôn dân,
Bị giặc xâm lăng, đợi chết dần?
Hại cả con trâu và ngọn núi,
Bừa bãi, bắt giam, luật bất cần.
Mòn mỗi dân mong người dẹp loạn,
Mà đời chẳng có tướng cầm quân.

Lại đứng vào khi đang nạn đói,
Biết tìm đâu nổi chôn nường thân?

232

Tức sự

(Bài một)

Bên khe, ao nhỏ với vườn cây,
Đường rợp bóng xanh, lá phủ dày.
Trời quang nắng dịu hoa đua nở,
Trúc xanh, khe lạnh nước in mây.
Cơm áo vợ nghèo lo chu đáo,
Khách tặc không ai đến quấy rầy.
Ta già, mắc bệnh mê thơ phú,
Lại chỉ mây, trăng, gió suốt ngày.

233

Tức sự

(Bài hai)

Thong thả thuyền xuôi dọc Nhị Hà,(1)
Lúc ngồi uống rượu, lúc ngâm nga.
Dân ít, lơ thơ nhà mấy nóc,
Cây nhiều, một vệt biếc xa xa.
Loạn lạc, dân mong về xóm cũ,
Bao giờ lính hết việc can qua?
Mong sao sắp sửa mùa đông hết,
Lại đến mùa xuân của thái hòa!

234

To nôi lòng trong dịp nguyên đán

Thấm thoát tuổi đời đã sáu mươi,
Bệnh tật thi nhau đến hại người.
Thương xuân, gượng uống vài ly rượu,
Chỉ tiếc không sao giúp được đời.
Lẩn thân quay ra chê vợ vụng.
Trách con hư hỏng, lại chê lười.
Lại thêm cái tội chê thơ bạn
Những lúc thanh nhàn bạn đến chơi.

235

***Cam ơn người bạn từ Cao Xá(1)
,
tới thăm khi ốm***

Nhớ tình huynh đệ giữa hai ta,
Thăm tôi, bác đến tự làng xa.
Thương bác cảnh nghèo thời loạn lạc,
Lo mình tự mẫn giữa xa hoa.
Giữa bác và tôi chung ngọn gió,
Chung ánh trăng khuya, giọt nắng tà.

Nếu đời giữ được văn và đạo,
Thì rồi cái khổ cũng trôi qua.

236

*Ngày mùa đông đến doanh trại,
chợt nhớ một vài bạn tri kỷ*

?

Chưa trừ hết giặc phía trời tây,
Vâng mệnh nhà vua đến trại này.
Chòi canh trống dục, hoa mai lạnh,
Theo trăng thuyền lướt, gió hây hây.
Lòng son những muốn đền ơn nước,
Bất tài ngậm then bấy lâu nay.
Chẳng phụ tình người quen biết cũ,
Trúc tùng dấu lạnh, vẫn còn đây.

237

***Thơ nói về nỗi lòng của mình khi vâng lệnh xuất phát
theo đoàn quân***

Hoạ theo vần của Văn Bá Đạt(1)

Dẫu thẹn rằng không giống Khổng Minh,

Rong ruổi đường xa chẳng tiếc mình.

Đêm ngủ tình quê vào giấc mộng,

Ngày đi nghĩa nước nặng mối tình.

Dẫu thơ không đẩy lùi quân giặc,

Trong lòng thi sĩ vạn hùng binh.

Trừ giặc chuyện này thu lại đất,

Non nước yên vui hưởng thái bình.

238

Vâng mệnh vua đi theo đoàn quân qua sông Thao

*Hoạ theo vãn của Khánh Khê hầu
Giao Nam nổi tiếng đẹp xưa nay,
Thật đẹp sông Thao ở chốn này.
Dưới nước, bên thuyền vàng sắc nắng,
Trên bờ, xanh biếc những hàng cây.
Vượt hiểm thuyền đi, người chác lái,
Kẻ ngồi bên cửa ngắm trời mây.
Chuyến này mong đẹp yên bờ cõi,
Khởi uống nhiều năm hưởng lộc dày.*

239

Đóng doanh trại ở Liệt Khê

2

Ba quân đóng trại dọc lòng khe,
Cờ xí xen cây, mọc bốn bề.
Tuần thú miền tây, dân phẩn khởi,
Kinh đô, lụa ngọc được đem về.
Thông nhất giang sơn thành một mối,
Dân đỡ làm than đủ mọi bề.
Vớ vua, cái chính là nhân nghĩa,
Cơ đồ có thể sánh Đinh, Lê(1).

240

Đi đường thuy đến doanh trại, cam hứng làm thơ

Quyết tâm khôi phục lại sơn hà,
Lên thuyền, cảm khoái cất lời ca.
Mái chèo khua mạnh, xô xao sóng,
Thuyền buồm trắng dọi, sáng xa xa.
Mờ mờ bốn phía xanh cây cỏ,
Một tấm lòng trung chẳng ngại già.
Đợi đến sau ngày trừ hết giặc,
Trở về Tân Quán(2) bạn cùng hoa.

241

Qua sông Hữu

(Bài hai)

Thuyền đi yên ổn dọc sông này,
Nước in hình núi giống xưa nay.
Nước dâng buổi sáng, xoa rêu đá,
Chiều sóng dịu dàng gội tóc mây.

Hồng thúy mọc xen cùng tre nứa,
Đá nhọn lô nhô giữa cỏ cây.
Vua đang mong gặp người nhân đức,
Để trừ loạn giặc đất miền tây.

242

Qua sông Hữu

(Bài hai)

Nhớ trước hai lần đã đến đây,
Ngồi ngắm mặt trời lặn phía tây.
Núi non, sông nước nguyên như cũ,
Cảnh vật và người đã đổi thay.
Ngọn tháp bên chùa vương khói nhạt,
Như ngọc, sương chiều trên lá cây.
Lòng trời nếu chẳng tha gian tặc,
Thì hãy giúp vua thắng trận này.

243

Đầu năm cam xúc làm thơ

Đã bảy mươi tư cái tuổi già,
Thâm mừng về lại đất ông cha.
Năm mới nhìn quanh, tìm cái mới,
Giàu sang chỉ có sách trong nhà.
Nhà trống trắng soi qua cửa sổ,
Bốn mùa trúc mọc tốt, xen hoa.

Ai đúng, ai sai, thôi chẳng nói.
Nhưng quả nông, lười, đích thực ta.

244

Từ quan, gửi thượng thư bộ lại Kế Khê Bá

Đếm tuổi, bây giờ quá bảy mươi,
Từ quan hơi muộn, thẹn với đời.
Không tham vàng bạc, không ham chức,
Tiếc không tài giỏi được như người.
Mong ông gắng sức phò vua, nước,
Riêng tôi sống ẩn, cứ chê cười.
Cùng ngược nhìn lên sao lão thọ,
Đang chiếu trời Nam, sáng khắp trời.

245

Mưa

Hòa hợp âm dương, thuận đất trời,
Đúng mùa, bất chợt có mưa rơi.
Như những giọt ân từ thượng giới,
Rạt rào tưới mát khắp muôn nơi.
Gặp hạn, dân chờ vua đến cứu,
Kẻ sĩ chung lưng để giúp người.
Mưa thuận gió hòa, điềm rất tốt,
Báo một thời bình, sống thảnh thơi.

246

Hai cây đa già ở bến Trung Tân

Người già làm bạn với đa già,
Nào biết mùa xuân, năm tháng qua.
Xum xuê, to khỏe, luôn tươi tốt,
Nhớ tình đất nặng, giọt mưa sa.
Biết chẳng có tài làm cột đỡ,
Bóng mát xin che khắp mọi nhà.
Xin chớ đem so cùng gỗ tạp,
Búa rìu đâu dễ chặt thân đa!

247

Nỗi lòng người vợ có chồng nơi biên ải

?

Ngoài vườn gió lạnh thổi từng cơn,
Thiếu phụ phòng khuê ngủ chập chờn.
Lặng lẽ thấm qua màn cái lạnh,
Càng làm tê tái nỗi cô đơn.
Chồng xa biên biệt ngoài biên ải,
Không tiếc sức mình, tính thiệt hơn.
Tỉ tách sau nhà, mưa nặng hạt,
Thủ thi bên tai tiếng giận hờn.

248
Tiếng thu

Buồn lạnh đêm thu thức một mình,
Giọt đồng hồ nước nhỏ lạnh canh.
Chợt nghe trong tiếng cây xào xạc
Có tiếng ai ngâm cảm thấu tình.
Ra tiếng than thân người vợ lính,
Trách chồng đeo đuổi nghiệp quân binh.
Muôn làm bài phú như Âu Tử,(1)
Chỉ e bất chước, bị đời khinh.

249

Ơ làng, viết tiễn các bạn cùng chí hướng

’
Vẫn được ân vua, dẫu bất tài,
Nhàn nhã bên trong, bận vẻ ngoài.
Học vấn còn thua bao kẻ sĩ,
Danh hờ vọng hão bị chê bai.
Người khác vẻ vang cùng bạn hữu,
Còn ta vui thú với tùng mai.
Mây xanh không cao bằng mây trắng,(1)
Khỏi bàn ai đúng hoặc ai sai.

250

Đêm cuối năm, tức sự

Năm mới đến rồi, năm cũ qua,
Rõ thật thờ ơ cái tuổi già.
Thiên nhiên không của riêng ai cả,
Đất trời bất tận lá và hoa.
Hai phen từng đã phò xe chúa,
Nhiều lần việc nước vẫn đi xa.
Nay năm năm được cùng sông núi -
Quả trời ban thưởng lớn cho ta.

251

Xuân mới năm ất sơu, vui đùa làm thơ

Mùa xuân, trời đẹp, nắng chan hoà,
Xuân này ấm áp khác xuân qua.
Bạc đầu, bạn cũ thương ít gặp,
Đầu năm, mong một thật nhiều hoa.
Thân ngoài lo lắng, lời trong sách,
Ngâm thơ, ngắm cảnh, rượu ngà ngà.
Mong ngày trở lại đời Nghiêu Thuấn,
Dân thịnh, vua minh, hưởng thái hoà.

PHÙNG KHẮC KHOAN

Tác giả: Xem phần thơ bốn câu.

252

Tự thuật

Viết năm Quý mão (1543), lúc 16 tuổi

Tự biết mình đang tuổi học hành,
Đêm ngày phải học để thành danh.
Quý nhất trong nhà là quyển sách,
Chiếc cày là bút vẽ nên tranh.
Sự nghiệp phải đi đường ngay thẳng,
Làm người phải biết trọng thanh danh.
Làm con trước hết thờ cha mẹ,
Rồi sau mới nghĩ chuyện tung hoành.

253

Từ xa gửi cho bạn

,

Từ khi xa bác đến bây giờ,
Chẳng viết thư nhiều chỉ viết thơ.
Muốn bẻ cành mai(1), mai chưa mọc,
Bạn bè gặp mặt chỉ trong mơ.

Giang sơn xa cách tuy nghìn dặm,
Tấm lòng trung nghĩa chẳng thờ ơ.
Tài lớn cần dùng vào việc lớn,
Kẻ sĩ sao cam cứ đợi chờ?

254

Ngày đầu xuân

Viết năm Mậu Thân, lúc 21 tuổi

Vua mới ban cho lịch Mậu Thân,
Thế là lần nữa lại mùa xuân.
Lộc nhú, hoa tươi, gì cũng mới,
Lá biếc, non xanh, mây trắng ngàn.
Năm mới, mọi người thay cái cũ,
Đất trời vạn vật rất quen thân.
Xuân đến, mọi điều lành sẽ đến,
Cần chi cắt lượ giống đời Tần(1).

255

Đêm ba mươi tết

Đêm ba mươi tết, thức làm thơ,
Thức trọn suốt đêm, cứ thần thờ.
Trong thành đây đó đèn thấp sáng,
Ngoài ngõ nơi nơi rợp bóng cờ.
Nửa đêm khí lạnh còn chưa hết,
Canh ba trời bỗng ám bất ngờ,
Mai nở bên thềm như báo lịch,
Quả rằng Thiệu Tử giỏi thiên cơ.(1)

256

Đêm thu hoài cam

(Bài một)

Đồng hồ chảy chậm, mới canh ba,
Nỗi lòng ai hiểu thấu cho ta.
Đầu tháng thuyền trăng treo trước cửa,
Bâng quơ gió lạnh thổi vào nhà.
Lo nghĩ giúp đời không ngủ được,
Hết ngời đọc sách lại nhìn hoa.
Cái chí làm trai lo việc lớn,
Chứ đâu vui thú với đàn bà!

257

Đêm thu hoài cam

(Bài hai)

Lòng lo trăm mối cả ban ngày,
Huống gì đêm vắng giống đêm nay.
Lo hết sự đời, dân với nước,
Lo tình phụ mẫu báo sao đây.
Ôm gói Ôn Công(2) lo học tập,
Trong đầu chao nhẹ cánh chim bay.
Cái chí làm trai luôn vẫn vậy,
Phải lo gây nghiệp lớn sau này.

258

Đêm thu hoài cam

(Bài ba)

Gặp hứng, bất ngờ một ý văn
Lớn lên, theo bút cứ tuôn dần.
Đọc sách thấy người xưa xuất hiện,
Ngồi ngắm trăng tàn, nhớ bạn thân.
Sách mở mà rồi toan gấp lại,
Duỗi chân, ngại rét, lại co chân.
Giá có được tài như tạo hóa,
Xua hết mùa đông để đón xuân!

259

Leo núi buổi sớm

Sáng sớm vào rừng leo núi chơi,
Bình minh nhuộm đỏ phía chân trời.
Lau lách xếp hàng, đầu khế cúi,
Hoa nở, chim ca để đón người.

Cây cỏ thân quen như bạn cũ,
Mây gió gợi tình, phút thanh thoi.
Nào quản hang sâu, khe đá hiểm,
Ta quyết leo cao, đứng giữa trời.

260

Nghe sáo thổi giữa hoàng hôn

Nắng chiều nhuộm đỏ núi, chim bay,
Bất ngờ nghe sáo thổi đâu đây.
Du dương trong gió, khoan rồi nhạt,
Thổi "Lạc mai hoa" báo hết ngày.
Tiếng sáo làm vui lòng tráng sĩ,
Xua tan cái mệt của dân cày.
Nếu sáo đủ tài lui được giặc,
Chắc rằng vua sẽ thưởng cho ngay.

261

Sáng sớm qua Tây Đô(1)

Đô thành, trời rạng sáng xa xa,
Cảm hứng dạt dào khi ghé qua.
Tường đá bám rêu xanh ẩm mốc,
Long lanh suối nước, liêu la đà.
Năm tháng trôi đi, còn vết cũ,
Cảm hứng non sông vẫn mặn mà.
Cha con họ Hồ(2) giờ không thấy,
Chỉ thấy gió vờn trên mặt ta.

262

Tự thuật

Thẹn mình tài đức chẳng bằng ai,
Mà lộc cha ông cứ hưởng hoài.
Đầy hòm sách chứa hơn vàng bạc,
Ba đời đạo sáng, chẳng mờ phai.
Vận nước hết suy rồi lại thịnh,
Đời người giờ khổ, sương ngày mai.
Xưa nay vẫn thế - người có học,
Làm nên khanh tướng, bậc hiền tài.

263

Thương đời loạn

Đời dẫu đổi thay, nhưng Đạo không,
Thịnh suy, suy thịnh, cứ xoay vòng.
Chợ họp rồi tan, đâu họp mãi,
Hết kỳ xuân hạ, đến thu đông.
Kẻ ác vô vàn, không giết hết,
Người ngay ôm hận để trong lòng.
Nhưng bậc thánh nhân còn trở lại,
Giúp Đời hưng thịnh, Đạo thành công.

264

Khuyên người đi học

Chăm lo việc học phải do mình,
Trời không can dự việc nho kinh.
Người giỏi, dạy con thường đã khó,
Dễ gì đọc sách lúc đao binh
Học rộng, lòng thông, như suối chảy,
Cái tham tự bớt, sống yên bình.
Khi ít đam mê, lòng sẽ nhẹ,
Cần gì bổng lộc với quang vinh?

265

Nguyễn đán

(Viết năm Bình Thìn, lúc 29 tuổi)

Xuân đi, xuân đến tự xoay vần,
Lòng người háo hức với mùa xuân.
Núi sông cảnh đẹp như tranh vẽ,
Cỏ cây thay sắc đã bao lần.
Say đất, say trời, ta uống rượu,
Ngồi nhàn quán trọ viết thơ văn.
Cưỡi ngựa ngắm hoa là thú thích,
Hơn nhiều gà chọi ở Tràng An.

266

Hiếu

Hiếu là đạo lớn khắp gần xa,
Trăm điều đức hạnh đó mà ra.
Cái đạo làm con là báo hiếu,
Phụng dưỡng, tôn thờ bậc mẹ cha.
Chu Công, Ngưu Thuấn là gương tốt,
Đại hiếu, đại trung, nước lã nhà.
Còn ta, thật tiếc dù tâm niệm,
Chưa thể làm tròn đạo của ta!

267

Đi qua chỗ nước xiết ở Quang Bình(1)

’ ’

Vâng mệnh nhà vua đi việc công,
Gặp nơi nước xiết chẳng sờn lòng.
Muôn dặm đường xa không ngại khổ,
Trèo đèo vượt suối cứ như không.
Gánh vác trên vai là việc nước,
Treo đầu ngọn bút núi và sông.
Khi nước thái bình, mong hậu thế,
Lưu lại công danh được mấy dòng.

268

ơ nhà trọ gặp mưa, chờ tạnh

Định lên đường sớm, lúc tinh mơ,
Bỗng đâu mưa lớn, phải ngồi chờ.
Mưa tạnh, trong rừng chim líu ríu,
Ngoài đồng bò gặm cỏ non tơ.
Mây vương đầu núi, trời trong vắt,
Chân ngựa quen đường, bước nhón nhơ.
Trời đẹp thế này, điềm tốt đẹp,
Báo thời Nho thịnh, phát văn thơ.

269

Năm mới

Được mất ở đời, đều tại thiên,
Nuôi dưỡng lúc nhân khí hạo nhiên.(1)
Ngâm vịnh khác xưa, năm mới đến,
Bất ngờ mai nở trắng ngoài hiên.
Hương hỏa ba sinh duyên kiếp trước,(2)
Muôn quyển Thi Thư ấy bạn hiền.
Mừng thời vận tốt, mừng năm mới,
Thêm một tuổi xuân, một tuổi tiên.

270

Tháng Ba

Bốn mùa thay đổi, đến rồi qua,
Nhưng đẹp hơn nhiều là tháng Ba.
Mưa rụng hoa vàng, hồng hạnh đỏ,
Liễu xanh, huệ nở trắng sau nhà.
Dưới chân đàn Vũ(1) lòng thư thái,
Trước đình Tu Hệ(2), lễ bày ra.
Cây xanh đổ bóng, trưa râm mát,
Ve sầu bắt chợt khúc ngân nga.

271
Cây chuối

Mọc trên đất tốt sát bờ hiên,
Hàng chuối thật yêu và thật hiền.
Như châu lộp độp, mưa trên lá,
Đung đưa cánh quạt, xóa ưu phiền.
Công danh, bổng lộc không tơ tưởng.
Nuôi chí trong lòng, đức với duyên.
Lại thăm ân trời và lộc đất,
Hàng đàn con cháu cứ vươn lên.

272

Tự xưng, tự họa

Kinh Thi chưa kịp đọc nhiều lần,
Đi sứ bất tài, thật khó khăn.
Nhưng được vua giao, dù tuổi tác,
Lên đường, không gợn chút băn khoăn.
Thành đô ngoái lại nhìn lưu luyến,
Thẹn mình chưa hiểu hết thơ văn.
Cố đem trung nghĩa làm nên việc,
Để có hòa bình, đỡ khổ dân.

273

Đêm đông ơ công quán cam xúc

Thu qua, đông đến, luật xoay vòng,
Đêm vắng lâu cao chợt chạnh lòng.
Tình nghĩa, dẫu xa, trăng vẫn đợi,
Chuông chùa làm tỉnh mộng đêm đông.
Phương Bắc tuyết tan, xuân sắp đến,
Trời Nam mây trắng ngoài về trong.
Ân vua như biển chưa đền đáp,
Thâm hô "vạn tuế" tỏ lòng trung.

274

Qua hồ Bà Dương (1)

Lư Sơn trùng điệp, núi nhấp nhô,
Bà Dương hồ rộng, sóng lô xô.
Trời nước mênh mông trong nắng nhạt,
Soi bóng hoa sen, những chiếc đò.
Họ Lã(2) qua đây trên cánh hạc,
Ông già họ Phạm(3) mái chèo to.
Ai lòng nông cạn, nhìn không rộng,
Sẽ không hiểu hết cảnh núi hồ.

275

Thơ mừng năm Bính Tuất

Vâng chiếu nhà vua đi sứ xa,
Nay đúng mùa xuân, trở lại nhà.
Theo gót anh tài đi đây đó,
Mở mày, mở mặt với người ta.
Mới biết mùa đông, từng khí phách,
Và mai đẹp nhất các loài hoa.
Nay việc đã xong, chào thiên tử,
Ta lại trở về nước Nam ta.

TRẦN LÔ

Tác giả: Sinh 1470, mất 1540, người thôn Bình Vọng, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây ngày nay. Ông đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ năm 1502, đời vua Lê Hiến Tông, làm quan đến chức Hiến sát sứ. Năm 1505 được cử đi sứ Trung quốc. Tác phẩm chỉ còn lại vài bài thơ.

276

Qua cửa ai, bày to nỗi lòng

’ ’ ’

Vua sai đi sứ, những lo thầm,
Nhưng chẳng chối từ việc khó kham.
Ngày đục ngựa đi lên phía Bắc,
Đêm nằm mơ nhớ cõi trời Nam.
Lòng trung báo nước luôn suy nghĩ,
Mưu kế lợi nhà chẳng để tâm.
Chỉ mong xong việc, khi quay lại,
Nước nhà yên ổn thịnh nghìn năm.

VŨ CÁN

Tác giả: Sinh 1480, mất năm nào không rõ, tự là Tùng Hiên, người làng Mộ Trạch, nay thuộc huyện Cẩm Bình, Hải Dương. Vũ Cán là con tiến sĩ Vũ Quỳnh. Ông thi đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân đời Lê Hiến Tông, làm quan với nhà Mạc đến chức Thượng thư bộ Hình. Từng đi sứ Trung Quốc, nổi tiếng văn tài, xuất khẩu thành chương. Bảy mươi tuổi, ông về hưu và nghỉ ở quê nhà cho đến lúc qua đời. Tác phẩm có "Tùng Hiên thi tập" và "Tứ lục bị lãm".

277

Cây đa ở khe Đồng Cách

Bên khe Đồng Cách cạnh bờ đê
Có cây đa lớn lá xum xuê.
Nhờ ơn mưa móc, luôn xanh tốt,
Mọi người được hưởng bóng cây che.
Khách nghỉ đường xa, xua cái mệt,
Đồng vắng con chim có chỗ về.
Vốn thích sông Nghi cùng gió Vũ,(1)
Ta nay chợt hứng, viết thơ đề.

278

Năm mới viết chơi

Quanh năm sách vở chất đầy phòng,
Tính lười, sống nhạt giống sư ông.
Muốn lui ở ẩn mà chưa được,
Chức quan nho nhỏ vẫn đèo bông.
Nhà chẳng có gì, không sợ trộm,
Hợp đời, hợp đạo dễ thành công.
Ởn vua như núi, tài không có,
Chưa báo đền xong, thẹn với lòng.

279

Trầu cau

Mở đầu câu chuyện miệng trầu con,
Nước đỏ trên môi, miệng cay dòn.
Đậm nhạt mùi đời từng biết hết,
Nóng lạnh tình ai, vị vẫn còn.
Dầu đắng và cay, đời vẫn quý,
Tiếng tốt lưu truyền với nước non.
ở ẩn, làm quan, chung cảnh ngộ,
Trước sau như một tấm lòng son.

280

Sự thận trọng

Việc mình không nói lộ ai hay,
Đạo Nho vẫn dạy thế điều này.
Rằng nên thận trọng, nên im lặng,
Cả khi sống ẩn giữa rừng cây.
Chính nó giúp người làm việc lớn,
Công thành, danh toại cũng từ đây.
Không tự dối lòng, không hấp tấp,
Là người quân tử, đạo người ngay

NGUYỄN THIÊN

Tác giả: Sinh 1495, mất 1557, hiệu Cảo Xuyên, quê làng Canh Hoạch, huyện Thanh Oai. Ông đậu trạng nguyên năm 1532, làm quan triều Mạc tới chức Thượng thư bộ Lại kiêm đề nghị sử. Về sau cùng Lê Bá Ly quay lại phò tá nhà Lê, được phong tước Quận công. Ông là bạn thân với Nguyễn Bình Khiêm, đỗ trước một khóa. Tác phẩm còn lại năm bài trong "Toàn Việt thi tập".

281

***Ngày xuân, họa vãn thơ
của Mạc Đăng Doanh***

,

Mùa xuân nắng dịu, bướm và hoa,
Chúa xuân mang lộc đến muôn nhà.
Khí thuận, gió hòa, trời ấm áp,
Bồn bề chim chóc líu lo ca.
Đang độ "Tam Dương"(1) thời tiết đẹp,
Muôn loài hưởng lộc khắp gần xa.
Nước thịnh, vua minh, đang vận tốt,
Dân chúng nơi nơi hưởng thái hoà.

282

Tiền Đào Nghiễm đi sứ bắc

Trông bác chưa già, khoảng sáu mươi,
Góp sức hai ta gánh việc đời.
Tôi thẹn trước mình thi nhất bảng,
Giờ bác ra đi sứ nước người.
Gặp nguy lòng dạ không thay đổi,
Trung hiếu đôi đường vẹn cả đôi.
Việc thành mong bác ngày quay lại,
Lưu truyền tiếng tốt khắp muôn nơi.

LÊ BÁ LY

Tác giả: Sinh 1476, mất 1557, người làng Cự Phạm, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa, là võ tướng dưới quyền chỉ huy của Mạc Đăng Dung, sau được phong làm Thái Tế. Do bị Phạm Quỳnh dèm pha, Mạc Phúc Nguyên định hại ông, nên ông buộc phải chống lại nhà Mạc và quy phục nhà Lê, rất được trọng dụng. Tác phẩm chỉ còn lại một bức thư chữ Nôm và bài thơ chữ Hán dưới đây.

283

Tiền quan thiếu sự Trần Tiễn Sinh(1) hưu trí

Đức ông như biển rộng bao la,
Cùng tôi gánh vác việc sơn hà.
Trong giúp triều đình yên xã tắc,
Ngoài lo biên giới được yên hòa.
Công lớn sách ghi, gương còn đó,
Giờ ông bảy chục, sống quê nhà.
Hẹn ông có dịp Kỳ Anh hội,(2)
Chống gậy nói cười, ta với ta.

BÙI BÁ CHIẾN

Tác giả: Chưa rõ năm sinh năm mất, giữ chức tri phủ rồi đến chức Doanh tán lý thụ ty luân ở huyện Giao Thủy triều Mạc, người làng Ôn Khê nay thuộc Lạng Sơn. Tác phẩm còn năm bài thơ trong "Toàn Việt thi lục"

284**Tết Nguyên Đán**

Sáng hô vạn tuế chúc nhà vua,
Chiều dạo ngắm xuân, vãn cảnh chùa.
Thiếp vàng dâng chúc người thi đỗ,(1)
Mâm đồng ngày tết chỉ tua rua.(2)
Đất nước thanh bình, thời vận tốt,
Muôn loài gợi hứng cứ tranh đua.
Nâng cốc mọi người nay mạnh khoẻ,
Người nào mai uống rượu đồ tô?(3)

ĐÀO NGHIÊM

Tác giả: Sinh 1496, mất năm nào không rõ. Tự Nghĩa Xuyên, người làng Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Năm 28 tuổi thi đỗ Hội nguyên đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân, đời vua Lê Cung Hoàng. Ông làm quan cho nhà Mạc, từng làm chánh sứ sang Trung Quốc, sau về được phong chức Tả thị lang bộ Binh, kiêm Đông các đại học sĩ. Tác phẩm có: "Nghĩa Xuyên quan quang". "Toàn Việt thi lục" có 27 bài.

285

Thơ đi sứ

Lên đường đi sứ phía thành đông.
Bình minh như nước, trời xanh trong
Người đi, ngựa hý qua cầu liễu,
Bến đò, gió thổi áo choàng lông.
Bạn bè uống tiễn vài ba chén,
Trời quang, đường rộng thanh thoi lòng.
Dừng ngựa ngoái nhìn, gần trước mặt,
Tràng An chìm giữa đám mây hồng.

286

Trên đường qua Lạng Sơn

Bôn bề rừng núi một màu xanh,
Đường dài, trống đã điểm sang canh.
áo gấm dưới trăng trông lấp lánh,
Ngựa quý xông pha, rẽ lá cành.
Vẫn tự nhắc mình không ngại khổ,
Không quản đường xa, miễn việc thành.
Thầm mừng thấy trúc bên bờ suối,
Như báo cho ta điềm tốt lành.

287

Qua Liễu Châu nhớ Liễu Tông Nguyên(1)

Đường qua Ngũ Lĩnh(2) uốn quanh quanh,
Bỗng buồn man mác, núi xanh xanh.
Cây sậy bên khe sương lấp lánh,
Mé rừng quả quýt nắng long lanh.
Đường tới Hà Đông(3) xa tít tắp,
Trên lầu đứt ruột, thức năm canh.
Liễu Tông Nguyên chết đời buồn hẳn,
Thành hoang, mây nước vẫn nguyên lành.

288

Đi thuyền trên đất Tư Minh(1)

Ngẫu nhiên có việc, ghé Tư Minh,
Thuyền lướt trên sông, thật gợi tình.
Nước trắng một dòng như giải lụa,
Như chiếc trâm cài vệt núi xanh.
Mây nhỡ như bay theo cánh nhọn,
Gió đưa tiếng vượn hót bên ghềnh.
Làm trai nghĩa lớn đi đây đó,
Vẫy vùng cho thỏa chí bình sinh.

289

Nghỉ đêm ở trạm Pha Lũy(2)

,

Hết núi rồi sông, ngày lại ngày,
Người ngựa dừng chân nghỉ lại đây.

Tiếng suối rì rầm xen giấc ngủ,
Ngoài thềm trăng dọi bạc hàng cây.
Lòng trung với nước xin trời biết,
Không dám kêu ca lạnh xứ này.
Giấc mộng quấn quanh về cố quốc,
Đến tự nơi nào cơn gió tây?

GIÁP HẢI

Tác giả: Sinh 1507, mất 1581, còn gọi là Giáp Trùng, hiệu Tiết Trai, tự Tiêm Phu, người xã Định Kế huyện Phượng Nhân nay thuộc huyện Lạng Giang tỉnh Hà Bắc. Năm 32 tuổi đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ nhất danh (trạng nguyên). Từng đi sứ Trung Quốc, làm quan tới chức Thượng thư bộ Lại kiêm Đông các đại học sĩ. Ông là bạn thân của Nguyễn Bình Khiêm, và là một danh sĩ có tài hết lòng phù giúp cho cơ đồ nhà Mạc. Tác phẩm có "Cổ kim ứng đáp bang giao tập" và khoảng vài chục bài thơ chữ Hán.

290

Thăm Lam Sơn(1) ngẫu hứng làm thơ

(Bài một)

Đi đến Lam Sơn, kiệu với thuyền,
Thành quách một bên, làng một bên.
Gặp phường dệt vải đang tìm việc,
Thấy hồ xanh biếc mọc đầy sen.
Cổ kính đất trời, cây hạc đậu,
Ngày dài tháng rộng phượng bay lên
Nhìn tám bia mòn, buồn, tưởng nhớ
Công đức bình Ngô bậc thánh hiền.

291

Thăm Lam Sơn, ngẫu hứng làm thơ

(Bài hai)

Trở lại thăm quê bậc đế vương,
Người Kinh ở lẫn với Mán Mường.
Miếu cũ oanh kê, chim nhạn lượn,
Rừng già cây cỏ nức mùi hương.
Sông bồi, núi lở luôn thay đổi,
Đất trời sống mãi với quê hương.
Tìm mãi cảnh xưa mà chẳng thấy,
Chỉ thấy bông mai nở cạnh đường.

292

Họa vãn đáp lại Trì nh quốc công

Nguyễn Bình Khiêm

(Bài một)

Giúp vua mưu lược bấy lâu nay,
Như các anh hào Hán trước đây.

Vốn chẳng tham danh cùng phú quý,
Thích cảnh thiên nhiên với cỏ cây.
Thơ xuân bút họa nằm trên án,
Đàn ngọc đêm trăng, chén rượu đầy.
Vời vợi công lao như núi lớn,
Làm gương thiên hạ mãi sau này.

293

Hoạ vãn đáp lại Trì nh Quốc Công

Nguyễn Bình Khiêm

(Bài hai)

Vẹn cả ba đường: đức, tuổi, công,(1)
Cúi xuống, nhìn lên chẳng thẹn lòng.
Chí khí oai phong xua kẻ ác,
Văn thơ tài rộng tựa dòng sông.
Sôi kinh nấu sử, thơ hàng tập,
Nhà tre thanh đạm, nguyệt bên song.
Đại lễ, Hoàng chung vang vọng mãi,(2)
Muôn thuở lưu danh đức với công.

294

Qua Lam Sơn, ngẫu hứng làm thơ

Leo núi Lam Sơn, tay gạt mây,
Thu trong tầm mắt cảnh miền tây.
Phía trước lâu đài như phượng múa,
Sông hồ bên phải tựa rồng bay.
Bốn mùa xuân sắc, mưa xanh liểu,
Phảng phất hương sen suốt cả ngày.
Ngẫm việc ngày qua thi hứng gợi,
Bản thân ngắm cảnh, tựa thân cây.

VŨ CẢN

Tác giả: Sinh 1522, mất năm nào không rõ, tự Đôn Phu, người làng Lương Xá, huyện Lương Tài tỉnh Bắc Ninh. Ông là em trượng nguyên Vũ Kính, đỗ tiến sĩ năm 1556 triều Mạc Phúc Nguyên. Từng đi sứ Trung Quốc, sau về được phong chức Thượng thư, tước Xuân Giang hầu. Tác phẩm có "Tinh thiều kỹ hoành" và 100 bài thơ trong "Toàn Việt thi lục".

295

Trạm Pha Lũy

Sấp qua Pha Lũy, ngựa phi nhanh,
Để lại dấu chân các cổng thành.
Suối chảy hai dòng vang tiếng ngọc,
Vạn trùng núi biếc một màu xanh.
Sáng gà gáy đục đoàn đi tiếp,
Chưa gặp người xe, chim lượn quanh.
Mừng thấy đường thông, mong trở lại,
Mang được tin vui, việc tốt lành.

296

Trạm Minh Giang

Tư Minh, thị trấn ở Bắc Yên,
Ra đi, tính đã mấy ngày liền.
Uốn khúc, dòng sông như dát bạc,
Non cao, núi đẹp tựa thần tiên.
Dân cư trù phú, nhà đông đúc,
Tấp nập người xe khắp mọi miền.
Mới ngủ một đêm nơi quán khách,
Sáng mai vội vã lại lên thuyền.

297

Trạm Đà Sài

Khi tới đây, mặt trời đang chiều sáng, gió nhẹ thổi từ phía Tây Bắc, bỗng nghe tiếng nước chảy từ xa văng tới, bèn ngẫu hứng làm bài thơ Đường luật này.

Đi qua Đà Phác, đến Đà Sài,
Sương mù dày đặc buổi ban mai.
ánh nắng mùa đông vàng, yếu ớt,
Gió mùa Tây Bắc lạnh lòng ai.
Vòng quanh, suối chảy xuôi về núi,
Như đàn thanh thót vẳng bên tai
Làm khách đường xa thơ chợt hứng,
Rót rượu băng khuâng đứng thở dài.

298

Trạm Phu Môn ở Tâm Dương

Phủ Môn, trạm nhỏ ở Tâm Dương,
Bốn phía bao quanh những lớp tường.
Dưới sông tiếng mái chèo khua nhẹ,
Trong làng mờ ảo bóng hàng dương.
Chợ sớm đông người, nhiều gấm vóc,
Xe ngựa chen nhau những nẻo đường.
Để lại đời sau gương thánh đạo,
Còn lưu bia đá miếu Quân Tương.

299

Chùa Phi Lai

Trên đỉnh núi có chùa Sư Tử đá, bên phải chùa có suối Định Tâm, đá tạc thành miệng rồng đang phun nước. Đình Áp Tuyền có biển đề thơ Tô Đông Pha. Nhiều khách sứ thần Nam Bắc cũng đề thơ ở vách núi này.

Chùa cổ Phi Lai thật tĩnh yên,
Bụi trần không vướng, lạ mà quen.

Núi đỏ, nước xanh nơi thượng giới,
Rêu xám, sơn son chốn cửa thiền.
Lặng lẽ con rồng phun nước lạnh,
Quanh chùa đá tựa hổ chồm lên.
Bên tên Tô Thức đề trên vách,
Nhiều người qua lại cũng đề tên.

300

Trạm Hoàng Thạch Kỳ

Buổi sáng lên thuyền đi dọc sông,
Vạt áo khách xa gió thổi phồng.
Nước cạn và trong, không thấy cá,
Núi cao vắng nhận trời xanh trong.
Phía hang Dương Cốc(1) bình minh mọc,
Núi Thái Hàng(2) mây trắng bập bồng.
Tấm lòng tận tụy trời soi xét,
Mong ngày trở lại, việc thành công.

301

Qua Lĩnh Trung, cam tác

’

Trạm có biển đề "Dũ Lĩnh phân xuân", nghĩa là núi Dũ Lĩnh chia mùa xuân thành hai. Dọc đường đi có nhiều thông, trước Mai Quan có chùa Quả Giác và đình Túc Kiên.

Nơi núi chia xuân là Lĩnh Trung, (1)
Từ xưa đã thuộc phủ Nam Hùng.
Mai Quan dấu ngựa in trên tuyết,
Lối nhỏ nắng xiên rợp bóng tùng.
Túc Kiên đình cổ hây hây gió,
Quả Giác chùa cao mây trập trùng.
Ngoái trông đất Việt xa nghìn dặm,
Chỉ thấy xa xa một áng hồng.

302

Trạm Tiểu Khê

Nhìn xuống bờ khe rợp bóng cây,
Cả thành Bách Tính chìm trong mây.
Bướm hồng, rêu xám, nhà đông đúc,
Chim oanh hót giữa tán cây dày.

Dưới sông nước lặng, thuyền san sát,
ùn ùn mây kéo phía trời tây.
Xe vừa tới trạm nhưng nhớ chuyến,
Đành ở lại đây thêm nửa ngày.

303

Trạm Kim Xuyên

Bờ sông bên hữu đối diện với trạm là thành Tân Kim. Mé đông thành có nhà đọc sách của Đào Khản với tấm bia đá còn lưu lại.

Đường từ Ngọc Giáp đến Kim Xuyên,
Xuân về, cảnh đẹp tựa thần tiên.
Biển đồng còn đó nhà quan huyện,
Tấn thư(1) bia đá vẫn lưu truyền.
Sáo chài văng vẳng đêm trăng sáng,
Vạn dặm sông xuân nhẹ lướt thuyền.
Mong được bình an, xong việc lớn,
Trở về, dân chúng sống yên bình.

304

Trạm Triết Giang

Từ Hội Giang thuyền đi Triết Giang,
Ruộng xanh tí tấp, nước mênh mang.
Buồm căng gió thổi thuyền trôi nhẹ,
Bên ngoài triều lớn sóng âm vang.
Trên núi chuông chùa lay bóng nguyệt,
Dưới sông phơi lưới nắng ươm vàng..
Buông chèo, nhìn phía Hàng Châu phố,
Hoa sen mùi dậm thoảng mùi hương.

305

Trạm Cô Tô

*Phía tây có chùa Hàn Sơn, phía nam có
hồ Thái Hồ thuộc đất Đông Ngô xưa.*

Núi non hùng vĩ cảnh Cô Tô,
Ba sông vững mạnh dựng cơ đồ.
Lan can khảm ngọc, cầu như vẽ,
Gác phượng lầu son đẹp đất Ngô.
Nửa đêm chuông ngọc Hàn Sơn điểm, (1)
Quyện với trăng khuya nước Thái Hồ.
Danh thắng Bắc Yên về mọi mặt,
Đầu tiên phải kể đến Cô Tô.

NGUYỄN THỰC

Tác giả: Sinh 1555, mất 1637, hiệu Tiết Trai, tự Phác Phù, người làng Vân Diêm, nay thuộc Đông anh, Hà Nội. Ông thi đỗ đình nguyên năm 1595, giữ chức Đô cấp sự Hộ khoa, rồi Hồng lô tự khanh. Năm 1606 làm chánh sứ thứ hai sang Trung quốc. Lúc về được thăng Tả thị lang bộ Lễ, tước Phụng lan hầu. Năm 1617 làm thượng thư bộ Hình kiêm Hàn lâm thị độc. Năm 1367 được tôn làm Quốc lão tham dự triều chính. Theo Phan Huy Chú, ông là người tiết độ, trong sạch, xứng đáng danh thân. Tác phẩm có 17 bài trong "Toàn Việt thi lục".

306

Ngắm cảnh chiều giữa sông

Thuyền qua bến Tú (1) cảnh thần tiên,
Trời nước xanh trong một giải liền.
Chim xếp thành hàng bay lạng lẽ,
Phao chài trên sóng, nước bình yên.
Nguyên Long(2) chí lớn như sông biển,
Tư Mã(3) chu du khắp mọi miền.
Sắp đến kinh thành, nghe tiếng hát,
Khách nghe xao xuyến, phải dừng thuyền.

NGUYỄN DANH THẾ

Tác giả: Sinh 1572, mất 1645, người làng Xuân Hội huyện Chương Đức, nay thuộc tỉnh Hà Tây, thi đỗ tiến sĩ năm 1595, lúc mới 24 tuổi. Nhà Mạc mời mấy lần nhưng không chịu ra làm quan. Sau làm Hiến sát sứ Sơn Tây cho Trịnh Tùng, rồi được thăng làm Đô cấp sự trung trong phủ chúa. Năm 1606 đi sứ Trung Quốc, về được thăng Hữu thị lang bộ Lại, rồi Thượng thư bộ Công và cuối cùng là Đường quận công. Tác phẩm còn 4 bài trong "Toàn Việt thi lục".

307

***Tự thuật lúc lên đường đi sứ phương Bắc, hoạ vần thơ
của chánh sứ Nguyễn Phác Phu***

Đời thịnh, thi tài đậu đại khoa,
Lại được vua cho đi sứ xa.
Cưỡi ngựa đường Chu, phong cảnh đẹp,
Dong thuyền sông Hán, nước lồng hoa.
Ngựa béo, người no, lòng phấn chấn,
Gắng sức cùng lo việc nước nhà.
Chữ hiếu, chữ trung mong giữ trọn,
Nhọc nhằn, nguy hiểm chẳng kêu ca.

NGUYỄN ĐĂNG

Tác giả: Sinh 1576, mất 1657, người làng Đại Toán (làng Tỏi), nay thuộc huyện Quế Võ tỉnh Hà Bắc. Năm 26 tuổi đã đỗ đầu chế khoa, nổi tiếng học vấn sâu rộng, thơ văn được người đương thời truyền tay nhau chép lại. Năm 1613 được cử làm chánh sứ thứ hai sang Trung Quốc, làm nhiều thơ được các quan Trung Quốc và triều Tiên rất khen ngợi. Về nước, ông được phong làm Tả thị lang bộ Hộ, mấy năm sau về hưu, mở lớp dạy học tại làng. Học trò ông có nhiều người hiển đạt. Tác phẩm lưu được gồm một bài phú và bốn bài thơ. Hiện còn ngôi đền thờ ông ở quê nhà và được xếp hạng di tích lịch sử.

308

***Hoạ bài thơ "Trông trúc trước cửa sổ" của Lý Đẩu
Phong, sứ thần nước Triều Tiên.***

Thoát tục, dịu dàng, dạn gió sương,
Khoáng đạt, thanh cao, thật khác thường.
Gió thổi xạc xào như tiếng ngọc,
Trăng vàng dát lá húng vãn chương.
Cảnh cao phượng đậu, cảnh thêm đẹp,
Măng mọc như rồng, thật dễ thương.
Đúc hạnh, cao sang và quân tử,
Hàng trúc xanh xanh đứng vệ đường.

PHẠM QUÍ THÍCH

Tác giả: Sinh năm 1760, mất 1825, tự Dữ Đạo, hiệu Lập Trai, người xã Hoa Dương, nay thuộc huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Năm hai mươi tuổi thi đậu tiến sĩ, năm 23 tuổi đã trải qua các chức Hàn lâm viện hiệu thảo, Kinh Bắc đạo giám sát ngự sử thuộc Ngự sử đài, kiêm sai tri công phiên. Khi Tây Sơn ra bắc, ông về Kinh Bắc ở ẩn, sau ra làm quan cho Gia Long. Ông là bạn thân của Nguyễn Du và viết đề từ cho Truyện Kiều. Tác phẩm gồm "Thảo Đường thi nguyên tập", "Lập trai văn tập", "Thiên nam long thủ lục" Và "Chu dịch vấn giải toát yếu"

309

Đêm cuối cùng vào tháng cuối xuân

Trong vườn mưa nặng hạt, tan mây,
Bên ao lặng lẽ lá rơi đầy.
Xuân đã đi qua, không giữ lại,
Chim buồn đang hót giữa lùm cây.
Khách thơ trần trọc đêm không ngủ,
Nỗi nhớ bạn hiền chẳng phút khuây.
Một tấm lòng trung, lo việc nghĩa,
Cam đoan xin có ngọn đèn này.

310

Đề nơi ơ

,

Âm dương, trời đất thật hài hoà,
Bốn mùa cây nẩy lộc, đâm hoa.
Vườn nhỏ đêm thanh trăng chiếu chếch,
Then cửa không cài, đón gió xa.
Hứng lên, bày rượu mời tân khách,
Hoặc sai con trẻ kíp pha trà.
Muôn đứng hay nằm tùy ý thích,
Ríu rít chim oanh hót khắp nhà.

311

Thăm chùa Trấn Quốc ở Hồ Tây

Bên hồ chùa nhỏ, nước xanh trong,
Cổ thụ, dây leo, đá xếp chồng.
Nơi vua Trần xưa ngồi nhìn cá,
Bây giờ còn lại bãi đất không.
Trời tạnh, mặt hồ như gương sáng,
Mười dặm hoa sen tỏa hương nồng.
Không phải quy y và đôn ngộ, (1)
Đến đây cốt để thanh thoi lòng.

312

Rét đầu xuân

Đầu xuân rét đậm, trời đầy sương,
Mưa bụi lay rây thấm ướt đường.
Việc công chưa đến, cài then cửa,
Việc tư không vội, ngủ trên giường.
Tỉnh dậy thấp đèn xem sách cổ,
Trước bụi trúc già thấp nén hương.
Cây tùng trước ngõ luôn xanh tốt,
Gió mưa, giá rét vẫn xem thường.

313

Ngu dậy, ngẫu nhiên thành thơ

,

Mùa đông tùng bách vẫn tươi xanh,
Mùa xuân đào nở đỏ trên cành.
Chuyện "Mộng kê vàng" ai cũng biết,
Đừng than đầu bạc, việc chưa thành.
Ở đời không lẽ không gì trọng,
Thánh hiền vô cơ chẳng thành danh.
Tỉnh dậy, ngoài sân vừa đứng bóng,
Tựa ghế một mình, nghĩ quẩn quanh.

314

Mừng trời mưa

Mưa lớn suốt sáng nay,
Xua cái hạn lâu ngày.
Sách và đàn ẩm ướt,
Sân vắng chim chóc bay.
Hoa sen hương thơm ngát,
Lá chuối ướt lung lay.
Chắc ngoài đồng ruộng mạ,
Đang lớn nhanh từng giây.

315

Đêm đông

Gió rên rĩ ngoài đường,
Tiếng dế kêu thê lương.
Không ngủ, đèn le lói,
Lá rụng, thâm đầy sương.
Vớ tay lấy sách đọc,
Đốt thêm trầm lò hương.
Thời vận vốn như vậy,
Việc gì phải vẩn vương.

316

Đêm cuối năm, thức chờ giao thừa

Kinh Kỳ, trời âm dần,
Một mình trong phòng văn.
Nhìn chằm sao mờ nhạt,
Chờ năm mới đến dần.
Điểm lại thơ đã viết,
Uống rượu, đếm thời gian.
Chợt trong cung pháo nổ,
Mọi nhà bước vào xuân.

317
Mừng thấy mưa

Gió từ khe núi thổi qua sông,
Mây kéo ùn ùn, báo sắp đông.
Cuối cùng hết hạn, mưa đang đến,
Mang lại xanh tươi cho ruộng đồng.
Giật mình tỉnh dậy nơi đất khách,
Uống cạn mừng mưa, chén rượu nồng.
Như vậy không còn lo hạn nữa,
âm âm sấm chớp phía đằng đông.

318

Ngồi trong đêm, diễm ta nỗi lòng

?

Một mình, đèn le lói,
Trăng khi tỏ, khi mờ.
Chợt bên sông tiếng mõ
Làm quạ kêu vu vơ.
Dịch, Đồ không ai hỏi,(1)
Không ngủ, nằm xem thơ.
Từ khi về ở ẩn,
Yếu, bệnh đến bây giờ.

319

Ngóng mưa

Gió lặng, trăng rất sáng,
Trời không mây, xanh trong.
Nghĩa là vẫn còn hạn,
Quang cảnh thật đau lòng.
Thương những người khôn khổ,
Thẹn mình, đành ngồi không.
Mong trời cho mưa xuống
Để cứu giúp nhà nông.

320

*Đi theo hướng tây, đường tắc nghẽn, quay lại chuyển
sang hướng Bắc kinh thành về thăm cha mẹ*

Khắp nơi giặc dã, phải đi vòng,
Lặng lẽ bước đi, lệ chảy dòng.
Ven hồ gió thổi, lau xào xạc,
Chập chờn nắng lạnh giữa dòng sông.
Báo đền nợ nước, sầu muôn thuở,
Sống nhờ kẻ khác, kiếp long đong.
Nghĩ thương cha mẹ thân côicút,
Con vắng, hàng ngày tựa cửa trông.

321

Cam hoài nơi quán trọ

Xóm buồn, quán trọ ít người qua,
Vườn vắng, ve kêu dưới nắng tà.
Chém giết lẫn nhau đâu cũng thấy,
Đất rộng sông dài, cảnh xót xa.
Vài cánh quạ bay như nét chấm,
Mục đồng đầu ngõ hát ê a.
Từ quan hay ở, đều không ổn,
Việc nước đan xen với việc nhà.

322

Nỗi lòng lúc tan bộ dưới trăng đêm thu

Chập chờn Thái Miếu quạ bay quanh,
Trăng non soi sáng nửa kinh thành.
Hồ sen nước lượn như đai bạc,
Bên chùa sương ướt khóm tre xanh.
Ngước nhìn quê cũ, mây che khuất,
Buồn bã sau lầu tiếng trống canh.
Giá nước sông Ngân ai lấy được,
Rửa sạch cho đời máu chiến tranh.

323

Cam hứng ngày xuân nơi thôn xóm bên sông

’
Về đây chạy loạn lúc can qua,
Đi dạo đầu xuân, ngắm cỏ hoa.
Một mình vườn rộng nghe chim hót,
Ao sâu cá quẫy, liêu la đà.
Thuận chân có lúc thăm hàng xóm,
Lúc nhàn, đi dạo tới chùa xa.
Lo cúc ở qu không nở được,
Cứ hễ mùa xuân lại nhớ nhà.

324
Thu buồn

Chẳng thiết quan tâm đến tiết trời,
Cay đắng tha phương ở xứ người.
Ngong ngóng về quê, toàn mây trắng,
Bè bạn ít dần, người một nơi.
Tuổi già đau ốm còn phiêu bạt,
Vì chút hư danh hại cả đời.
Bài phú "Tiếng thu" không viết nổi,
Gió lùa chạnh lạnh, lá vàng rơi...

325
Đâu xuân

Chuyện đời tâm sự biết ai nghe.
Nước mất, nhà tan, bệnh nặng nề.
Nhưng lúc này đây xuân đang đến,
Đầy rừng hoa nở, nước đầy khe.
Cảnh đẹp nghìn thơ không nói hết,
Đời đau một rượu đã say nhè.
Trong suối hoa đào đâu cũng có,
Ngư ông chẳng phải kiếm đường về.(1)

326

***Một môn sinh tre tuổi xin thơ xuân, viết bài này để đáp
, lời***

Việc học nên lo sớm, chớ lười,
Người xưa đã dạy, chớ buông lời.
Tuổi trẻ qua đi, không níu lại,
Học sách, học thầy chẳng phút ngơi
Công danh, tiền bạc đều bèo bọt,
Chữ trung, chữ hiếu nghĩa muôn đời.
Các thánh xưa nay thường vẫn dạy:
Phải lo lập nghiệp để thành người.

327

Thơ tức sự: từ tháng Tư đến tháng Sáu hiềm mưa

Năm ngoái mưa to, nước ngập đồng,
Năm nay hạn lớn, đất khô cong.
Nhà nhà đều đói, khoai trừ bữa,
Cỏ cây khô cháy, nắng oi nồng.
Quang gánh, cây bừa đều tạm gác,
Mọi người tím tím ngược mắt trông,
Thấy lính thu tô liền bỏ chạy,
Trăm bề cơ cực, khổ nhà nông.

328

Đêm tàn nghe mưa

Mưa thu, chợt hứng, lại ngâm nga,
Sai con xem kỹ cửa trong nhà.
Sợ bệnh, đành thôi không uống rượu,
Lo ăn, tính chuyện ruộng và gà.
Dồn dập mưa rơi trên tàu lá,
Tiếng chày giã gạo phía xa xa.
Nhà bên đã dậy, đèn le lói,
Đâu đây văng vẳng tiếng tù và.

329

Cam húng trước canh đồng nội

Phòng vắng trong lòng chẳng thanh thoi,
Dép cỏ ra ngoài dạo chút chơi.
Giữa đồng điểm nhỏ, cầu qua suối,
Lô xô dãy núi phía chân trời.
Thăm chùa đúng lúc sư cầu nguyện,
Bên ao ai nói: Cá hay người?(1)
Lũ trẻ học xong đang đùa nghịch,
Chỉ tỏ trời mây, nói lại cười.

330

Trên đường về kinh, nhớ canh cũ người xưa

Nước chảy mây trôi vẫn thế mà,
Chuyện mười năm trước chẳng nguôi ngoa.
Đường cũ thấy bia: "Mời xuống ngựa!"
Cây xưa ve đậu, hát ngân nga.
Tường cung quốc mẫu đầy râu phủ,
Phủ đệ vương quan bóng xế tà.
Dân thôn chẳng hiểu suy hay thịnh,
Hội hè phô diễn cái phồn hoa.

331

*Đi dạo trên con đường
nhỏ xuyên qua cánh đồng*

?

Buổi sáng, trời khô, dạo giữa đồng
Mờ mờ một dãy núi liền sông
Dân xóm chào thầy dù chẳng dạy
Ngoài đường trò cũ gặp rất đông.
Quạ kêu, sực nhớ quên đem rượu
Dải mũ, chân trần rửa nước trong(1)
Đang chợt hứng thơ, chưa thành ý
Đã thấy vi vu sáo mục đồng.

332

Đề thơ ơ ngôi chùa ngoài đồng

Không hề biết Tây Trúc,
Người nước Nam thuần phong.
Muốn nương nhờ cửa Phật,
Để giải tỏa nỗi lòng.
Nhưng lòng không giải được,
Hư tịch có mà không.
Đành ngồi dưới gốc nhãn,
Nghe chim hót ngoài đồng...

333

Núi Vệ Linh(1)

Ngựa sắt Thiên Vương(2) đã hóa rồng,
Núi thành tôn miếu đứng trên không.
Một ngôi chùa nhỏ kề bên cạnh,
Điệp trùng xanh biếc một rừng thông.
Trong núi dân làng chơi với hồ,
Hái sen thôn nữ nghịch ngoài đồng.
Trong chùa nhận nhịp người dâng lễ,
Bên ngoài, nắng chéch nửa dòng sông.

334

Cùng bọn trò nho đi thăm chùa Phúc Khánh

,

Chùa cổ một mình, gạch bám rêu,
Tán lá như đan sợi nắng chiều.
Với đám trò nhỏ cùng đi dạo,
Tiếng lá thông reo tựa tiếng triều.
Gian khó đường đời, không ngựa tốt,
Hy vọng thiên tâm ngộ đạo nhiều.
Cực lạc nơi nào chưa biết rõ,
Chỉ biết lòng buồn nghe cuộc kêu.

335

Hạn hán lâu ngày

Đồng khô nứt nẻ, hạn lâu ngày,
Đêm qua gió lạnh thổi về đây.
Loạn lạc càng làm dân đói khổ,
ích gì gọi gió với cầu mây.
Dẫu muộn, vẫn còn mong được cấy,
Ruộng đồng vất vả, việc luân tay.
Chống gậy, ngược lên nhìn chột thấy,
ùn ùn mây xám phía trời tây.

